

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

ĐỖ TRẦN PHƯƠNG ANH

**HOẠT ĐỘNG THAM VẤN HỌC ĐƯỜNG
CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
TẠI QUẬN ĐÔNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

LUẬN VĂN THẠC SĨ CÔNG TÁC XÃ HỘI

HÀ NỘI - 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

ĐỖ TRẦN PHƯƠNG ANH

**HOẠT ĐỘNG THAM VẤN HỌC ĐƯỜNG
CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
TẠI QUẬN ĐÔNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Chuyên ngành : Công tác xã hội

Mã số : 8760101

LUẬN VĂN THẠC SỸ CÔNG TÁC XÃ HỘI

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. PHẠM VĂN TƯ

HÀ NỘI - 2021

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam kết đề tài "*Hoạt động tham vấn học đường cho học sinh trung học phổ thông tại quận Đống Đa, thành phố Hà Nội*" là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nghiên cứu nêu trong luận văn là trung thực, đúng với thực tiễn nghiên cứu và thông tin trích dẫn trong luận văn cũng được chỉ rõ nguồn gốc trích dẫn.

Tôi xin chịu trách nhiệm về nghiên cứu của mình.

Nội, ngày....tháng....năm 2021

Tác giả luận văn

Đỗ Trần Phương Anh

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành được luận văn này, trước tiên, tôi xin được gửi lời cảm ơn đến tất cả quý thầy cô đã giảng dạy trong chương trình đào tạo Sau Đại học ngành Công tác xã hội - Trường Đại học Lao động – Xã hội, những người đã truyền đạt cho tôi kiến thức hữu ích nói chung và về Công tác xã hội cũng như tham vấn học đường nói riêng làm cơ sở cho tôi thực hiện luận văn này.

Tôi xin chân thành cảm ơn TS. Phạm Văn Tư – người hướng dẫn khoa học đã tận tình hướng dẫn cho tôi trong suốt thời gian thực hiện luận văn này. Với sự quan tâm chỉ bảo và sự góp ý chân thành của thầy đã cho tôi rất nhiều kinh nghiệm trong quá trình thực hiện cũng như có thể tiến bộ hơn trong những bước nghiên cứu tiếp theo.

Tôi xin gửi lời cảm ơn đến Ban Giám hiệu và các phòng chuyên môn, các thầy cô giáo, các em học sinh của trường THPT Quang Trung – Đống Đa và THPT Phan Huy Chú – Đống Đa đã tạo điều kiện, tận tình giúp đỡ tôi trong quá trình thu thập dữ liệu, thông tin của luận văn tại trường.

Do thời gian có hạn và kinh nghiệm nghiên cứu khoa học chưa nhiều nên luận văn không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được ý kiến góp ý của Quý Thầy/Cô giúp tôi hoàn thiện luận văn này.

Xin trân trọng cảm ơn!

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT..... | IV |
| DANH MỤC BẢNG..... | V |
| DANH MỤC BIỂU ĐỒ, HÌNH ẢNH..... | VI |
| LỜI MỞ ĐẦU..... | 1 |
| 1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI..... | 1 |
| 2. TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU..... | 3 |
| 3. MỤC ĐÍCH, NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU..... | 11 |
| 4. ĐỐI TƯỢNG, KHÁCH THỂ VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU..... | 11 |
| 5. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU..... | 12 |
| 6. NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN VĂN..... | 15 |
| 7. KẾT CẤU CỦA NGHIÊN CỨU..... | 15 |
| CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG THAM VẤN HỌC ĐƯỜNG CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG..... | 17 |
| 1.1. Các khái niệm liên quan đến đề tài..... | 17 |
| <i>1.1.1. Khái niệm học sinh trung học phổ thông.....</i> | <i>17</i> |
| <i>1.1.2. Khái niệm tham vấn học đường.....</i> | <i>17</i> |
| <i>1.1.3. Khái niệm tham vấn học đường cho học sinh trung học phổ thông.....</i> | <i>18</i> |
| <i>1.1.4. Khái niệm tham vấn viên.....</i> | <i>20</i> |
| <i>1.1.5. Chức năng, nhiệm vụ của tham vấn viên.....</i> | <i>21</i> |
| 1.2. Lý luận về hoạt động tham vấn học đường cho học sinh trung học phổ thông..... | 21 |
| <i>1.2.1. Mục đích tham vấn học đường cho học sinh trung học phổ thông.....</i> | <i>21</i> |
| <i>1.2.2. Ý nghĩa tham vấn học đường cho học sinh trung học phổ thông.....</i> | <i>22</i> |
| <i>1.2.3. Đặc điểm tâm lý và nhu cầu của học sinh trung học phổ thông.....</i> | <i>23</i> |
| <i>1.2.4. Nội dung các hoạt động tham vấn cho học sinh trung học phổ thông.....</i> | <i>27</i> |
| 1.3. Yếu tố liên quan đến hoạt động tham vấn học đường cho học sinh trung học phổ thông..... | 29 |
| <i>1.3.1. Yếu tố thuộc về chính sách.....</i> | <i>29</i> |
| <i>1.3.2. Yếu tố thuộc về nhà trường.....</i> | <i>32</i> |

| | |
|--|-----------|
| 1.3.3. <i>Yếu tố thuộc về đội ngũ cán bộ chuyên môn</i> | 32 |
| 1.3.4. <i>Yếu tố thuộc về phụ huynh</i> | 33 |
| 1.3.5. <i>Yếu tố thuộc về học sinh</i> | 34 |
| 1.4. Một số lý thuyết liên quan đến đề tài | 34 |
| 1.4.1. <i>Thuyết nhu cầu</i> | 34 |
| 1.4.2. <i>Thuyết phát triển tâm lý xã hội</i> | 37 |
| TIÊU KẾT CHƯƠNG 1 | 42 |
| CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG THAM VẤN HỌC ĐƯỜNG CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TẠI QUẬN ĐÔNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI | 43 |
| 2.1. Đặc điểm về địa bàn nghiên cứu và khái quát chung về học sinh trung học phổ thông tại quận Đống Đa, thành phố Hà Nội | 43 |
| 2.1.1. <i>Đặc điểm về địa bàn nghiên cứu</i> | 43 |
| 2.1.2. <i>Khái quát chung về khách thể tại địa bàn nghiên cứu</i> | 47 |
| 2.2. Thực trạng hoạt động tham vấn học đường đối với học sinh tại địa bàn nghiên cứu | 63 |
| 2.2.1. <i>Thực trạng thực hiện tham vấn phòng ngừa cho học sinh tại địa bàn nghiên cứu</i> | 63 |
| 2.2.2. <i>Thực trạng thực hiện tham vấn can thiệp cho học sinh tại địa bàn nghiên cứu</i> | 69 |
| 2.2.3. <i>Thực trạng thực hiện tham vấn phục hồi cho học sinh trung học phổ thông tại địa bàn nghiên cứu</i> | 75 |
| 2.2.4. <i>Thực trạng thực hiện tham vấn phát triển cho học sinh trung học phổ thông tại địa bàn nghiên cứu</i> | 76 |
| 2.3. Thực trạng yếu tố liên quan đến hoạt động tham vấn học đường cho học sinh trung học phổ thông tại địa bàn nghiên cứu | 80 |
| 2.3.1. <i>Thực trạng yếu tố thuộc về chính sách</i> | 81 |
| 2.3.2. <i>Thực trạng yếu tố thuộc về nhà trường</i> | 82 |
| 2.3.3. <i>Thực trạng yếu tố thuộc về đội ngũ cán bộ chuyên môn</i> | 83 |
| 2.3.4. <i>Thực trạng yếu tố thuộc về phụ huynh</i> | 84 |
| 2.3.5. <i>Thực trạng yếu tố thuộc về học sinh</i> | 85 |
| 2.4. Đánh giá chung về thực trạng hoạt động tham vấn học đường cho học sinh cho học sinh trung học phổ thông tại địa bàn nghiên cứu | 86 |

| | |
|---|------------|
| 2.4.1. Thành công | 86 |
| 2.4.2. Hạn chế | 87 |
| 2.4.3. Nguyên nhân của hạn chế | 88 |
| TIỂU KẾT CHƯƠNG 2 | 93 |
| CHƯƠNG 3: BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG THAM VẤN HỌC ĐƯỜNG CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TẠI QUẬN ĐÔNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI..... | 94 |
| 3.1. Ứng dụng hoạt động tham vấn học đường cho học sinh trung học phổ thông | 94 |
| 3.1.1. Giới thiệu về trường hợp: | 94 |
| 3.1.2. Tiến trình tham vấn | 96 |
| 3.1.3. Lượng giá | 105 |
| 3.2. Cơ sở đề xuất biện pháp | 106 |
| 3.2.1. Nguyên tắc đề xuất biện pháp | 106 |
| 3.2.2. Cơ sở pháp lý | 107 |
| 3.2.3. Cơ sở thực tiễn | 109 |
| 3.3. Các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tham vấn học đường tại trường Trung học phổ thông thành phố Hà Nội..... | 109 |
| 3.3.1. Tập huấn cho đội ngũ cán bộ, giáo viên làm công tác tham vấn học đường kiến thức, kỹ năng tham vấn học đường và công tác xã hội học đường..... | 109 |
| 3.3.2. Xây dựng kế hoạch tham vấn cụ thể cho học sinh | 111 |
| 3.3.3. Tổ chức các hoạt động truyền thông để học sinh được tiếp cận, tham gia các hoạt động tham vấn học đường | 112 |
| TIỂU KẾT CHƯƠNG 3. | 114 |
| KẾT LUẬN | 115 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 116 |
| PHỤ LỤC | 119 |

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

| <i>STT</i> | <i>Các từ viết tắt</i> | <i>Nghĩa của các từ viết tắt</i> |
|------------|------------------------|----------------------------------|
| 1 | BGH | Ban giám hiệu |
| 2 | CTXH | Công tác xã hội |
| 3 | NVCTXH | Nhân viên công tác xã hội |
| 4 | TC | Thân chủ |
| 5 | THPT | Trung học phổ thông |
| 6 | TNV | Tình nguyện viên |
| 7 | TVCT | Tham vấn can thiệp |
| 8 | TVHD | Tham vấn học đường |
| 9 | TVPH | Tham vấn phục hồi |
| 10 | TVPN | Tham vấn phòng ngừa |
| 11 | TVPT | Tham vấn phát triển |
| 12 | TVV | Tham vấn viên |
| 13 | UBND | Ủy ban nhân dân |

DANH MỤC BẢNG

| | |
|---|----|
| Bảng 2.1. Đặc điểm khách thể nghiên cứu | 45 |
| Bảng 2.2. Mức độ hiệu quả trong việc đưa ra phương án xử lý căng thẳng tại trường THPT Quang Trung..... | 52 |
| Bảng 2.3. Mức độ hiệu quả trong việc đưa ra phương án xử lý căng thẳng tại Trường THPT Phan Huy Chú | 53 |
| Bảng 2.4. Trình độ chuyên môn kỹ thuật của phụ huynh | 57 |
| Bảng 2.5. Nghề nghiệp của phụ huynh | 58 |
| Bảng 2.6. Mức độ chi trả cho Tham vấn học đường của phụ huynh..... | 60 |
| Bảng 2.7. Giáo viên phụ trách hoạt động TVPN | 64 |
| Bảng 2.8. Mức độ hiệu quả của hoạt động..... | 65 |
| Bảng 2.9. Yếu tố khiến các hoạt động tham vấn còn hạn chế tại trường THPT Quang Trung | 8 |
| Bảng 2.10. Yếu tố khiến các hoạt động tham vấn còn hạn chế tại trường THPT Phan Huy Chú | 9 |

DANH MỤC BIỂU ĐỒ, HÌNH ẢNH

| | |
|--|-----|
| Biểu đồ 1.1. Tháp nhu cầu của Maslow | 33 |
| Biểu đồ 2.1. Mức độ phân bổ thời gian trong ngày | 47 |
| Biểu đồ 2.2. Tỷ lệ học sinh tham gia 2 CLB tại trường THPT Phan Huy Chú48 | |
| Biểu đồ 2.3. Tỷ lệ học sinh tham gia CLB tại trường THPT Quang Trung | 49 |
| Biểu đồ 2.4. Tỷ lệ học sinh bị căng thẳng theo vấn đề | 50 |
| Biểu đồ 2.5. Tỷ lệ học sinh tìm cách xử lý khi gặp phải vấn đề | 51 |
| Biểu đồ 2.6. Tỷ lệ học sinh tham gia hoạt động TVPN tại trường | 62 |
| Biểu đồ 2.7. Tỷ lệ học sinh tham gia hoạt động tham vấn phát triển | 74 |
| Biểu đồ 2.8. Các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động tham vấn học đường..... | 78 |
| Biểu đồ 3.1. Sơ đồ cây vấn đề..... | 102 |
| Biểu đồ 3.2. Ma trận SWOT | 104 |
| Biểu đồ 3.3. Yếu tố thông minh nổi trội của thân chủ | 105 |

LỜI MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Ở mỗi giai đoạn phát triển khác nhau, con người luôn có những nhu cầu nhất định về tâm, sinh lý. Học sinh trung học phổ thông (từ 16 đến 18 tuổi), là giai đoạn đặc biệt của cuộc đời mỗi con người vì lứa tuổi đầu thành niên là lứa tuổi có những thay đổi rõ nét về cả thể chất lẫn tinh thần. Nếu như hình dáng vẻ bên ngoài trẻ giống người lớn thì về mặt tâm lý xã hội trẻ vẫn còn rất trẻ con, chính vì vậy các em phải đối mặt với những thách thức và khó khăn nhất định, không chỉ ở bên ngoài xã hội mà còn cả ở bên trong tâm lý. Hơn bao giờ hết tham vấn học đường ở giai đoạn này đã trở nên vô cùng cần thiết nhằm chăm sóc sức khỏe tinh thần cũng như tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với lứa tuổi cho học sinh.

Trên thế giới và đặc biệt ở các nước phát triển, tham vấn học đường trở thành một loại hình dịch vụ không thể thiếu tại các trường học và ở mọi cấp học. Hoạt động tham vấn nói chung ở Việt Nam hiện nay phát triển mạnh mẽ với nhiều loại hình tham vấn đa dạng và phong phú khác nhau nhằm đáp ứng những nhu cầu phức tạp của mỗi người. Tuy nhiên tham vấn chuyên biệt cho học sinh, đặc biệt là học sinh trung học phổ thông giúp các em trang bị những kiến thức cần thiết nhằm ứng phó và giải quyết những khó khăn tâm lý gặp phải trong cuộc sống và trong học tập cũng là một lĩnh vực khá mới mẻ, còn gặp nhiều hạn chế và cần được nghiên cứu và phát triển. Dưới áp lực học tập cùng với sự xáo trộn trong môi trường khi lên cấp 3, dẫn đến những biến động không nhỏ tới tâm lý của các em. Các em cũng gặp phải những khó khăn tâm lý cần được tháo gỡ mà không phải thầy cô hay cha mẹ nào cũng có thể giúp đỡ để các em có được sự thăng bằng về tâm lý, sự hiểu biết và phương hướng phát triển nhân cách đúng đắn. Đây là một nhu cầu có thực và ngày càng trở nên cấp thiết của học sinh trung học phổ thông.

Nghiên cứu này nhằm đánh giá những ảnh hưởng của hoạt động tham vấn học đường đối với học sinh tại trường trung học phổ thông tại quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Đây là một trong những quận trung tâm của thành phố, nằm trong cụm Đống Đa – Thanh Xuân – Cầu Giấy. Với điều kiện kinh tế và môi trường tốt, quận Đống Đa trở thành nơi định cư lý tưởng của nhiều người lao động tới từ nhiều nơi ở khu vực phía bắc. Dân ở khu vực này có những màu sắc văn hóa và lối sống khác nhau. Điều này đã tác động tới nếp sống, lối suy nghĩ cũng như hành vi ứng xử của nhóm trẻ từ 16 tới 18 tuổi tại đây. Sau khi Thông tư số 33/2018/TT-BGDĐT được ban hành vào ngày 26 tháng 12 năm 2018, trường học các cấp, các cơ sở giáo dục trong địa bàn quận đã triển khai thực hiện. Nhưng còn gặp nhiều khó khăn cả về nhân lực, cũng như nguồn lực trong quá trình thực hiện.

Trường THPT Quang Trung và THPT Phan Huy Chú thuộc quận Đống Đa, hoạt động dạy và học được chú trọng ở cả bồi dưỡng văn hóa và rèn luyện đạo đức. Vậy nên học sinh của 2 trường sẽ khó tránh khỏi những áp lực khác nhau, đồng thời cũng phải đối mặt với những vấn đề nhất định trong đời sống học đường và cuộc sống cá nhân. Ngay sau khi tiếp nhận chỉ đạo của Bộ Giáo dục & Đào tạo, 2 trường đã có những hoạt động cụ thể nhằm thực hiện hoạt động công tác xã hội nói chung và tham vấn học đường nói riêng.

THPT Quang Trung là trường nhiều năm liền giữ tỷ lệ học sinh tốt nghiệp cao đẳng, đại học cao, thường xuyên dẫn đầu trong các hoạt động ngoại khóa của quận và thành phố. Trung tâm tham vấn học đường tại trường sau khi đi vào hoạt động đã tiếp nhận hơn 4 trường hợp mỗi ngày, chiếm 76% tỷ lệ học sinh toàn trường (số liệu thống kê trong học kỳ II năm học 2018 – 2019). Trong đó, các em thường xuyên mắc lỗi kỷ luật trong trường tìm tới chiếm tỷ lệ cao (37%).

THPT Phan Huy Chú, khởi đầu là trường bán công với nhiều sự khó khăn về cơ sở vật chất, nay vươn lên thành công lập tự chủ tài chính, Phan Huy Chú hiện đang là trường dẫn đầu trong quận Đống Đa về bồi dưỡng học sinh toàn cầu, nghĩa là toàn diện từ kiến thức văn hóa tới kỹ năng ứng xử xã hội. Nhưng như vậy đồng nghĩa với việc học sinh sẽ phải đối mặt với nhiều áp lực hơn, đòi hỏi nhà trường phải có những phương án hỗ trợ phù hợp cho các em. Theo báo cáo thống kê của nhà trường về tỷ lệ học sinh cần tới sự trợ giúp của tham vấn, tư vấn học đường học kỳ II năm học 2018 – 2019 là 82%. So với cùng kỳ năm học 2017 – 2018 thì đã tăng hơn 14%. Đây là sự gia tăng đáng lo ngại đối với công tác tham vấn học đường của nhà trường.

Vấn đề đặt ra là cần phải tìm hiểu xem có những nguyên nhân cơ bản nào gây ra những khó khăn tâm lý của các em? Nhu cầu tham vấn tâm lý của các em ở mức độ nào? Lĩnh vực nào các em cần được tham vấn nhiều nhất? Từ đó có thể xác định các hoạt động tham vấn học đường hiện tại đã phù hợp chưa và xác định phương hướng tổ chức các hoạt động tham vấn nhằm đáp ứng nhu cầu của các em học sinh.

Xuất phát từ những lý do trên, việc lựa chọn đề tài: ***“Hoạt động tham vấn học đường cho học sinh trung học phổ thông tại quận Đống Đa, thành phố Hà Nội”*** là cần thiết, có ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn.

2. TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

2.1. Trên thế giới

2.1.1. Nghiên cứu về tham vấn học đường và các vấn đề tham vấn trong học đường:

Richard Lieberman (Một nhà tâm lý học trường học, chuyên gia về tự tử ở học khu thống nhất Los Angeles) và Katherine C. Cowan (Giám đốc truyền thông Hiệp hội các nhà tâm lý học đường quốc gia) (10/2011) “Bullying and Youth Suicide: Breaking the Connection.” Nghiên cứu này đã

chỉ ra rằng: Bắt nạt là hành vi sẵn mồi và chống đối, góp phần gây ra nỗi thống khổ trầm lắng của hàng triệu học sinh và khiến một số học sinh có nguy cơ cao có ý nghĩ và hành vi tự sát. Đề tài cũng chỉ ra việc can thiệp bằng hình thức tham vấn học đường ngay từ khi sự việc có sự nhen nhóm giúp giảm thiểu đáng kể những hậu quả về cả thể chất lẫn tinh thần của học sinh. Từ những kết quả nghiên cứu trong đề tài này, có thể thấy tính cấp thiết của các hoạt động tham vấn học đường, đồng thời cũng có thể áp dụng để nghiên cứu những biểu hiện cũng như nguy cơ của bắt nạt và tự tử trong học đường tại Việt Nam, nhất là khi các vụ tự tử học đường đang có chiều hướng tăng lên trong thời gian gần đây.

Kosciw và cộng sự (2016) trong một nghiên cứu về “Sự an toàn và hỗ trợ trong trường học đối với học sinh LGBTQ+”, tác giả cho rằng: “Tất cả thanh niên, bao gồm cả thanh thiếu niên LGBTQ+, đều kiên cường và có thể phát triển trong môi trường mà họ cảm thấy an toàn, được hỗ trợ và được tôn trọng. Bản thân việc trở thành LGBTQ+ không khiến thanh thiếu niên gặp nhiều rủi ro; tuy nhiên, việc là LGBTQ+ trong môi trường dị tính, đồng tính, phân biệt giới tính thì thanh thiếu niên có nhiều khả năng bị quấy rối, bắt nạt, phân biệt đối xử và áp bức có thể tác động tiêu cực đến quỹ đạo phát triển của thanh thiếu niên LGBTQ+. Trong trường học, mức độ nạn nhân của thanh thiếu niên LGBTQ+ cao hơn có liên quan đến việc đi học kém hơn, điểm trung bình thấp hơn, ít kế hoạch cho giáo dục sau trung học hơn, lòng tự trọng thấp hơn, tỷ lệ trầm cảm cao hơn, lạm dụng chất kích thích và nguy cơ tự tử cao hơn. Nghiên cứu này đã đề cập tới một lĩnh vực không mới mẻ trên thế giới nhưng còn lạ lẫm và cần được khai thác nhiều hơn ở Việt Nam. Nhất là trong thời điểm Việt Nam đang hội nhập với Quốc tế, việc tiếp nhận những kiến thức mở mẽ cũng như mở rộng chiều sâu trong tâm lý con người là

những kiến thức vô cùng cần thiết cho cả người thực hiện hoạt động tham vấn cũng như học sinh thuộc nhóm có nhu cầu được tham vấn.

Vào tháng 5 năm 2020, Hiệp hội các nhà tâm lý học trường học quốc gia (NASP) đã thông qua “Mô hình cho các dịch vụ tâm lý học đường toàn diện và tích hợp”, còn được gọi là Mô hình thực hành NASP. Mô hình này đại diện cho chính sách chính thức của NASP về việc cung cấp các dịch vụ tâm lý học đường. Mô hình năm 2020 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2020 và được xây dựng dựa trên sự thành công của mô hình năm 2010 trong việc thúc đẩy việc triển khai nhất quán các dịch vụ tâm lý học đường nhằm đảm bảo hiệu lực, hiệu quả và chất lượng tối đa trong các trường học trên toàn quốc. Mô hình gồm 10 lĩnh vực thực hành. Đây là tài liệu tham khảo hữu ích để xây dựng mô hình hoạt động tham vấn học đường tại Việt Nam được toàn diện, tiếp cận và đáp ứng được nhu cầu của học sinh trong nhà trường.

2.1.2. Nghiên cứu về hoạt động tham vấn học đường cho học sinh trung học phổ thông:

Trong nghiên cứu “Shortages in School counseling: Challenges to Meeting the Growing Needs of U.S. Students and Schools” (Tình trạng thiếu hụt tham vấn viên học đường: Thách thức để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của học sinh và trường học Hoa Kỳ) được trình bày bởi Hiệp hội các nhà tâm lý học đường quốc gia (NASP) (2016), đã đề cập tới tầm nhìn là tất cả trẻ em và thanh thiếu niên đều phát triển tốt ở trường học, ở nhà và trong suốt cuộc đời. Một trong những sáng kiến được đề xuất để giải quyết những thiếu hụt nghiêm trọng trong tham vấn học đường. Các yếu tố được chỉ ra dẫn tới sự thiếu hụt gồm có có:

- Thiếu giảng viên có trình độ trong các chương trình đào tạo sau đại học

- Quyền truy cập hạn chế vào các chương trình chuẩn bị sau đại học được NASP phê duyệt ở một số vùng của đất nước
- Số lượng ứng viên đủ tiêu chuẩn cho một số chương trình có hạn; trong khi các chương trình khác có thể có nhiều ứng viên đủ điều kiện hơn mức họ có thể chấp nhận
- Khó khăn trong việc thu hút sinh viên tốt nghiệp từ một số chương trình vào các khu vực có vị trí tuyển dụng liên tục xảy ra
- Khó khăn trong việc giữ chân các nhà tâm lý học có trình độ
- Tình trạng thiếu thực tập được chấp thuận và người giám sát thực tập đủ tiêu chuẩn
- Đa dạng về chủng tộc - dân tộc, văn hóa và ngôn ngữ hạn chế

Nghiên cứu này góp phần không nhỏ trong việc chỉ ra nguyên nhân của việc thiếu hụt nhân lực thực hiện hoạt động tham vấn, đồng thời cũng đề xuất các phương án trong việc thu hút, bổ sung và đào tạo đội ngũ nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu tham vấn học đường đang ngày càng tăng lên ở cả học sinh lẫn giáo viên và phụ huynh học sinh.

Stephen E. Brock & H. Thomas Brant, “Four Ways to Improve Student Mental-Health Support” (Bốn cách để cải thiện hỗ trợ sức khỏe tâm thần cho học sinh) (21/01/2015), nghiên cứu này đã chỉ ra bốn cách giúp tham vấn viên hỗ trợ học sinh trong việc cải thiện sức khỏe tâm thần bao gồm:

- Cung cấp liên tục các hỗ trợ sức khỏe tâm thần ở trường học và cộng đồng.
- Mở rộng khả năng tiếp cận với các hỗ trợ sức khỏe tâm thần của trường học ngoài giáo dục đặc biệt.
- Cải thiện sự hợp tác giữa nhà trường và cộng đồng để cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe tâm thần tích hợp và phối hợp.

- Trao quyền cho các gia đình quản lý vô số các quyết định và nguồn lực mà họ cần để đáp ứng các nhu cầu về sức khỏe tâm thần của con họ.

Tóm tắt các kết luận quan trọng của mình, báo cáo kêu gọi cải thiện sự hợp tác giữa các trường học, các nhà cung cấp dịch vụ cộng đồng và gia đình; và thúc đẩy việc ra quyết định có thông tin, hiệu quả và bền vững hơn. Tài liệu này góp phần quan trọng trong việc xây dựng kế hoạch hoạt động tham vấn cho học sinh trong việc hỗ trợ cải thiện sức khỏe tinh thần.

Trong một nghiên cứu của National Association of School Psychologists (NASP) về “School Counseling Mental Health Services Improving Student Learning and Well-Being” (Dịch vụ Tham vấn học đường tại Trường học: Cải thiện Học tập và Sức khỏe của Học sinh). Theo Bộ Y tế và Dịch vụ Nhân sinh Hoa Kỳ, 1/5 trẻ em và thanh thiếu niên gặp vấn đề như căng thẳng, lo lắng, bất an, các vấn đề gia đình, trầm cảm, khuyết tật học tập và lạm dụng rượu và chất kích thích. Các vấn đề nghiêm trọng như các hành vi tự gây thương tích và tự tử, đang gia tăng, đặc biệt là ở giới trẻ. Theo ước tính, có tới 60% học sinh không nhận được sự điều trị cần thiết do bị kỳ thị và không được tiếp cận với các dịch vụ. Tăng cường khả năng tiếp cận các dịch vụ và hỗ trợ công tác xã hội trong trường học là rất quan trọng để cải thiện sự an toàn về thể chất và tâm lý cũng như kết quả học tập và kỹ năng giải quyết vấn đề. Các tác giả đã chứng minh rằng việc có các dịch vụ tham vấn học đường trong trường học giúp các em học sinh không chỉ cải thiện về mặt sức khỏe tinh thần, mà còn cải thiện cả khả năng và chất lượng học tập.

Các đề tài nêu trên đều là những đề tài tiêu biểu, mang lại nhiều đóng góp cho cả lý luận và thực tiễn cho CTXH học đường nói chung và tham vấn học đường nói riêng. Tuy nhiên, trên đây chỉ là một trong rất nhiều những khía cạnh khác nhau trong học đường. Đồng thời, các khía cạnh này mới chỉ đang dần trở nên rõ ràng hơn tại Việt Nam, song song với đó còn có rất nhiều

những vấn đề khác, những thiếu sót khác còn đang tồn tại trong môi trường học đường cần được nhìn nhận, khai thác làm rõ và có phương án cải thiện, xử lý kịp thời và phù hợp.

2.2. Tại Việt Nam

Tham vấn học đường luôn thu hút được sự quan tâm của các tác giả ở các khía cạnh khác nhau. Các tác giả thường tìm hiểu sâu về những yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả của tham vấn học đường, các khó khăn mà học sinh thường gặp phải cũng như đề xuất cách ứng phó với những khó khăn đó, hay vai trò của nhân viên công tác xã hội khi tham vấn cho học sinh. Có thể kể tới một vài nghiên cứu như:

Tại Hội thảo Quốc tế lần thứ 5 về Sức khỏe Tâm thần trẻ em Việt Nam, do Trường ĐH Giáo dục (ĐHQG Hà Nội) phối hợp tổ chức từ ngày 25-26/10/2019 tại Hà Nội, PGS. TS Trần Thành Nam (Trường ĐHKH Giáo dục - ĐHQG Hà Nội) cho hay, tỷ lệ trẻ tuổi học đường bị rối loạn lo âu hiện khoảng 20% và đang có chiều hướng gia tăng. Còn ông Phạm Trung Kiên, khoa Y Dược (ĐHQG Hà Nội) nhận xét, từ trước đến nay, chúng ta chỉ quan tâm đến bệnh lý chứ chưa chú ý tâm bệnh. Trong khi đó, việc chẩn đoán tâm bệnh rất khó nên lĩnh vực sức khỏe tâm thần bị lãng quên nhiều hơn cũng là điều dễ hiểu. Về điều này, PGS. TS Nam chia sẻ thêm, mặc dù tỷ lệ trẻ em lo âu gia tăng những vấn đề sức khỏe tâm thần và tham vấn tâm lý trường học hiện vẫn đang là khoảng trống. (Theo Mỹ Hà - Báo Dân Trí số đăng ngày 27/10/2019).

Trong nghiên cứu của tác giả Lê Thục Anh, “Tâm lý học đường và sự cần thiết hỗ trợ tâm lý trong nhà trường phổ thông hiện nay” đăng trên tạp chí khoa học Đại học Vinh (07/12/2017). Tác giả đã chỉ ra được tính cấp thiết của tham vấn tâm lý học đường cho lứa tuổi học sinh trung học phổ thông, cụ thể: Tại Hội thảo quốc gia “Sức khỏe tâm thần trong trường học” do Quỹ Tài năng

trẻ Tâm lý học - Giáo dục học (Hội Khoa học Tâm lý - Giáo dục Việt Nam) tổ chức tại Đồng Nai năm 2014, nhiều chuyên gia tâm lý, sức khỏe tâm thần đã lên tiếng cảnh báo về tình trạng ngày càng sa sút của HS, trong đó tâm lý lo sợ không hoàn thành bài vở là nỗi ám ảnh với các HS lứa tuổi trung học phổ thông, nhất là các em lớp 12. Từ đó, HS cảm thấy căng thẳng trong việc học, 13,6% HS khá cảm thấy ăn không ngon, 17,6% chỉ muốn uống nước hoặc sữa và gần 20% thường xuyên bỏ bữa. Thậm chí, một số em tâm sự đang đối mặt một kỳ thi quan trọng, sợ làm bài không tốt, sợ gia đình thất vọng và khi nghĩ đến những điều đó thì các em chỉ muốn... “nổ tung”. Các luận điểm của tác giả cũng xoay quanh việc những hạn chế này là sự thiếu vắng các điều kiện cần thiết để chính thức hóa đội ngũ làm công tác trợ giúp tâm lý trong các nhà trường phổ thông cả về số lượng lẫn chất lượng. Từ đó tác giả đưa ra một số đề xuất về việc xây dựng và phát triển đội ngũ làm công tác trợ giúp tâm lý trong các nhà trường phổ thông hiện nay.

Tác giả Trương Thanh Trí, trong đề tài nghiên cứu “Khó khăn tâm lý trong công tác tham vấn học đường tại thành phố Hồ Chí Minh” (2011), đề tài này đã chỉ ra được sự ảnh hưởng của yếu tố tâm lý tới hoạt động tham vấn của người làm công tác tham vấn học đường. Các đề xuất của tác giả chủ yếu tập trung vào việc chuẩn hóa đào tạo cán bộ tham vấn theo chuyên ngành, đồng thời trang bị tốt về các mặt như nhận thức, thái độ và hành vi nghề nghiệp nhằm nâng cao năng lực công tác cũng như khả năng tự ứng phó các khó khăn tâm lý trong quá trình hoạt động nghề nghiệp của bản thân.

Tác giả Nguyễn Thị Trâm Anh trong đề tài “Hoạt động tham vấn tâm lý cho học sinh tại các trường THCS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng”, (9/2016). Nghiên cứu này chỉ ra hoạt động tham vấn học đường tại các trường THCS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã có sự quan tâm và triển khai đến các đơn vị trường học, tuy nhiên hoạt động còn rời rạc, chưa đi theo một mô hình

chương trình cụ thể. Đồng thời nghiên cứu cũng đề xuất được một số mô hình có tính khoa học và khả thi sẽ góp phần giúp các nhà quản lý trường học triển khai hoạt động này một cách chuyên nghiệp và đáp ứng nhu cầu được tham vấn tâm lý trong nhà trường, giải quyết được các vấn đề tâm lý học đường.

Tác giả Lê Thị Thu Hà, “Thực trạng quản lý hoạt động tham vấn học đường ở các trường trung học phổ thông tại quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh” (2013). Nghiên cứu có chỉ ra công tác quản lý hoạt động tham vấn học đường ở các trường trung học tại quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, đạt được những thành tựu như: Hiệu trưởng xây dựng được chương trình tham vấn học đường; thực hiện đầy đủ chế độ chính sách cho người phụ trách công tác tham vấn học đường. Đồng thời nghiên cứu cũng chỉ ra một số hạn chế như: cán bộ quản lý chưa quan tâm đúng mức đến hoạt động này; chưa tạo được sự phối hợp giữa tham vấn viên và các lực lượng giáo dục khác và chưa đánh giá được hiệu quả của hoạt động tham vấn tại trường. Nghiên cứu này là một tài liệu quan trọng trong việc tham khảo cũng như so sánh các hoạt động tham vấn học đường trong nghiên cứu của tôi.

Hầu hết các nghiên cứu về tham vấn học đường đều theo hướng tập trung và đi sâu vào phân tích tâm lý cũng như giải quyết theo hướng tâm lý. Đối với những nghiên cứu về công tác xã hội học đường, có thể thấy hầu hết các nghiên cứu đều tiếp cận theo hướng hình thức tham vấn (tham vấn cá nhân, tham vấn nhóm, tham vấn gia đình,...) và thường đi sâu vào một vấn đề cụ thể nhằm làm rõ và đưa ra đề xuất phù hợp nhằm cải thiện tình hình. Tuy nhiên, đối với lĩnh vực tham vấn trong công tác xã hội, việc tiếp cận theo mục đích tham vấn (tham vấn phòng ngừa, tham vấn can thiệp, tham vấn trị liệu và tham vấn phát triển) thì chưa có công trình nào làm nổi bật ý nghĩa của hoạt động tham vấn trong học đường, đồng thời cũng chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu đề tài: ***“Hoạt động tham vấn học đường tại trường***

trung học phổ thông quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.”. Vì vậy tôi chọn đề tài này là đề tài mới, có ý nghĩa về mặt lí luận và thực tiễn.

3. MỤC ĐÍCH, NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

3.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về hoạt động tham vấn học đường đối với học sinh trung học phổ thông tại quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Trên cơ sở đó đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tham vấn học đường cho học sinh trung học phổ thông tại quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nghiên cứu cơ sở lý luận về hoạt động tham vấn học đường đối với học sinh trung học phổ thông.

Khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động tham vấn học đường đối với học sinh trung học phổ thông tại quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tham vấn học đường cho học sinh trung học phổ thông quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

4. ĐỐI TƯỢNG, KHÁCH THỂ VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Hoạt động tham vấn học đường đối với học sinh trung học phổ thông tại trường Trung học phổ thông Quang Trung và trường Trung học phổ thông Phan Huy Chú thuộc địa bàn quận Đống Đa.

4.2. Khách thể nghiên cứu

- Học sinh, giáo viên và phụ huynh học sinh tại trường THPT Quang Trung.
- Học sinh, giáo viên và phụ huynh học sinh tại trường THPT Phan Huy Chú.

4.3. Phạm vi nghiên cứu

4.3.1. Phạm vi nội dung

Đề tài hướng đến nghiên cứu mục tiêu hoạt động, nội dung, hình thức hoạt động tham vấn học đường.

Con người và các điều kiện tổ chức, triển khai hoạt động tham vấn, công tác giám sát hoạt động tham vấn học đường.

4.3.2. Phạm vi không gian

Nghiên cứu tại trường Trung học phổ thông Quang Trung - Đống Đa và trường Trung học phổ thông Phan Huy Chú - Đống Đa.

4.3.3. Phạm vi thời gian

- Thời thu thập tài liệu phục vụ nghiên cứu: Từ tháng 8 năm 2020.
- Thời gian thực hiện đề tài: Từ tháng 12 năm 2020 đến tháng 10 năm 2021.

5. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

5.1. Phương pháp phân tích tài liệu

Phân tích tài liệu là một phương pháp rất cần thiết trong nghiên cứu công tác xã hội. Phương pháp này nhằm thu thập thông tin và nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến học sinh trung học phổ thông, hoạt động tham vấn học đường cho học sinh trung học phổ thông.

Đây cũng là phương pháp nhằm thu thập tất cả những thông tin, văn bản, nghiên cứu, báo cáo, tài liệu cần thiết về lĩnh vực tham vấn học đường cho học sinh trung học phổ thông để có đầy đủ tài liệu phục vụ cho nghiên cứu triển khai viết đề tài.

5.2. Phương pháp điều tra bảng hỏi

Đối tượng điều tra: học sinh trung học phổ thông, giáo viên/ cán bộ phụ trách thực hiện hoạt động tham vấn học đường và phụ huynh học sinh.

Điều tra bằng bảng hỏi là một phương pháp phỏng vấn viết, được thực hiện cùng một lúc với nhiều người theo một bảng hỏi in sẵn. Người được hỏi trả lời ý kiến của mình bằng cách đánh dấu vào các ô tương ứng theo một quy ước nào đó.

Phương pháp này giúp người nghiên cứu đưa ra khảo sát đặc điểm của học sinh tại trường Trung học phổ thông Quang Trung - Đống Đa và trường Trung học phổ thông Phan Huy Chú - Đống Đa (tâm lý và nhu cầu về tâm lý của học sinh, hình thức tham vấn học đường mà học sinh mong muốn, phương hướng tiếp cận và những vấn đề mà học sinh mong muốn được tham vấn).

Với đề tài này, tôi triển khai điều tra:

- 60 học sinh tại trường THPT Quang Trung.
- 60 học sinh tại trường THPT Phan Huy Chú.
- 5 giáo viên tại trường THPT Quang Trung.
- 5 giáo viên tại trường THPT Phan Huy Chú.
- 10 phụ huynh học sinh tại trường THPT Quang Trung.
- 10 phụ huynh học sinh tại trường THPT Phan Huy Chú.

5.3. Phương pháp phỏng vấn sâu

Phỏng vấn sâu là những cuộc đối thoại được lặp đi lặp lại giữa nhân viên công tác xã hội và người cung cấp thông tin nhằm tìm hiểu cuộc sống, kinh nghiệm và nhận thức của người cung cấp thông tin qua chính ngôn ngữ của người ấy.

Với đề tài này tôi tiến hành phỏng vấn sâu đối với các đối tượng:

- 2 học sinh lớp 10 tại mỗi trường.
- 2 học sinh lớp 11 tại mỗi trường.
- 2 học sinh lớp 12 tại mỗi trường.
- 2 phụ huynh học sinh tại mỗi trường.

- 2 giáo viên tại mỗi trường.

5.4. Phương pháp quan sát

Quan sát là phương pháp thu thập thông tin thông qua tri giác như nghe, nhìn,... để thu thập các thông tin từ thực tế nhằm đáp ứng mục tiêu nghiên cứu của đề tài. Phương pháp này được sử dụng để kiểm tra kết quả thông tin thu thập được từ nhóm hộ được khảo sát.

Với đề tài này, tôi tập trung quan sát các hoạt động tham gia sinh hoạt của học sinh tại trường.

Xác định rõ đối tượng quan sát. Quan sát phải được tiến hành trong điều kiện tự nhiên của hoạt động: Người được quan sát không biết mình đang bị quan sát, người quan sát không nên can thiệp vào hoạt động tự nhiên và thay đổi hành vi của đối tượng (nếu là con người), người quan sát phải tự mình tham gia vào hoạt động (lao động, học tập, vui chơi, ...) cùng với người được quan sát (cùng tham gia) để đảm bảo tính tự nhiên của hiện tượng, quá trình nghiên cứu.

Xác định rõ ràng mục đích, nhiệm vụ quan sát. Từ đó, phải xây dựng kế hoạch quan sát trong suốt quá trình nghiên cứu và chương trình của từng buổi quan sát. Điều quan trọng là xác định quan sát toàn bộ hay chọn lọc. Từ đó mới ghi lại tất cả những gì mắt thấy tai nghe hay một mặt nào đó. Không có chương trình, kế hoạch thì tài liệu thu thập được khó tin cậy, không loại trừ được các nhân tố gây nhiễu.

Phải ghi lại kết quả (biên bản) quan sát: ghi lại sự kiện, điều kiện, hoàn cảnh diễn ra sự kiện. Chỉ có ghi lại mới đảm bảo tính lâu dài và có hệ thống: Nhờ đó mới thiết lập được mối quan hệ, liên hệ bản chất điển hình của những biểu hiện của hiện tượng, sự kiện hay tâm lý khác nhau, có thể ghi lại bằng máy ảnh, quay phim, ghi âm, bằng tốc ký, biên bản quan sát,...

5.5. Phương pháp xử lý số liệu

Đối với số liệu thu thập được thông qua điều tra bảng hỏi, nghiên cứu sử dụng phương pháp tổng hợp, phân tích. Sử dụng công cụ SPSS 16.0 để xử lý các bảng hỏi đã thu thập.

6. NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN VĂN

6.1. Về mặt lý luận

Nghiên cứu đã bổ sung và làm phong phú thêm những vấn đề lý luận liên quan đến hoạt động tham vấn học đường cho học sinh THPT.

Nghiên cứu chỉ ra những thiếu sót cần khắc phục về hoạt động tham vấn học đường cho học sinh THPT một cách cấp bách, từ đó có thể hỗ trợ, trợ giúp các em học sinh ứng phó với những tình huống khó khăn có thể xảy ra.

6.2. Đóng góp về mặt thực tiễn

Thông qua việc tìm hiểu và phân tích thực trạng hoạt động TVHĐ cho học sinh THPT cũng những yếu tố gây ảnh hưởng tới hoạt động này để đề ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động TVHĐ cho học sinh THPT.

Kết quả nghiên cứu của đề tài là tài liệu tham khảo bổ ích cho những người làm công tác thực hiện hoạt động TVHĐ nói riêng và CTXH nói chung.

7. KẾT CẤU CỦA NGHIÊN CỨU

Ngoài các phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo thì nội dung đề tài gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về hoạt động tham vấn học đường cho học sinh trung học phổ thông

Chương 2: Thực trạng hoạt động tham vấn học đường cho học sinh trung học phổ thông tại quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Chương 3: Biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tham vấn học đường cho học sinh trung học phổ thông quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG THAM VẤN HỌC ĐƯỜNG CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

1.1. Các khái niệm liên quan đến đề tài

1.1.1. Khái niệm học sinh trung học phổ thông

“Học sinh Trung học phổ thông” là thuật ngữ để chỉ nhóm học sinh đầu tuổi thanh niên (từ 15,16 tuổi đến 17,18 tuổi). Theo tâm lý học lứa tuổi, tuổi thanh niên là giai đoạn phát triển bắt đầu từ lúc dậy thì và kết thúc khi bước vào tuổi mới lớn. [11]

Trong đó tuổi thanh niên là thời kỳ từ 14, 15 tuổi đến 25 tuổi, trong đó chia ra làm 2 thời kỳ:

- Từ 14,15 tuổi đến 17,18 tuổi: giai đoạn đầu tuổi thanh niên (giai đoạn học sinh Trung học phổ thông).
- Từ 17, 18 tuổi đến 25 tuổi : giai đoạn hai của tuổi thanh niên (giai đoạn thanh niên - sinh viên).

Trong luận văn này, chúng tôi sử dụng thuật ngữ “giai đoạn đầu thanh niên”, “độ tuổi thanh niên”, “vị thành niên”,... để chỉ giai đoạn học sinh THPT.

1.1.2. Khái niệm tham vấn học đường

Hiệp hội tham vấn học đường Mỹ - ASCA (1990) định nghĩa tham vấn học đường là “*Giúp đỡ tất cả các học sinh trong học tập, trong quan hệ xã hội, trong công việc, trong nâng cao năng lực cá nhân, giúp họ trở thành người có trách nhiệm và hữu ích. Nhà tham vấn học đường trợ giúp hình thành và tổ chức tất cả những chương trình này, cũng như cung cấp các hoạt động can thiệp tham vấn thích hợp*” [21].

Theo Ed.Neukrug, tham vấn học đường là “*Quá trình cộng tác liên quan đến một nhà tham vấn làm việc với một giáo viên, nhà quản lý, bậc phụ huynh*

hay các chuyên gia khác để chia sẻ những quan tâm về đứa trẻ để có thể đạt đến trình độ thực của mình. Công tác tham vấn giúp giúp các nhà tham vấn học được nhiều kiến thức và kỹ năng hơn để tập trung vào các vấn đề của học sinh và điều đó trợ giúp họ trong việc trở nên khách quan hơn trong khi tiếp xúc với những mối quan tâm của trẻ” [27].

Theo tác giả Trần Thị Minh Đức (2009) và một số tác giả khác: “Tham vấn học đường là tất cả các hoạt động can thiệp nhằm mục đích giúp cho học sinh được phát triển tốt nhất, bao gồm cả hoạt động tham vấn cho giáo viên và cha mẹ học sinh” [7].

Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2017: “Tham vấn tâm lý cho học sinh là sự tương tác, trợ giúp tâm lý, can thiệp (khi cần thiết) của cán bộ, giáo viên tư vấn đối với học sinh khi gặp phải tình huống khó khăn trong học tập, hoàn cảnh gia đình, mối quan hệ với người khác hoặc nhận thức bản thân, từ đó tăng cảm xúc tích cực, tự lựa chọn và thực hiện quyết định trong tình huống đó” [2].

Từ các quan niệm trên, chúng tôi cho rằng: *tham vấn học đường là tiến trình tương tác, trợ giúp tâm lý, can thiệp khi cần thiết của cán bộ, giáo viên làm công tác tham vấn với học sinh có vấn đề tâm lý nảy sinh trong học tập, mối quan hệ với người khác, từ đó giúp học sinh nhận thức được vấn đề của bản thân, khai thác được tiềm năng của bản thân để có thể tự lựa chọn và thực hiện việc giải quyết vấn đề.*

1.1.3. Khái niệm tham vấn học đường cho học sinh trung học phổ thông

TVHĐ cho học sinh THPT là chuỗi nhiệm vụ khác nhau của TVV nhằm hỗ trợ cho học sinh trong độ tuổi THPT dựa trên những nguồn lực như chuyên môn, kỹ năng của TVV; nguồn lực nhân sự, cơ sở vật chất của trường học; và các chính sách của Đảng và Nhà nước dành cho thanh thiếu niên trong độ tuổi THPT.

Hoạt động tham vấn cho học sinh THPT là hoạt động chuyên nghiệp nhằm hỗ trợ các em ứng phó với những khó khăn khác nhau của giai đoạn độ tuổi, đồng thời trang bị kiến thức, kỹ năng phù hợp để các em có thể phát triển tốt, hoàn thiện nhận thức cũng như nhân cách bản thân.

Trong đề tài này, dựa vào mục đích tham vấn, tác giả chia tham vấn học đường thành 4 loại gồm: tham vấn phòng ngừa, tham vấn can thiệp, tham vấn phục hồi, tham vấn phát triển.

Tham vấn phòng ngừa: Phòng ngừa được hiểu như là phòng trước, không để cho cái xấu, cái không hay có thể xảy ra. Tham vấn phòng ngừa trong học đường là tất cả các hoạt động, các phương pháp, hình thức dành cho học sinh, giáo viên nhà trường và cả gia đình học sinh nhằm phòng ngừa các vấn đề ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách của học sinh.

Tham vấn can thiệp: Can thiệp, trị liệu ở đây được hiểu theo hướng tham dự vào nhằm tác động đến vấn đề đang gặp phải và chữa trị vấn đề theo hướng tích cực. Tham vấn can thiệp/ trị liệu trong học đường là các hoạt động can thiệp vào vấn đề có ảnh hưởng tới học sinh (có thể phát sinh từ nhiều nguồn khác nhau như gia đình, nhà trường hay từ chính học sinh) nhằm đưa ra phương án hỗ trợ giải quyết.

Tham vấn phục hồi: Phục hồi là khôi phục cái đã mất đi hoặc đã giảm sút đi trở về trạng thái ban đầu. Có thể hiểu tham vấn phục hồi trong học đường là các hoạt động của nhà tham vấn nhằm hỗ trợ cho học sinh khôi phục lại chức năng xã hội đã mất đi hoặc đã bị giảm sút để có thể hoạt động và phát triển bình thường so với lứa tuổi của trẻ.

Tham vấn phát triển: Phát triển là quá trình vận động tiến lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn của một sự vật. Tham vấn phát triển trong học đường chính là hoạt động tương tác với học sinh, giáo viên (cũng như cán bộ trong nhà trường) và phụ huynh

nhằm giúp các em được đáp ứng về hoàn thiện nhân cách, định hướng nghề nghiệp và phát triển không ngừng trong tương lai.

TVHĐ cho học sinh THPT là chuỗi nhiệm vụ khác nhau của TVV nhằm hỗ trợ cho học sinh trong độ tuổi THPT dựa trên những nguồn lực như chuyên môn, kỹ năng của TVV; nguồn lực nhân sự, cơ sở vật chất của trường học; và các chính sách của Đảng và Nhà nước dành cho thanh thiếu niên trong độ tuổi THPT.

Hoạt động tham vấn cho học sinh THPT là hoạt động chuyên nghiệp nhằm hỗ trợ các em ứng phó với những khó khăn khác nhau của giai đoạn độ tuổi, đồng thời trang bị kiến thức, kỹ năng phù hợp để các em có thể phát triển tốt, hoàn thiện nhận thức cũng như nhân cách bản thân.

1.1.4. Khái niệm tham vấn viên

Trong nhiều năm qua, thuật ngữ “tham vấn viên” được hiểu đơn giản là “những chuyên gia thực hành tham vấn” (professional who practices counseling). Trong những năm gần đây, TVV được hiểu là “người giúp đỡ cho các thân chủ khi họ gặp những vấn đề khó khăn bằng cách khơi gợi những tiềm năng trong thân chủ để thân chủ tự giải quyết vấn đề của mình”. TVV khi thực hành tham vấn cho thân chủ phải đảm bảo là những người có đủ phẩm chất nghề nghiệp, không gây tổn thương cho thân chủ, không đẩy thân chủ đi đến đối đầu, không đi ngược lại lợi ích của thân chủ, khích lệ, cổ động họ tự tìm tiềm năng của bản thân; giúp họ nói ra những vướng mắc trong lòng, giúp họ nhận thức tốt hơn về bản thân, làm cho họ mạnh lên, yêu mình hơn. TVV không được phép bày vẽ cách giải quyết vấn đề cho thân chủ.

Theo Carl Rogers, TVV phải làm cho thân chủ nhận thức được TVV là người “đáng tin cậy, chắc chắn, trung kiên”. TVV phải có nhân cách đủ mạnh để “biệt lập” với thân chủ và tạo ra đủ an tâm để khiến thân chủ cảm thấy như là không bị đe dọa [29]

Tóm lại, *tham vấn viên là những người được trang bị đầy đủ về chuyên môn, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp để thực hành tham vấn, nhằm hỗ trợ thân chủ tự tìm kiếm những khả năng tiềm ẩn của họ, giúp họ tự tin vượt qua những vướng mắc, khó khăn trong cuộc sống.*

1.1.5. Chức năng, nhiệm vụ của tham vấn viên

Từ các khái niệm đã được trình bày ở mục khái niệm về tham vấn học đường trong công tác xã hội (1.1.2) và tham vấn viên trong công tác xã hội (1.1.4), chức năng của TVV bao gồm:

Thúc đẩy, phục hồi, duy trì và tăng cường chức năng của cá nhân và gia đình thông qua hoạt động tham vấn nhằm trợ giúp, xóa bỏ và phòng ngừa những hành vi tiêu cực trong học đường, phát huy nguồn lực của mỗi cá nhân trong nhà trường.

Xây dựng chương trình, hoạch định và thực thi các chính sách xã hội, chương trình hành động, hệ thống dịch vụ xã hội, nguồn lực xã hội cần thiết để đáp ứng nhu cầu của mỗi cá nhân và trợ giúp sự phát triển năng lực của họ trong môi trường học đường.

Theo dõi, kiểm soát các chính sách, chương trình thông qua hoạt động tuyên truyền và biện hộ để nâng cao năng lực cho những nhóm yếu thế hay có nguy cơ yếu thế và thúc đẩy các nhóm trong môi trường học đường được phát triển thuận lợi.

Phát triển những kiến thức kỹ năng của CTXH nói chung và TVHĐ nói riêng để đảm bảo mục tiêu nghề nghiệp của mình.

1.2. Lý luận về hoạt động tham vấn học đường cho học sinh trung học phổ thông

1.2.1. Mục đích tham vấn học đường cho học sinh trung học phổ thông

Tham vấn học đường cho học sinh THPT nhằm:

Giúp các em thay đổi trạng thái cảm xúc, hành vi tiêu cực, cải thiện và tăng cường các hành vi tích cực; tăng cường hiểu biết về chính bản thân và hoàn cảnh của các em bằng cách cung cấp những thông tin có giá trị thích hợp.

Giúp các em đưa ra nhiều hướng giải quyết có thể thực hiện được và từ đó lựa chọn giải pháp thích hợp nhất đối với hoàn cảnh và khả năng của các em.

Giúp các em đưa ra những quyết định đúng đắn dựa trên những thông tin mà TVV cung cấp, dựa trên khả năng của các em cũng như tiềm năng hỗ trợ từ các nguồn lực bên ngoài.

Hỗ trợ cho các em kịp thời trong các khủng hoảng khác nhau.

Như vậy, mục đích tổng quát của tham vấn là giúp thân chủ tăng cường khả năng tự ứng phó với hoàn cảnh khó khăn không chỉ trong hiện tại mà cả trong tương lai.

1.2.2. Ý nghĩa tham vấn học đường cho học sinh trung học phổ thông

Hoạt động TVHĐ cho học sinh THPT giúp thầy cô, phụ huynh và chính các em học sinh phòng ngừa cũng như phát hiện sớm những nguy cơ tiêu cực tiềm ẩn trong môi trường học đường.

Hoạt động TVHĐ cho học sinh THPT trang bị cho các em kỹ năng để ứng phó một cách tự tin và hiệu quả với mọi thử thách, nguy cơ trong cuộc sống.

Hoạt động TVHĐ cho học sinh THPT hỗ trợ các em học sinh phục hồi những năng lực xã hội cần có để cải thiện chất lượng cuộc sống.

Hoạt động TVHĐ cho học sinh THPT tạo điều kiện và cơ hội cho các em học sinh được phát triển thuận lợi và toàn diện.

1.2.3. Đặc điểm tâm lý và nhu cầu của học sinh trung học phổ thông

Ý thức và sự tự ý thức của học sinh THPT ở giai đoạn này đã phát triển ở mức độ cao và có rất nhiều khác biệt so với giai đoạn độ tuổi trước đó. Điều này được bộc lộ qua hoạt động học tập, sự phát triển nhận thức và trí tuệ, định hướng giá trị nghề và chọn nghề... Đối với mỗi yếu tố này, lứa tuổi học sinh THPT đều có những đặc điểm tâm lý và nhu cầu khác nhau để được bộc lộ và thỏa mãn.

1.2.3.1. Hoạt động học tập

So với giai đoạn trước, học tập của giai đoạn này có nhiều điểm khác. Điều này được thể hiện qua bốn điểm sau:

- Thứ nhất: Nội dung các môn học ở trường trung học phổ thông có tính lí luận cao hơn, khối lượng kiến thức nhiều hơn so với nội dung học trung học cơ sở ở trường tiểu học, học sinh chủ yếu được làm quen và hình thành hoạt động học tập, thông qua các khái niệm gắn với các sự vật cụ thể, ở trung học cơ sở học sinh chủ yếu học phương pháp học và bước đầu lĩnh hội các khái niệm khoa học, ở trường trung học phổ thông học sinh phải lĩnh hội hệ thống khái niệm có tính trừu tượng. Vì vậy, việc học đòi hỏi sự nỗ lực, tính độc lập và sự phát triển cao của tư duy lí chuẩn.

- Thứ hai: Thái độ học tập của độ tuổi này có nhiều điểm chú ý. Một mặt các em có tính tự giác cao hơn, tích cực hơn so với các lứa tuổi trước, do các em ý thức được tầm quan trọng của việc học tập đối với nghề nghiệp trong tương lai, mặt khác thái độ học tập của các em đã có sự phân hoá cao. Việc học tập của các em có tính lựa chọn rõ ràng. Các em tập trung học nhiều hơn đối với các môn học liên quan tới nghề và trường định chọn để thi, hoặc các môn gây hứng thú đặc biệt. Do tập trung vào một số môn học, nên các môn khác ít được chú ý hơn.

- Thứ ba: Động cơ học tập của các em ở giai đoạn này có tính hiện thực, gắn liền với nhu cầu và xu hướng nghề nghiệp. Các động cơ khác như động cơ xã hội học vì danh dự, vì lời khen...không còn chiếm ưu thế như đối với các học sinh lớp dưới.

- Thứ tư: Có sự phân hoá rất rõ ở giai đoạn này trong học tập. Xuất hiện nhiều nhóm học sinh, trong đó có hai nhóm cần được chú ý nhiều: Nhóm học sinh có năng khiếu trong lĩnh vực nào đó (khoa học tự nhiên, công nghệ) nghệ thuật, thể thao...), được tuyển chọn và được học tập trong các trường lớp, chuyên từ nhỏ; những học sinh có năng lực tốt và có hứng thú cao với các môn học nhất định. Đây là những học sinh có năng lực, tích cực, có động cơ nhận thức cao và tự giác, say mê học tập. Vì vậy, các em thường đạt thành tích cao trong học tập. Ngược với nhóm trên, có không ít học sinh học có kết quả học không tốt, ngại học. Nhiều em trong số này cho rằng trong điều kiện thi cử như hiện nay, việc học để vào đại học của mình là khó khăn. Do vậy các em học với thái độ đối phó. Thậm chí có hành vi liêu cực như bỏ học, trốn học hoặc các hành vi tương tự.

1.2.3.2. Sự phát triển nhận thức và trí tuệ

Tính độc lập, chủ động, sáng tạo trong nhận thức là đặc trưng tâm lí của của các em đầu thanh niên. Các em quan tâm tìm hiểu nhiều lĩnh vực, kể các lĩnh vực bên ngoài nội dung học tập. Vốn hiểu biết của các em rất phong phú và sâu sắc. Tuy nhiên, các phẩm chất nhận thức này ở học sinh phụ thuộc rất nhiều vào dạy học của nhà trường. Trong thực tế hiện nay nội dung và phương pháp dạy học trong nhà trường còn nhiều bất cập, làm ảnh hưởng đến khả năng nhận thức của các em.

Hứng thú học tập của các em có sự phân hoá rất rõ. Một số quan tâm nhiều đến các môn khoa học tự nhiên, số khác lại hướng đến các khoa học xã hội... Sự phân hoá hứng thú của học sinh đến các môn học khác nhau chủ yếu

liên quan tới các môn học sẽ phải thi vào đại học hoặc vào trường dạy nghề tương ứng.

Các em có thể độc lập giải thích nguyên nhân, chứng minh hoặc bác bỏ giả thuyết và đưa ra các kết luận theo ý riêng của mình về một vấn đề khoa học cũng như trong cuộc sống. Mặt khác, thông qua các môn khoa học được học trong nhà trường, các em cũng đã tích lũy được hệ thống khái niệm khoa học cơ bản về tự nhiên, xã hội và tư duy. Các khái niệm khoa học này đã trở thành công cụ đắc lực cho hoạt động trí tuệ của các em. Nhìn chung trí tuệ của thanh niên học sinh đã đạt đến mức độ trưởng thành.

1.2.3.3. Định hướng giá trị nghề và chọn nghề

Chọn nghề luôn là sự quan tâm thường trực của học sinh trong suốt thời kì học trung học phổ thông thậm chí trung học cơ sở. Những câu hỏi kiểu như học lên đại học hay học nghề? Vào học trường nào? Sẽ làm nghề gì? Sẽ trở thành người như thế nào về phương diện nghề nghiệp?... Trong quá trình định hướng giá trị và chọn nghề sự biến đổi của thanh niên học sinh và sinh viên trải qua ba giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Bắt đầu từ năm 13 hoặc 15 tuổi (cuối THCS đầu THPT), ở các em xuất hiện những biểu tượng ban đầu về nghề nghiệp và giá trị của các nghề. Các em có sự đánh giá, so sánh những yêu cầu của các nghề với khả năng của mình với các nghề đó và hướng đến một nghề nhất định mà các em sẽ theo đuổi trong tương lai. Tuy nhiên, các em thường lí tưởng hoá lĩnh vực nghề nghiệp sẽ chọn, do sự hiểu biết về nghề cũng như hệ thống nghề trong xã hội còn mơ hồ, cảm tính và phiến diện nên định hướng ban đầu về nghề của trẻ em trong giai đoạn này chưa ổn định, thường xuyên thay đổi theo mức độ nhận thức của các em qua các năm học.

- Giai đoạn 2: từ 16 đến 18 tuổi là giai đoạn cụ thể hóa. Lúc này các em rất tích cực tìm hiểu đặc điểm về nghề trong xã hội, thường xuyên so sánh, cân nhắc giá trị của các nghề cũng như yêu cầu của các nghề và thường xuyên đối chiếu với khả năng và điều kiện của bản thân. Đến năm cuối của trung học phổ thông hầu hết học sinh đã lựa chọn cho mình một vài nghề và đồng thời cũng đã chuẩn kiến thức và tâm thế cho việc tuyển chọn và học nghề đã lựa chọn.

- Giai đoạn 3: Bắt đầu từ 19 đến 20 tuổi là giai đoạn cá nhân tích lũy kiến thức, hình thành kỹ năng và các yếu tố tâm lý phù hợp với các công việc của nghề trong tương lai. Mặc dù đang học nghề nhưng trong giai đoạn này, tâm lý nghề của cá nhân thường không ổn định, hay giao động.

Có sự khác biệt tương đối rõ ràng về các phương diện cá nhân, giới, tầng lớp xã hội và truyền thống văn hóa trong việc định hướng giá trị và chọn nghề của các em trước khi bước vào các trường học nghề.

Mặc dù luôn trăn trở với nghề nghiệp trong tương lai nhưng sau khi kết thúc THPT nhiều em vẫn chưa chọn được nghề phù hợp với mình. Vì đây là công việc rất khó khăn. Quá trình định hướng giá trị và chọn nghề chịu sự tác động của nhiều yếu tố như: sự phát triển, biến đổi và quảng bá của mạng lưới nghề trong xã hội trên các phương tiện thông tin và các phương thức khác; mức độ tích cực của học sinh; yếu tố văn hoá cộng đồng và hoạt động hướng nghiệp của xã hội. Trong suốt thời kì định hướng giá trị và chọn nghề, việc hướng nghiệp của gia đình, nhà trường và xã hội có vai trò chủ đạo.

1.2.4. Nội dung các hoạt động tham vấn cho học sinh trung học phổ thông

Dựa vào phân loại tham vấn học đường cho học sinh THPT ở mục 1.1.3, các hoạt động trong tham vấn học đường cho học sinh THPT cũng chia thành 4 phần gồm:

1.2.4.1. Tham vấn phòng ngừa

Các hoạt động tham vấn phòng ngừa trong học đường có nhiều hình thức khác nhau như:

Tuyên truyền phòng ngừa các hành vi tiêu cực trong học đường như: bạo lực học đường, tác động tiêu cực của mạng xã hội, tệ nạn xã hội, nghiện chất kích thích,...

Giáo dục bồi dưỡng kiến thức như: giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản, sử dụng không gian mạng lành mạnh,...

Trang bị kỹ năng phòng tránh các hành vi tiêu cực trong học đường như: bạo lực học đường, tác động tiêu cực của mạng xã hội, tệ nạn xã hội, nghiện chất kích thích, các vấn đề liên quan tới căng thẳng tâm lý,...

Giao lưu trao đổi kinh nghiệm phòng ngừa vấn đề học đường như: phòng tránh tai nạn thương tích, xử lý các tình huống xấu bất ngờ,...

Hầu hết các nhiệm vụ trong tham vấn phòng ngừa trong học đường hiện nay đều tập trung hướng tới tuyên truyền, phổ biến, cảnh báo và hướng dẫn học sinh về các tình huống, nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, bị xâm hại, bị bạo lực, bỏ học, vi phạm pháp luật, nhằm lường trước những nguy cơ, phòng ngừa những trường hợp có thể xảy ra đối với học sinh trong quá trình học tập và phát triển nhân cách của các em.

1.2.4.2. Tham vấn can thiệp

Trong Thông tư 33/2018/TT-BGDĐT ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2018 có làm rõ nội dung và các bước can thiệp gồm 3 nhiệm vụ chính:

- Tiếp nhận thông báo và đánh giá ban đầu
- Can thiệp, trợ giúp trường hợp tại cơ sở giáo dục
- Can thiệp, trợ giúp trường hợp tại cộng đồng

Tuy nhiên, để tránh việc bị sa đà, nhầm lẫn với can thiệp trị liệu trong tâm lý, đồng thời để phù hợp với trình độ năng lực của người phụ trách hoạt động tại các trường THPT hiện nay, đề tài tiếp cận can thiệp dưới góc độ:

- Tiếp nhận thông tin, đánh giá, phân loại trường hợp ban đầu;
- Hỗ trợ giải tỏa căng thẳng thông qua trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ tâm tư, hỗ trợ giải đáp vướng mắc của các bạn học sinh.

Hiện nay, hầu hết tại các trường THPT người phụ trách công tác xã hội đều là giáo viên bộ môn kiêm nhiệm. Xét về năng lực và trình độ chuyên môn đều chưa thể đáp ứng với toàn bộ yêu cầu của công tác xã hội được. Vì vậy, đối với những trường hợp có mức độ can thiệp chuyên sâu hiện nay tại các trường THPT, tham vấn viên tại cơ sở thực hiện chức năng kết nối các em tới các dịch vụ phù hợp để giải quyết vấn đề.

1.2.4.3. Tham vấn phục hồi

Tham vấn phục hồi được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, bao gồm cả tác động trực tiếp hoặc gián tiếp với học sinh, xoay quanh các mặt thể chất, tinh thần, chức năng xã hội. Tuy nhiên, trong đề tài chủ yếu tập trung làm rõ tham vấn phục hồi chức năng xã hội. Học sinh gặp các vấn đề khác nhau sẽ được tham vấn phục hồi ở các mức độ khác nhau, tùy thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh và nguồn lực hỗ trợ.

Tham vấn viên hỗ trợ thông qua 2 hình thức:

- Trực tiếp hỗ trợ học sinh;
- Kết nối nguồn lực phù hợp hỗ trợ học sinh.

Tương tự như với tham vấn can thiệp, tham vấn phục hồi đòi hỏi tính chuyên môn cao mà hầu hết các trường hiện nay chưa đủ cả về nhân lực cũng

như vật lực để thực hiện. Việc thực hiện tham vấn phục hồi chủ yếu dừng lại ở mức cơ bản đối với làm việc trực tiếp và gián tiếp thông qua kết nối nguồn lực bên ngoài với các trường hợp phức tạp, đòi hỏi chuyên môn cao.

1.2.4.4. Tham vấn phát triển

Hoạt động tham vấn phát triển trong học đường là các hoạt động nhằm hỗ trợ học sinh phát triển toàn diện về mọi mặt. Tham vấn phát triển tập trung ở các hoạt động giáo dục cho học sinh về những định hướng phát triển phù hợp, đồng thời xây dựng kế hoạch cũng như chương trình giáo dục phù hợp giúp trẻ có thể tự mình ngày một hoàn thiện hơn về mọi mặt trong đời sống.

Một số hoạt động tham vấn phát triển phổ biến hiện nay:

Trang bị kỹ năng sống theo độ tuổi: giao tiếp, quản lý thời gian, quản lý tài chính,...

Bồi dưỡng kiến thức cá nhân như: định hình năng lực bản thân, phát triển cá nhân,...

Trải nghiệm thực tế và hướng nghiệp: học sinh tham quan và trải nghiệm các công việc khác nhau, định hướng nghề nghiệp theo năng lực và sở thích cá nhân,...

TVPT hiện nay đang ngày càng được chú trọng hơn ở các trường THPT, đặc biệt đối với các em học sinh cuối cấp,

1.3. Yếu tố liên quan đến hoạt động tham vấn học đường cho học sinh trung học phổ thông

1.3.1. Yếu tố thuộc về chính sách

Trong những năm gần đây, Đảng và Nhà nước không chỉ chú trọng tới việc đào tạo văn hóa cho học sinh các cấp, mà còn có hướng phát triển và bồi dưỡng nhiều hơn về mặt tâm lý và nhân cách cho các em học sinh, đặc biệt là giai đoạn THPT.

Ngày 17/07/2017, Nghị định 80/2017/NĐ-CP về Môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường. Theo đó, khi xảy ra bạo lực học đường, cơ sở giáo dục áp dụng các biện pháp can thiệp như sau:

- Đánh giá sơ bộ về mức độ tổn hại và đưa ra nhận định về tình trạng hiện thời của người học;
- Lập tức thực hiện các biện pháp trợ giúp, chăm sóc y tế, tư vấn đối với người bị bạo lực; đồng thời theo dõi, đánh giá sự an toàn của người học bị bạo lực;
- Kịp thời thông báo với gia đình người học để phối hợp xử lý;
- Trường hợp vượt quá khả năng giải quyết thì cơ sở giáo dục kịp thời thông báo cho cơ quan công an, UBND cấp xã và các cơ quan liên quan khác để phối hợp xử lý theo quy định pháp luật.

Ngày 18/12/2017, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư 31/2017/TT-BGDĐT về Hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông. Theo đó, nội dung tư vấn tâm lý cho học sinh bao gồm:

- Tư vấn tâm lý lứa tuổi, giới tính, hôn nhân, gia đình, sức khỏe sinh sản vị thành niên phù hợp với lứa tuổi.
- Tư vấn, giáo dục kỹ năng, biện pháp ứng xử văn hóa, phòng, chống bạo lực, xâm hại và xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện.
- Tư vấn tăng cường khả năng ứng phó, giải quyết vấn đề phát sinh trong mối quan hệ gia đình, thầy cô, bạn bè và các mối quan hệ xã hội khác.
- Tư vấn kỹ năng, phương pháp học tập hiệu quả và định hướng nghề nghiệp (tùy theo cấp học).

- Tham vấn tâm lý đối với học sinh gặp khó khăn cần hỗ trợ, can thiệp, giải quyết kịp thời.

- Giới thiệu, hỗ trợ đưa đến các cơ sở, chuyên gia điều trị tâm lý đối với các trường hợp học sinh bị rối loạn tâm lý nằm ngoài khả năng tư vấn của trường.

Ngày 28/11/2018, Thông tư 33/2018/TT-BGDĐT về Hướng dẫn thực hiện Công tác xã hội trong trường học. Theo đó, nội dung thực hiện hoạt động gồm:

- Phát hiện các nguy cơ trong và ngoài cơ sở giáo dục có ảnh hưởng tiêu cực đến người học; phát hiện các vụ việc liên quan đến người học có hoàn cảnh đặc biệt, bị xâm hại, có hành vi bạo lực, bỏ học, vi phạm pháp luật.

- Tổ chức các hoạt động phòng ngừa, hạn chế nguy cơ người học rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, bị xâm hại, bị bạo lực, bỏ học, vi phạm pháp luật

- Thực hiện quy trình can thiệp, trợ giúp đối với người học có hoàn cảnh đặc biệt, bị xâm hại, bị bạo lực, bỏ học, vi phạm pháp luật.

- Phối hợp với gia đình, chính quyền địa phương và các đơn vị cung cấp dịch vụ công tác xã hội tại cộng đồng, thực hiện việc can thiệp, trợ giúp đối với người học cần can thiệp, trợ giúp khẩn cấp hoặc giáo viên, người học có nhu cầu can thiệp, hỗ trợ.

- Tổ chức các hoạt động hỗ trợ phát triển, hòa nhập cộng đồng cho người học sau can thiệp hoặc người học, giáo viên, phụ huynh có nhu cầu hỗ trợ phát triển, hòa nhập cộng đồng.

Đây là tiền đề quan trọng, cũng là sự chấp thuận cần thiết của Nhà nước trong việc mở đường cho các hoạt động chăm sóc tinh thần được thực hiện và phát triển tại các nhà trường trung học phổ thông.

1.3.2. Yếu tố thuộc về nhà trường

Thực hiện chỉ thị của nhà nước về việc xây dựng môi trường sư phạm thân thiện, lành mạnh, cùng với hoạt động tư vấn học đường tại trường, các trường THPT mở phòng tư vấn học đường bước đầu đã thu về được những tín hiệu tích cực trong việc hỗ trợ các em học sinh hoàn thiện về mặt nhận thức cũng như nhân cách tích cực.

Trong việc thực hiện hoạt động này, nhà trường góp phần không nhỏ trong việc cung cấp nguồn lực về mặt cơ sở vật chất như phòng ốc, thiết bị cần thiết cho hoạt động tham vấn được diễn ra một cách thuận lợi, mang lại hiệu quả cao nhất. Đồng thời cũng trở thành cầu nối quan trọng trong việc giúp cho học sinh tiếp cận được với những điều kiện, nguồn lực hỗ trợ bên ngoài nhằm đa dạng hóa, phong phú hóa các cách thức tiếp cận và hình thức của hoạt động tại trường học.

Đối với hoạt động tại phòng tư vấn học đường tại các trường THPT còn mới mẻ và non trẻ về nhiều mặt, đặc biệt là đội ngũ nhân lực thực hiện, nên trong quá trình hoạt động cũng gặp không ít khó khăn, thiếu thốn về chuyên môn cũng như kinh nghiệm. Đây là thách thức không nhỏ đối với BGH nhà trường trong việc xây dựng hệ thống CTXH trong trường học và duy trì hoạt động lâu dài.

1.3.3. Yếu tố thuộc về đội ngũ cán bộ chuyên môn

Có 1 thực tế là mỗi năm, ngành CTXH có hàng ngàn sinh viên tốt nghiệp cử nhân, tuy nhiên lực lượng NVCTXH hoạt động trong các lĩnh vực của đời sống nói chung cũng như TVHĐ nói chung còn hạn chế. Điều này đã khiến cho đội ngũ cán bộ có chuyên môn thực hiện hoạt động TVHĐ tại các trường THPT trong quận Đống Đa lại càng thiếu hụt trầm trọng.

Hầu hết cán bộ phụ trách hoạt động TVHĐ tại các trường THPT hiện nay đều là giáo viên sư phạm được cử vào kiêm nhiệm vị trí. Đây là phương

pháp tiết kiệm về mặt chi phí, đồng thời giáo viên tham gia giảng dạy tại trường được cho là có sự thấu hiểu đối với học sinh của mình. Tuy nhiên, đối với CTXH nói chung và TVHĐ nói riêng thì sự thấu hiểu không thôi không đủ, người làm công tác TVHĐ còn cần có những kỹ năng chuyên môn để xử lý các tình huống khác nhau. Hơn nữa, với phương thức đào tạo theo giờ, theo tiết ở các trường THPT hiện nay, thời gian để thầy cô tiếp xúc đủ sâu với học sinh quá ít, mà số lượng học sinh thì quá nhiều, khó tránh việc thầy cô chỉ nắm bắt được tâm lý chung của số đông học sinh, không thể hiểu cặn kẽ từng trường hợp được.

Có thể thấy đây là yếu tố quan trọng, đóng vai trò chủ chốt trong việc xây dựng và phát triển hoạt động TVHĐ tại các trường THPT. Tuy nhiên sự thiếu hụt cả về số lượng cũng như chất lượng đã trở thành hạn chế không nhỏ trong việc phát triển TVHĐ trong trường THPT nói riêng và CTXH học đường nói chung.

1.3.4. Yếu tố thuộc về phụ huynh

Đây là một trong những yếu tố góp phần không nhỏ tới thành công của hoạt động tham vấn học đường cho học sinh THPT. Phụ huynh (hay gia đình) là những người có tác động mạnh tới việc hình thành nhân cách ở trẻ, đặc biệt là trong giai đoạn đầu thanh niên.

Tùy vào điều kiện, hoàn cảnh cũng như phong cách sống của mỗi gia đình khác nhau, khiến cho trẻ ở độ tuổi này cũng có những suy nghĩ, lối sống và hành vi khác nhau. Việc có sự phối hợp, hợp tác từ phía gia đình, phụ huynh là nền tảng vững chắc cũng như cơ hội tốt để trẻ trong độ tuổi này được phát triển.

Khi cha mẹ ủng hộ trong việc kết nối chương trình tham vấn phát triển lồng ghép với chương trình giảng dạy hàng ngày, bao gồm cả việc tham vấn cá nhân và tham vấn nhóm cho con của họ, đó như là mối quan hệ giữa gia

đình và nhà trường. Nếu không có sự hỗ trợ của phụ huynh trong chương trình giáo dục, sự ủng hộ của họ trong việc trợ giúp các nhà tham vấn và giáo viên với học sinh thì tiến trình này thực hiện sẽ rất khó khăn.

1.3.5. Yếu tố thuộc về học sinh

Học sinh được coi là đối tượng chính được hướng tới trong hoạt động tham vấn học đường tại trường THPT.

Tại các nước phát triển, ngay từ khi còn bé, các em đã được hướng dẫn về việc sử dụng hình thức TVHĐ. Trẻ luôn chủ động trong việc tìm tới nhà tham vấn tại trường để được hỗ trợ.

Tuy nhiên ở Việt Nam, do hoạt động TVHĐ còn mới mẻ, cùng với sự ảnh hưởng của văn hóa tư tưởng truyền thống, trẻ thường giấu kín hoặc lựa chọn chia sẻ ra với những người thân cận bên cạnh như gia đình hay bạn bè hơn là tìm tới những người có chuyên môn có thể hỗ trợ. Điều này khiến cho những tổn thương tâm lý có thể trở nên nặng nề hơn hoặc không được giải quyết triệt để.

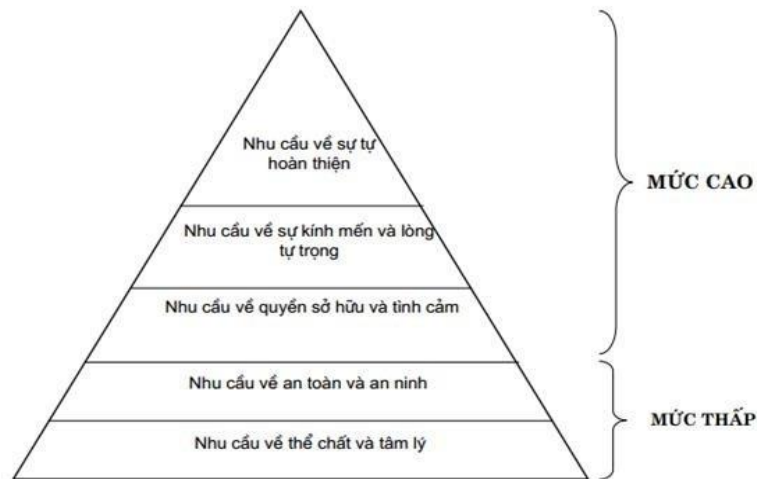
Sự tự nguyện và chủ động tìm kiếm sự giúp đỡ của trẻ phụ thuộc vào sự hiểu biết cũng như nhận thức nhu cầu của bản thân rất lớn. Ví như trẻ không hiểu tham vấn là gì thì cũng sẽ không bao giờ nhận thức được là mình có nhu cầu cần được tham vấn và đi tìm kiếm sự tham vấn. Đây là một yếu tố đòi hỏi người thực hiện hoạt động tham vấn cần nắm rõ để có thể có những sự hỗ trợ kịp thời và cần thiết, nhằm tạo hiệu quả cao nhất trong hoạt động tham vấn học đường.

1.4. Một số lý thuyết liên quan đến đề tài

1.4.1. Thuyết nhu cầu

Abraham Maslow (1908-1970), nhà tâm lý học người Mỹ đã xây dựng học thuyết phát triển về nhu cầu con người vào những năm 50 của thế kỷ XX.

Thuyết nhu cầu được miêu tả dưới hình kim tự tháp 5 tầng, thể hiện nhu cầu tự nhiên của con người, phát triển từ nhu cầu cơ bản đến các nhu cầu cao hơn:



Biểu đồ 1.1. Tháp nhu cầu của Maslow

Năm cấp bậc của tháp nhu cầu Maslow được phát triển theo thứ tự từ dưới lên trên, tương ứng với nhu cầu từ cơ bản đến cao cấp hơn. Maslow cho rằng 4 nhu cầu đầu tiên xuất phát từ sự thiếu hụt nên sinh ra nhu cầu để lấp đầy mong muốn này (Basic needs). Tuy nhiên với nhu cầu số 5, nó không xuất phát từ sự thiếu thốn mà bắt nguồn từ mong muốn tự nhiên của con người là phát triển bản thân (Meta needs).

Nhu cầu sinh lý (Physiological Needs)

Nhu cầu sinh lý là những nhu cầu cơ bản nhất, bắt buộc phải đáp ứng được để con người có thể sống, tồn tại và hướng đến những nhu cầu tiếp theo trong tháp nhu cầu Maslow. Nhu cầu sinh lý bao gồm các nhu cầu như hơi thở, thức ăn, nước uống, quần áo, nơi ở... Khi những nhu cầu này được thỏa mãn con người mới có thể hoạt động và phát triển tốt.

Nhu cầu đảm bảo an toàn (Safety Needs)

Sau khi nhu cầu sinh lý được đáp ứng, giúp con người có thể sống sót được, thì tiếp theo họ cần một điều gì đó để đảm bảo duy trì và giúp họ an tâm hơn để phát triển. Các nhu cầu đảm bảo an toàn gồm:

- An toàn về sức khỏe.
- An toàn về tài chính.
- An toàn tính mạng, không gây thương tích.

Sự phát triển từ nhu cầu sinh lý sang nhu cầu an toàn được thể hiện rõ nhất trong câu thành ngữ “Ăn chắc mặc bền” thành “Ăn ngon mặc đẹp”.

Nhu cầu các mối quan hệ, tình cảm (Love/Belonging Needs)

Khi những nhu cầu cơ bản của bản thân được đáp ứng đầy đủ, họ bắt đầu muốn mở rộng các mối quan hệ của mình như tình bạn, tình yêu, đối tác, đồng nghiệp... Nhu cầu này được thể hiện qua các mối quan hệ như gia đình, bạn bè, người yêu, các câu lạc bộ, ... để tạo cảm giác thân thuộc, gần gũi, giúp con người cảm thấy không bị cô độc, trầm cảm và lo lắng.

Nhu cầu được kính trọng (Esteem Needs)

Ở cấp này, nhu cầu của con người đề cập đến việc mong muốn được người khác coi trọng, chấp nhận. Nhu cầu được kính trọng trong tháp nhu cầu Maslow được chia làm hai loại:

Một là, mong muốn danh tiếng, sự tôn trọng từ người khác;

Hai là, lòng tự trọng đối với bản thân;

Nhu cầu thể hiện bản thân (Self – Actualization Needs)

Đây là nhu cầu cao nhất của con người, nó nằm ở đỉnh của tháp nhu cầu Maslow. Maslow cho rằng, nhu cầu này không xuất phát từ việc thiếu một cái gì đó như 4 nhu cầu trên mà nó xuất phát từ mong muốn phát triển của con người. Cho nên, nếu như nhu cầu này không được đáp ứng sẽ khiến con người cảm thấy hối tiếc vì những điều mình chưa được thực hiện.

Hầu hết trong mỗi chúng ta đều tồn tại cả 5 nhu cầu này. Tuy nhiên, tùy vào mỗi cá nhân mà nhu cầu ít hay nhiều và trong từng giai đoạn nhu cầu sẽ khác nhau. Việc nắm được nhu cầu trong từng độ tuổi khác nhau sẽ giúp nhà tham vấn nhanh chóng và thuận lợi nắm bắt được tâm lý của trẻ trong độ tuổi trung học phổ thông, đồng thời có phương án đáp ứng cũng như giải quyết các vấn đề mà trẻ thường gặp phải trong giai đoạn này.

Tác giả vận dụng lý thuyết này vào đề tài nghiên cứu nhằm mục đích giải thích rằng con người có rất nhiều nhu cầu cần đáp ứng. Ngoài các nhu cầu cơ bản như: Ăn, uống, mặc, đi lại thì nhu cầu được học tập, phát triển và bộc lộ bản thân là nhu cầu cần thiết và cần đáp ứng ngay. Việc áp dụng thuyết nhu cầu vào nghiên cứu cũng giúp xác định nhu cầu tham vấn của các em học sinh THPT, từ đó làm rõ vấn đề cấp bách hoặc cảm xúc tiêu cực mà các em đang gặp phải, thông qua đó nhà trường và cán bộ phụ trách TVHĐ có thể đáp ứng được nhu cầu của các em thông qua các hình thức tham vấn phù hợp.

1.4.2. Thuyết phát triển tâm lý xã hội

Erik Erikson là một nhà tâm lý học nghiên cứu về bản ngã, ông là người xây dựng nên một trong những học thuyết nổi tiếng, mang tầm ảnh hưởng nhất về sự phát triển của con người. Mặc dù bị ảnh hưởng bởi nhà phân tâm học Sigmund Freud, nhưng học thuyết của Erikson tập trung nhiều vào sự phát triển tâm lý xã hội thay vì sự phát triển tâm lý tính dục. Học thuyết này bao gồm 8 giai đoạn, mỗi giai đoạn trong học thuyết của Erikson được “đắp nền” từ giai đoạn trước đó và chính từng giai đoạn này sẽ dọn đường cho các giai đoạn tiếp theo sau nó trong quá trình phát triển.

Giai đoạn 1 – Tin tưởng và Hoài nghi (khi mới sinh ra đến 1 tuổi).

Đây là giai đoạn nền tảng nhất trong cuộc đời, vì một đứa trẻ sơ sinh là đối tượng cực kỳ phụ thuộc người khác nên sự tin tưởng được hình thành ở đây sẽ dựa vào mức độ đáng tin và phẩm chất của người chăm sóc. Trong giai

đoạn phát triển này, đứa trẻ sẽ cực kỳ phụ thuộc vào người chăm sóc trong tất cả mọi phương diện mà nó cần để sinh tồn, bao gồm thức ăn, tình yêu thương, hơi ấm, sự an toàn và chăm sóc nuôi dưỡng.

Tất cả mọi thứ. Nếu không được chăm sóc và yêu thương đầy đủ, đứa trẻ sẽ cảm thấy rằng mình không thể tin tưởng hoặc lệ thuộc vào người lớn nào trong đời mình.

Nếu trẻ xây dựng niềm tin thành công, nó sẽ bắt đầu cảm thấy an toàn và yên tâm trong thế giới của mình. Người chăm sóc bất nhất, không bên trẻ khi chúng cần, hay có thái độ chối bỏ sẽ góp phần hình thành cảm giác hoài nghi ở trẻ khi được những người này chăm sóc. Việc không thể hình thành sự tin tưởng sẽ gây ra nỗi sợ hãi và một niềm tin cho rằng thế giới này cũng bất nhất và khó đoán như vậy.

Giai đoạn 2 – Tự chủ, Tội hổ và Nghi ngờ (Từ 1-3 tuổi). Giai đoạn hai trong thuyết phát triển tâm lý xã hội của Erikson diễn ra trong suốt đầu thời thơ ấu và tập trung vào quá trình trẻ hình thành một cảm quan lớn hơn về năng lực kiểm soát cá nhân. Vào thời điểm này, trẻ mới bắt đầu có được một chút cái gọi là độc lập tự chủ. Trẻ bắt đầu tự mình thực hiện những hành động cơ bản và đưa ra những quyết định đơn giản về cái chúng lựa chọn. Việc cho phép trẻ đưa ra lựa chọn và có được quyền kiểm soát sẽ tạo điều kiện cho người chăm sóc giúp trẻ hình thành cảm nhận về sự tự chủ. Những sự kiện quan trọng khác bao gồm được quyền lựa chọn đồ ăn, đồ chơi và quần áo. Trẻ nào hoàn thành giai đoạn này thành công sẽ cảm thấy an tâm và tự tin, trong khi những trẻ không hoàn thành tốt sẽ cảm thấy thiếu hụt và tự nghi hoặc bản thân mình.

Giai đoạn 3 – Chủ động và Cảm giác tội lỗi (Từ 3-6 tuổi). Giai đoạn 3 của quá trình phát triển tâm lý xã hội diễn ra trước tuổi đến trường. Tại giai đoạn này, trẻ bắt đầu khẳng định sức mạnh và sự kiểm soát thế giới qua hoạt

động đóng kịch và các hoạt động tương tác xã hội khác. Trẻ nào thành công trong giai đoạn này sẽ cảm thấy mình có khả năng và có thể lãnh đạo người khác. Trẻ nào không có được những kỹ năng này sẽ cảm thấy tội lỗi, nghi ngờ bản thân và thiếu sự chủ động. Khi trẻ đạt được trạng thái cân bằng lý tưởng giữa tính chủ động cá nhân và thái độ sẵn sàng hợp tác với người khác, phẩm chất bản ngã mang tên “chủ tâm” xuất hiện.

Giai đoạn 4 – Siêng năng và Tự ti (Từ 6-12 tuổi). Nhờ tương tác xã hội, trẻ bắt đầu cảm thấy tự hào về những thành tích và năng lực của bản thân. Trẻ nào nhận được sự động viên và khen ngợi từ cha mẹ và thầy cô sẽ bắt đầu cảm nhận về năng lực và niềm tin vào các kỹ năng của mình. Trẻ nào không nhận được sự khích lệ từ cha mẹ, thầy cô hoặc bạn bè sẽ nghi ngờ về năng lực đạt được thành công của mình. Thành công tìm được sự cân bằng trong giai đoạn phát triển này sẽ tạo nên một sức mạnh có tên là năng lực, tức là niềm tin về khả năng xử lý tốt công việc mình được giao.

Giai đoạn 5 – Định hình cái tôi và Bối rối về vai trò (Từ 12-18 tuổi). Giai đoạn thứ năm trong quá trình phát triển tâm lý xã hội diễn ra trong những năm tháng tuổi dậy thì đầy xáo trộn. Giai đoạn này đóng một vai trò thiết yếu trong sự phát triển cảm nhận về định hình cái tôi, bản dạng này sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến hành vi và sự phát triển của toàn bộ cuộc sống sau này. Trong suốt tuổi vị thành niên, trẻ khám phá sự tự lập và hình thành cảm nhận về bản thân. Những người nhận được sự khích lệ và củng cố phù hợp sẽ vượt qua giai đoạn này với sự cảm nhận mạnh mẽ về bản thân, cảm giác tự lập và chủ động kiểm soát. Những người vẫn còn không chắc chắn về những niềm tin và ham muốn của mình sẽ cảm thấy bất an và bối rối về bản thân cũng như tương lai. Định hình cái tôi cá nhân mang đến cho mỗi người một cảm nhận thống nhất và rõ ràng kéo dài trong suốt cuộc đời. Cảm nhận của chúng ta về bản dạng cá nhân được định hình bằng những trải nghiệm và tương tác với người khác, và chính

bản dạng này sẽ dẫn dắt hành động, niềm tin và hành vi của chúng ta khi ta ngày một lớn lên.

Giai đoạn 6 – Gắn bó và Cô lập (Từ 18-40). Giai đoạn này trải dài trong thời kỳ đầu giai đoạn trưởng thành khi con người ta khám phá những mối quan hệ cá nhân. Việc chúng ta hình thành những mối quan hệ gần gũi, gắn kết với người khác là một điều tối quan trọng, những người hoàn thành bước này tốt sẽ hình thành được những mối quan hệ bền lâu và đảm bảo. Cảm quan rõ ràng về cái tôi cá nhân là vô cùng quan trọng cho sự phát triển của các mối quan hệ thân thiết. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng những người có cảm quan kém về bản thân thực sự có ít mối quan hệ gắn kết hơn và dễ bị cô lập cảm xúc, cô đơn và trầm cảm. Giải quyết thành công giai đoạn này sẽ đưa đến một “trái ngọt” gọi là tình yêu thương, được xác định bằng khả năng hình thành những mối quan hệ lâu bền và có ý nghĩa với những người khác.

Giai đoạn 7 – Kiến tạo giá trị và Đình trệ (Từ 40-60 tuổi). Trong suốt những năm tháng trưởng thành, chúng ta tiếp tục vun đắp cuộc sống, tập trung vào sự nghiệp và gia đình. Người thành công trong giai đoạn này sẽ cảm thấy mình đang chủ động đóng góp cho thế giới qua các hoạt động ở nhà và ở cộng đồng. Những người không thể đạt được kỹ năng này sẽ cảm thấy mình không có ích và không gắn kết với thế giới. Chăm sóc là phẩm chất đạt được khi vượt qua giai đoạn này thành công. Tự hào về những thành tích của bản thân, nhìn con cái trưởng thành mỗi ngày và hình thành một cảm nhận về sự thống nhất với bạn đời là những thành tích quan trọng đạt được trong giai đoạn này.

Giai đoạn 8 – Trọn vẹn và Thất vọng (Từ 60 tuổi trở lên). Giai đoạn phát triển tâm lý xã hội cuối cùng xuất hiện trong suốt những năm về già và tập trung vào những hồi tưởng về cuộc đời. Tại thời điểm này, con người ta sẽ nhìn về lại những sự kiện trong cuộc sống và xác định xem mình có hạnh phúc với cuộc sống mình đã sống hay hối hận về những điều họ làm hoặc đã

không làm. Những người không thành công ở giai đoạn này sẽ cảm thấy cuộc sống của họ bị lãng phí và sẽ trải qua vô cùng nhiều nỗi ân hận. Họ sẽ cảm thấy cay đắng và thất vọng. Người nào cảm thấy tự hào về những thành tích mình đạt được sẽ cảm thấy được sự trọn vẹn thống nhất. Thành công hoàn thành giai đoạn này nghĩa là hồi tưởng lại nhưng không có nhiều điều hối hận và nhìn chung là hài lòng về những gì đã qua. Những người này có được sự khôn ngoan, thậm chí ngay cả khi đối mặt với cái chết.

Thuyết phát triển tâm lý xã hội áp dụng trong đề tài nghiên cứu giúp nhà tham vấn trong công tác tham vấn học đường hiểu rõ cơn khủng hoảng trong các giai đoạn phát triển lứa tuổi khác nhau của học sinh nói chung và học sinh THPT nói riêng, để giúp các em xác định được vấn đề đang gặp phải ở đâu, với mức độ như thế nào, từ đó có thể ứng phó hài hòa giữa nhu cầu cá nhân và sự đáp ứng xã hội.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Trong chương 1 luận văn đã làm rõ được các khái niệm liên quan đến đề tài nghiên cứu, gồm khái niệm về học sinh trung học phổ thông; khái niệm tham vấn học đường; khái niệm tham vấn học đường cho học sinh trung học phổ thông; khái niệm tham vấn viên; chức năng, nhiệm vụ của tham vấn viên. Trong đó hoạt động tham vấn học đường cho học sinh trung học phổ thông được hiểu là hoạt động tham vấn cho học sinh trung học phổ thông là hoạt động chuyên nghiệp nhằm hỗ trợ các em ứng phó với những khó khăn khác nhau của giai đoạn độ tuổi, đồng thời trang bị kiến thức, kỹ năng phù hợp để các em có thể phát triển tốt, hoàn thiện nhận thức cũng như nhân cách bản thân. Chương này cũng trình bày các lý luận về mục đích, ý nghĩa của hoạt động tham vấn học đường cho học sinh trung học phổ thông; đặc điểm tâm lý và nhu cầu của học sinh trung học phổ thông. Đồng thời tác giả nghiên cứu các hoạt động tham vấn học đường cho học sinh trung học phổ thông bao gồm: (1) hoạt động tham vấn phòng ngừa; (2) hoạt động tham vấn can thiệp; (3) hoạt động tham vấn phục hồi; (4) hoạt động tham vấn phát triển. Chương 1 cũng nhận định, đưa ra các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động tham vấn học đường cho học sinh trung học phổ thông đó là: Yếu tố chính sách; yếu tố nhà trường; yếu tố đội ngũ cán bộ chuyên môn; yếu tố phụ huynh; yếu tố học sinh. Các lý thuyết được áp dụng trong đề tài được nêu ở chương 1 gồm: Thuyết nhu cầu và Thuyết phát triển tâm lý xã hội. Trong đó, thuyết nhu cầu nhằm xác định nhu cầu của các em học sinh THPT, còn thuyết tâm lý xã hội nhằm xác định cơn khủng hoảng độ tuổi mà các em học sinh THPT đang phải đương đầu, từ đó tham vấn viên có phương án hỗ trợ phù hợp với nhu cầu, điều kiện và hoàn cảnh của mỗi trường hợp.

Các nội dung này là cơ sở để đánh giá thực trạng hoạt động TVHD cho học sinh THPT tại quận Đống Đa, thành phố Hà Nội trong chương 2.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG THAM VẤN HỌC ĐƯỜNG CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TẠI QUẬN ĐÔNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. Đặc điểm về địa bàn nghiên cứu và khái quát chung về học sinh trung học phổ thông tại quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

2.1.1. Đặc điểm về địa bàn nghiên cứu

2.1.1.1. Đặc điểm địa bàn trường Trung học phổ thông Quang Trung - Đống Đa

Trường THPT Quang Trung được thành lập ngày 15 tháng 11 năm 1970, nằm trên địa bàn phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Từ khi thành lập, trường có nhiều tên gọi khác nhau: Trường cấp 3 số 3, Trường cấp 3 Thái Thịnh, Trường cấp 3 Tam Khương, Trường cấp 3 Nguyễn Huệ rồi Trường cấp 3 Tây Sơn và sau là Trường THPT Quang Trung; Từ chỗ đi học nhờ, đi sơ tán đến năm học 1974 - 1975 trường chính thức có địa điểm được xây dựng tại số 178 đường Láng, những ngày đầu, trường mới được xây dựng sân trường trên nền ruộng rau muống của chùa Thịnh Quang nên những ngày mưa rất lầy lội. Với sự đoàn kết và cố gắng không ngừng nghỉ, tới nay tập thể trường đã đạt được những thành tựu đáng kể không chỉ về cơ sở vật chất mà còn về chất lượng dạy và học của giáo viên và học sinh.

Về cơ sở vật chất: Khuôn viên của trường có diện tích 12.000m². Với sự quan tâm của UBND thành phố Hà Nội, Sở Giáo dục & Đào tạo Hà Nội, các bậc cha mẹ học sinh, hiện nay nhà trường có một cơ sở vật chất khang trang, hiện đại với 2 tòa nhà 4 tầng gồm nhà B - 30 phòng học hiện đại, mỗi phòng trang bị 02 điều hòa và 01 tivi 51 inch); và nhà A dành cho hội họp, phòng chuyên môn, phòng học đa năng, phòng thực hành vật lý và hóa sinh, phòng tin học, phòng thí nghiệm, phòng thư viện; dãy tổ chuyên môn, nhà thể

chất đạt chuẩn quốc gia, sân bóng đá mini, vườn cây cảnh sinh vật và sân trường rộng rãi với những cây xà cừ cổ thụ rợp bóng quanh năm.

Về cán bộ giáo viên, công nhân viên: đội ngũ cán bộ giáo viên nhà trường không ngừng trau dồi nâng cao chất lượng. Cho tới nay, trường có: 02 Nhà giáo ưu tú: Thầy giáo Vũ Dương Quỳ và Thầy giáo Lê Bảo; 01 Tiến sĩ: Thầy giáo Đặng Trần Xuân; 42 Thạc sĩ; 40 Giáo viên đạt Giáo viên giỏi cấp Thành phố. Ngày 16 tháng 1 năm 2013, nhà trường vinh dự nhận được bằng công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia của chủ tịch UBND thành phố Hà Nội. Từ đó tới nay, tập thể trường không ngừng phấn đấu nỗ lực để đạt nhiều thành tích hơn nữa. Năm 2020, trong không khí hướng tới Kỷ niệm 50 năm thành lập trường (15/11/1970 - 15/11/2020), trường vinh dự nhận được huân chương lao động hạng II của Nhà nước trao tặng.

Về chất lượng học sinh: Từ năm 2010 tới nay, trường liên tục đạt tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp 100%, tỷ lệ học sinh đỗ vào các trường Đại học và Cao đẳng luôn từ 55% trở lên. Các hoạt động đoàn thể, thể dục thể thao, nhà trường luôn là đơn vị dẫn đầu trong toàn quận và đạt nhiều thành tích cao trong các cuộc thi toàn thành phố.

Về hoạt động tham vấn học đường: Từ đầu năm 2018, thực hiện Thông tư 31/2017/TT-BGDĐT về việc Hướng dẫn thực hiện công tác Tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông, BGH nhà trường tổ chức và thành lập Trung tâm Tham Vấn Tâm Lý Học Đường Trường THPT Quang Trung - Đống Đa, đồng thời cắt cử giáo viên trường cùng Đoàn thanh niên trường quản lý; Văn phòng đặt tại văn phòng Đoàn của trường; Cho tới thời điểm hiện tại, kết hợp với Đoàn thanh niên trường, Trung tâm Tham vấn Tâm lý học đường của trường đã xây dựng và thực hiện được các hoạt động phù hợp với học sinh của trường.

2.1.1.2. Đặc điểm địa bàn trường Trung học phổ thông Phan Huy Chú - Đống Đa

Trường THPT Phan Huy Chú thành lập năm 1997 nằm trên địa bàn phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, ban đầu là trường Trường THPT Phan Huy Chú, với những ngày đầu tiên cả trường có 5 lớp học sinh khóa đầu tiên, 5 thầy cô giáo chủ nhiệm lớp, 2 thầy cô giáo trong Ban Giám Hiệu, toàn trường chỉ có số cán bộ, giáo viên, nhân viên rất khiêm tốn là 25 người, hiệu trưởng lúc bấy giờ là thầy Đặng Ngọc Yên. Năm 2008 trường bắt đầu hoạt động theo mô hình Công lập tự chủ tài chính toàn phần với tên trường: Trường THPT Phan Huy Chú. Trường đạt chuẩn quốc gia năm 2013, đạt đủ tiêu chí trường Chất lượng cao năm 2015. Trường THPT Phan Huy Chú là trường Công lập tự chủ duy nhất tự đảm bảo 100% chi lương và chi thường xuyên, nhà trường không được cấp ngân sách của Nhà nước.

Về cơ sở vật chất: Tổng diện tích sử dụng 9.245,5m² gồm trên 1.837m² xây dựng và 7.408m² sân, vườn và đường đi. Đặc biệt, thư viện nhà trường có diện tích 300m² có tủ sách, giá sách 2 mặt, giá báo, tạp chí, tủ thư mục đã liên tục đạt danh hiệu Thư viện xuất sắc Thành phố. Khu hiệu bộ, nhà thể chất, căng tin và các khu vực phụ trợ khác đều đạt tiêu chuẩn môi trường sư phạm của Bộ. Tất cả các khu trong nhà trường được bố trí hợp lý, gọn gàng, luôn sạch đẹp, đảm bảo môi trường sư phạm sạch và an toàn.

Về cán bộ giáo viên, công nhân viên: nhà trường có 83 cán bộ giáo viên, nhân viên (gồm 32 biên chế và 51 hợp đồng). 100% cán bộ giáo viên có trình độ đạt chuẩn, trong đó 88.6% trên chuẩn; 42% số giáo viên đạt giáo viên Giỏi cấp Thành phố; Chi bộ Đảng có 22 Đảng viên. Đội ngũ giáo viên của trường luôn không ngừng cố gắng phát huy năng lực bản thân, một số thầy cô luôn được mời đi chia sẻ về phương pháp giảng dạy và chủ nhiệm ở nhiều trường trong và ngoài Thành phố; 05 giáo viên được công nhận là giáo viên

toàn cầu.

Về chất lượng học sinh: Số học sinh có học lực Khá và Giỏi không ngừng được nâng cao. Tỷ lệ đỗ Tốt nghiệp luôn vượt tỉ lệ thành phố, nhiều năm đạt 100%. Tỷ lệ đỗ vào các trường Đại học và Cao đẳng từ 56.3% đến gần 90% (năm học 2018 - 2019). Đặc biệt, nhà trường rất chú trọng việc giáo dục nếp sống, kỹ năng sống, giáo dục lòng nhân ái trong nhà trường.

Về hoạt động tham vấn học đường: Từ năm 2008, khi thầy Hà Xuân Nhâm lên làm hiệu trưởng, nhận thấy sự phát triển của xã hội tác động không nhỏ lên nhân cách của các em học sinh, thầy đã cho thành lập Ban tư vấn học đường, là 1 phòng ban nhỏ trong Văn phòng Đoàn, chuyên phụ trách xử lý các vấn đề học đường như: hoà giải xung đột, bạo lực học đường,... Tới năm 2010, khi lĩnh vực tham vấn học đường trở nên phổ biến hơn, Ban tư vấn học đường được tách ra thành Phòng tư vấn học đường, có văn phòng riêng, được nhà trường cử giáo viên có kinh nghiệm về tâm lý học đường phụ trách. Lúc này Phòng tư vấn học đường được giao thêm các nhiệm vụ mới như xây dựng chương trình kỹ năng sống, tổ chức các chương trình ngoại khóa cho học sinh, tổ chức khám sàng lọc tâm lý cho học sinh toàn trường,... Sau một thời gian hoạt động độc lập, Phòng tư vấn học đường của trường đã trở thành 1 cầu nối không thể thiếu cho học sinh với nhà trường và gia đình. Năm 2017, trong không khí vui mừng kỷ niệm 20 năm ngày thành lập trường, Phòng tư vấn học đường chính thức được công nhận là Tổ Bộ Môn của trường, chịu trách nhiệm chuẩn bị nội dung tuyên truyền vào thứ 2 hàng tuần trong buổi chào cờ và giảng dạy bộ môn kỹ năng sống cho học sinh toàn trường vào thứ 6 hàng tuần. Nhà trường tuyển chọn giáo viên có chuyên môn phù hợp trong lĩnh vực phù hợp, đồng thời kết nối với nhiều chuyên gia trong lĩnh vực về trường hỗ trợ về nội dung và tổ chức. Cho tới nay, Tổ bộ môn kỹ năng sống đã đạt được nhiều kết quả đáng mừng trong lĩnh vực tham vấn học đường nói

riêng và sự nghiệp trông người nói chung.

2.1.2. Khái quát chung về khách thể tại địa bàn nghiên cứu

2.1.2.1. Khái quát chung về học sinh tại địa bàn nghiên cứu

Nghiên cứu thực hiện khảo sát 60 học sinh tại mỗi địa bàn nghiên cứu, chia đều cho 3 khối. Các em làm khảo sát trong độ tuổi từ 16 - 18 tuổi.

Về giới tính, Không có sự chênh lệch quá lớn về tỷ lệ giới tính giữa nam và nữ tại các khối ở mỗi địa bàn nghiên cứu. Tuy nhiên giới tính nam vẫn cao hơn giới tính nữ với tỷ lệ 53,3% giới tính nam và 46,7% giới tính nữ. Căn cứ theo đó, tác giả chọn 120 em tại 2 trường tham gia khảo sát bằng hỏi với tỷ lệ như sau:

Bảng 2.1. Đặc điểm khách thể nghiên cứu

| Trường | Khối | Giới tính | | | |
|-------------------|------|-----------|-------|----|-------|
| | | Nam | | Nữ | |
| | | SL | % | SL | % |
| THPT Quang Trung | 10 | 8 | 40% | 12 | 60% |
| | 11 | 11 | 55% | 9 | 45% |
| | 12 | 10 | 50% | 10 | 50% |
| THPT Phan Huy Chú | 10 | 13 | 65% | 7 | 35% |
| | 11 | 11 | 55% | 9 | 45% |
| | 12 | 11 | 55% | 9 | 45% |
| Tổng số | 120 | 64 | 53,3% | 56 | 46,7% |

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Khách thể nghiên cứu trong đề tài là học sinh THPT, hầu hết các em đã kết thúc thời kỳ dậy thì, các em mang một hình hài trưởng thành với tư tưởng

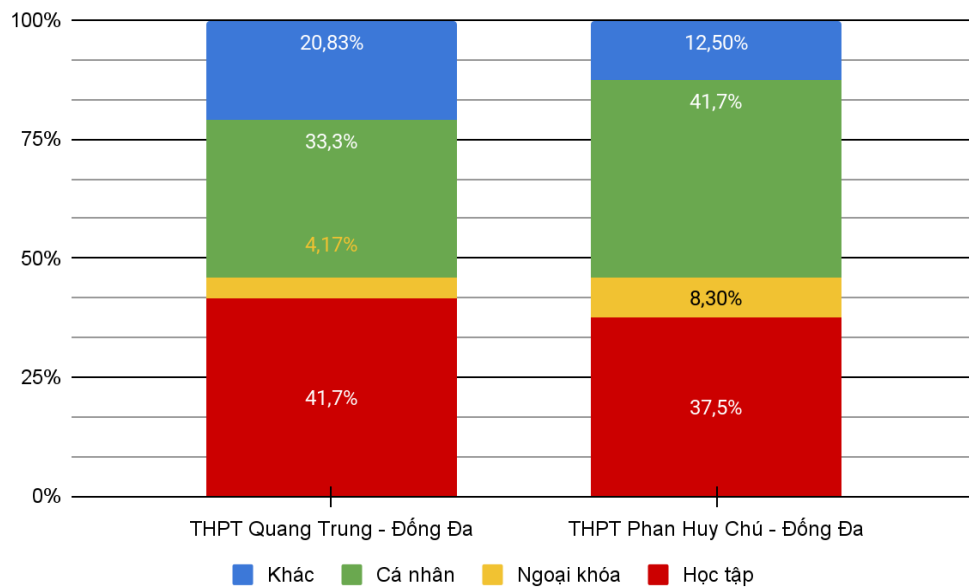
khát vọng lớn về tương lai những kỹ năng sống và trải nghiệm thực tế còn ít ỏi, khiến cho suy nghĩ chưa chín muồi, hành động còn bồng bột, cảm xúc tình cảm còn chưa được ổn định khi đứng trước những lựa chọn, những vấn đề khác nhau của cuộc sống. Trong giai đoạn này các em thường chủ động mở rộng mối quan hệ, giao lưu kết bạn dưới nhiều hình thức khác nhau, từ đó tính cách, lối suy nghĩ của các em cũng bị tác động bởi nhiều yếu tố khác nhau chứ không chỉ đơn thuần là gia đình và nhà trường như trước nữa. Trong khi đó, trong 5 năm trở lại đây, các vụ tự tử do áp lực học tập và cuộc sống đang có xu hướng tăng lên với những diễn biến tâm lý vô cùng phức tạp ở các em trong độ tuổi THPT. Điều này khiến cho xã hội không khỏi bàng hoàng, đặc biệt là các bậc phụ huynh không khỏi lo lắng trong việc quản lý và bảo vệ con em mình. Vì vậy, lúc này hoạt động tham vấn học đường tại trong chính trường học, nơi các em học tập và sinh hoạt hằng ngày trở thành hoạt động vô cùng cần thiết.

Tại trường THPT Quang Trung, tiếp thu lời dạy năm xưa của vua Quang Trung: “*Dựng nước lấy học làm đầu, muốn thịnh trị lấy nhân tài làm gốc*”, trong 5 năm trở lại đây, thành tích thi đua của trường không ngừng tăng lên, liên tục nhiều năm liền là đơn vị có chất lượng dạy và học đi đầu trong Quận, điều này tuy khiến cho hình ảnh của trường rực rỡ hơn, nhưng cũng trở thành áp lực đối với học sinh trong việc không ngừng cố gắng cải thiện thành tích cá nhân cũng như giữ vững thành tích tập thể.

Tại trường THPT Phan Huy Chú, với phương châm: “Trí tuệ và yêu thương, năng động và sáng tạo, tất cả cho học sinh và vì học sinh”, ngoài chú trọng chất lượng dạy và học, BGH nhà trường cũng rất quan tâm tới việc bồi dưỡng nhân cách, trang bị kỹ năng sống cho học sinh trong trường thông qua việc giảng dạy kỹ năng sống thứ 6 hàng tuần, các buổi giao lưu chia sẻ toàn trường với những chủ đề phong phú. Tuy mới thành lập được gần 25 năm

nhưng những thành tích về cả giáo dục lẫn hoạt động xã hội của tập thể trường lại không hề ít.

Theo khảo sát về việc phân bổ thời gian trung bình trong ngày của học sinh tại 2 địa bàn nghiên cứu, ta có thể thấy sự khác biệt không nhỏ giữa thời gian biểu của học sinh trường THPT Quang Trung và THPT Phan Huy Chú như sau:



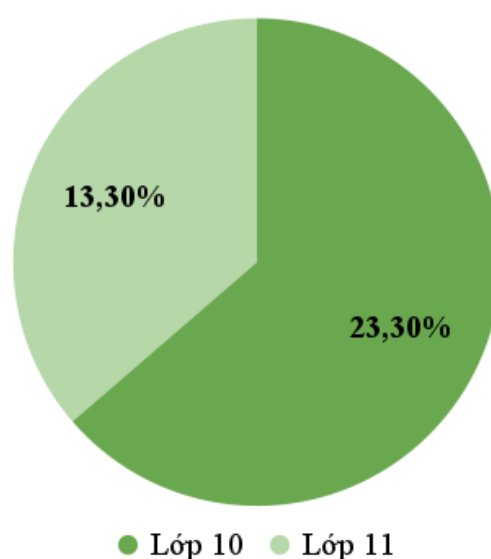
Biểu đồ 2.1. Mức độ phân bổ thời gian trong ngày

Có thể thấy 1 thực tế rằng học sinh trường THPT Quang Trung dành hầu hết thời gian trong ngày cho việc học, từ việc học chính tại trường cho tới việc học phụ đạo để bồi dưỡng thêm về kiến thức. Điều này khiến cho quỹ thời gian của các em bị thu hẹp, thời gian dành cho sinh hoạt cá nhân (ăn, uống, ngủ, nghỉ) cũng bị hạn chế lại, thời gian dành cho ngoại khóa gần như là không có. Theo số liệu thống kê, trung bình học sinh tại trường THPT Quang Trung chỉ được dành 1 giờ trong ngày để học ngoại khóa, tuy nhiên thời gian này thường được kết hợp với các bộ môn khác như giáo dục công dân, giáo dục quốc phòng, thể dục, khiến cho thời lượng thực sự được học ngoại khóa gần như không có.

Trong khi đó học sinh của trường THPT Phan Huy Chú dành được trung bình 3 giờ mỗi ngày (chiếm 8,3% tổng quỹ thời gian) để học các môn ngoại khóa, kỹ năng sống, tiếp thu thêm kiến thức xã hội. Thời gian học tập được tối ưu hóa tại trường để tiết kiệm thời gian cho việc nghỉ ngơi chăm sóc bản thân và các hoạt động khác.

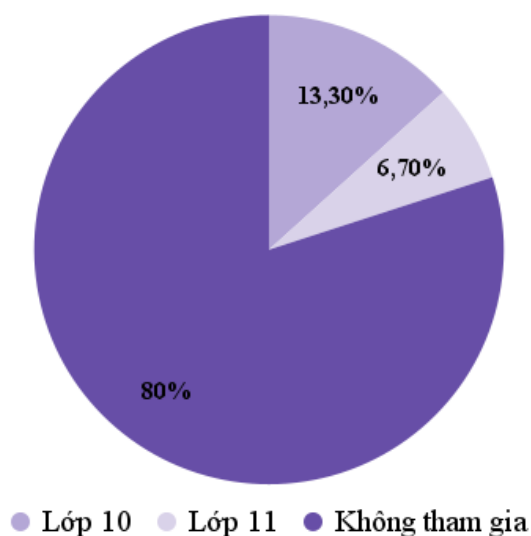
Khi được hỏi về việc các em có mong muốn được điều chỉnh thời gian biểu như thế nào thì hầu hết học sinh trường THPT Quang Trung (92,6%) đều có mong muốn giảm bớt thời gian học xuống để được có thời gian tìm hiểu thêm kiến thức xã hội và dành thời gian cho bản thân. Trong khi phần lớn học sinh của trường THPT Phan Huy Chú thì mong muốn được giữ nguyên thời gian biểu hiện tại (98,4%) bởi các em cảm thấy thời gian như vậy là phù hợp cho các em học tập và sinh hoạt.

Với quỹ thời gian được sắp xếp khoa học và hợp lý, học sinh trường THPT Phan Huy Chú đều tham gia ít nhất 1 CLB trong trường, một số bạn còn tham gia 2 CLB, số này chủ yếu tập trung ở lớp 10 và 11. Còn lớp 12 do bận rộn với việc thi hết cấp và kỳ thi đại học nên hầu hết chỉ tham gia 1 CLB trong trường.



Biểu đồ 2.2. Tỷ lệ học sinh tham gia 2 CLB tại trường THPT Phan Huy Chú

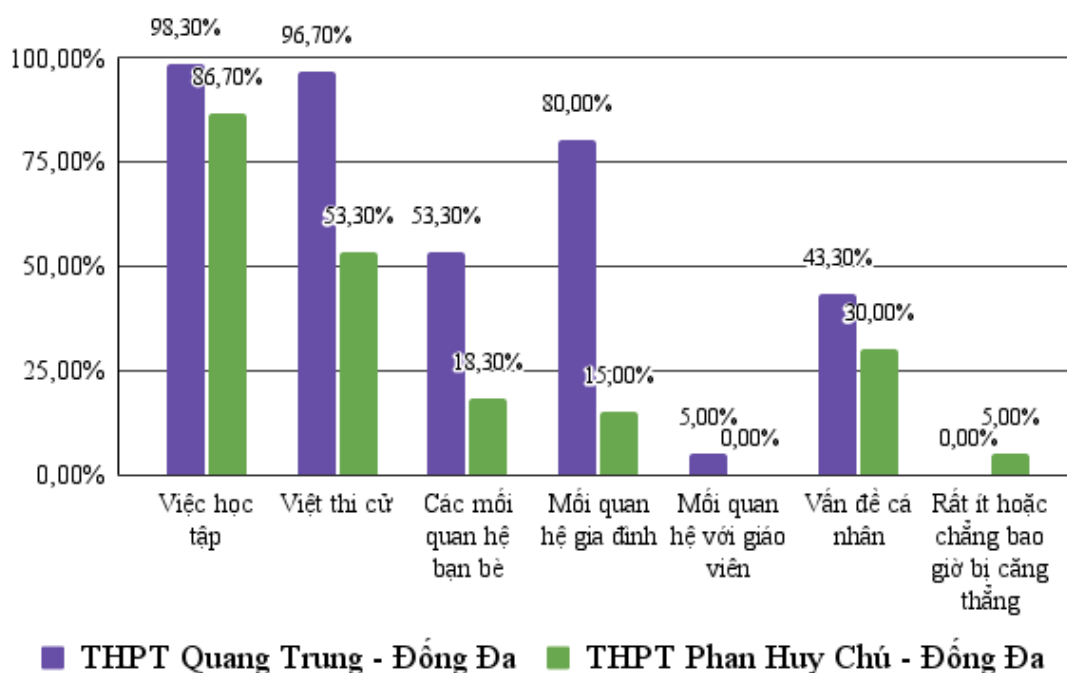
Con số này tại trường THPT Quang Trung lại có phần khiêm tốn hơn, khi chỉ có tổng 12 bạn tham gia khảo sát có tham gia 1 CLB trong trường, và số này chỉ tập trung ở lớp 10 và 11.



Biểu đồ 2.3. Tỷ lệ học sinh tham gia CLB tại trường THPT Quang Trung

Điều này một phần được lý giải bởi số lượng CLB trong trường THPT Quang Trung còn ít, chủ yếu tập trung vào các đội nhóm hoạt động trong sự kiện nhà trường như đội múa, đội nhảy hiện đại. Các hội nhóm CLB năng khiếu khác đã từng được thành lập, nhưng hầu hết đều mang tính tự phát của học sinh, không có cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu dần dần khiến cho việc duy trì hoạt động trở nên khó khăn và tan rã.

Hệ quả của việc này được biểu hiện rõ thông qua khảo sát về mức độ căng thẳng của học sinh tại 2 địa bàn nghiên cứu.

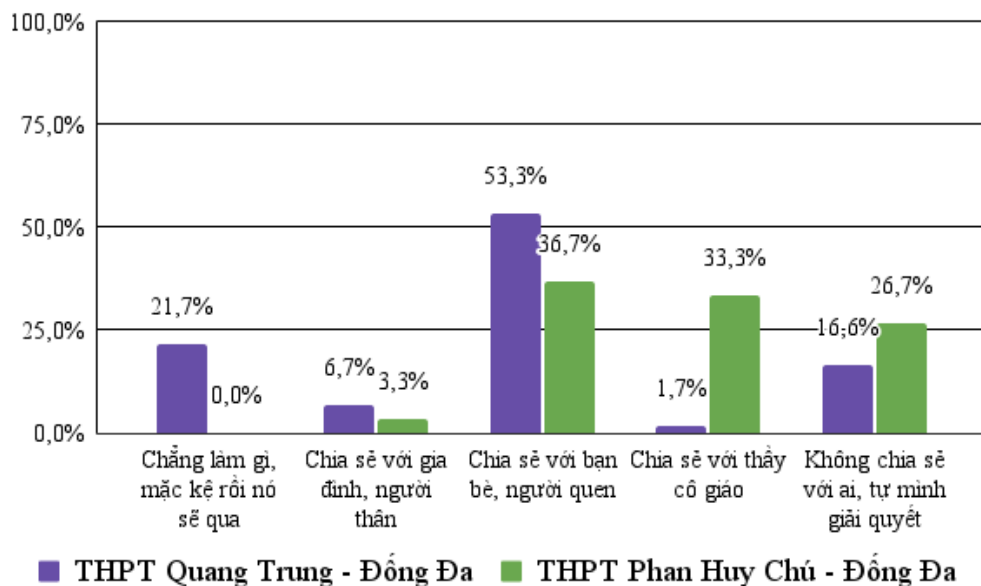


Biểu đồ 2.4. Tỷ lệ học sinh bị căng thẳng theo vấn đề

Qua quan sát biểu đồ, ta có thể thấy, hầu hết các yếu tố căng thẳng của trường THPT Quang Trung đều có chỉ số cao hơn so với trường THPT Phan Huy Chú. Đặc biệt với 2 yếu tố là “Việc học tập” và “Việc thi cử” thì tại trường THPT Quang Trung có tỷ lệ gần chạm ngưỡng 100% với “Việc học tập” là 98,3% và “Việc thi cử” là 96,7%. Ngoài ra, yếu tố “Các mối quan hệ gia đình” của học sinh trường THPT Quang Trung có mức đáng lo ngại (80%). Theo em N.P.L - học sinh lớp 12 trường THPT Quang Trung cho biết: *“Bình thường bọn em rất bận với việc học, ngoài đi học ở trường còn phải học thêm ở ngoài, tối về còn phải làm bài tập và chuẩn bị bài cho ngày hôm sau. Nhất là thời gian chuẩn bị thi cử, có khi cả tháng trời em còn chẳng ăn cơm với bố mẹ bữa nào, vì lúc bố mẹ ăn cơm thì mình đi học, mình ăn ở ngoài để kịp giờ học hoặc về mới ăn thì lúc ý bố mẹ cũng chuẩn bị đi ngủ cả rồi, lúc ý thì còn trò chuyện với tâm sự gì nữa”*. Đây là một thực tế mà hầu hết các em học sinh các cấp đều đang gặp phải, đặc biệt là thời gian thi cử hoặc năm cuối cấp. Tình trạng này cũng xảy ra tương tự với trường THPT Phan Huy Chú,

nhưng là của những năm trước, chứ không phải ở thời điểm hiện tại nữa. Qua trao đổi với em P.T.A là học sinh lớp 12 trường THPT Phan Huy Chú, em T.A cho biết: “Hồi em mới vào học lớp 10, tự nhiên cũng gặp nhiều khó khăn trong việc giao tiếp với bố mẹ, cứ hơi tí là khắc khẩu được ấy. Sau đó môn Kỹ năng sống ở trường có dạy về chủ đề “Bày tỏ tình yêu thương với cha mẹ”, ban đầu em nghĩ chắc là mình không làm được nhưng dần dà vài ba lần rồi tự nhiên như thành thói quen. Cho tới bây giờ, mặc dù cô giáo không còn giao bài tập về phải tương tác với bố mẹ nữa nhưng với em thì việc tương tác với bố mẹ như trở thành thói quen rồi. Có thời gian thì em ngồi nói chuyện với bố mẹ, không có thời gian thì em nhắn tin hỏi han bố mẹ. Hôm nào mà không làm, em còn thấy khó chịu ấy chứ”. Có thể thấy, ngay từ khi mới vào lớp 10, học sinh trường THPT Phan Huy Chú đã được trang bị những kỹ năng mềm cần thiết ngoài kiến thức văn hóa.

Đối với những vấn đề gây căng thẳng khác nhau, các bạn học sinh cũng có những hướng lựa chọn phương án xử lý khác nhau. Cụ thể như sau:



Biểu đồ 2.5. Tỷ lệ học sinh tìm cách xử lý khi gặp phải vấn đề

Qua quan sát biểu đồ, có thể thấy, học sinh của trường THPT Quang Trung hầu hết lựa chọn chia sẻ vấn đề với bạn bè, người quen, thay vì chia sẻ với bố mẹ hay thầy cô, những người có kinh nghiệm sống dày dặn hơn. Điều này một phần là vì phía bố mẹ và thầy cô chưa thực sự tạo được niềm tin cho các em trong việc làm chỗ dựa để san sẻ cảm xúc, một phần cũng là vì các em không có thói quen trong việc san sẻ vấn đề của mình với những người lớn hơn. Vậy nên nếu không thể tự mình giải quyết hoặc để kệ cho nó qua đi thì các em lựa chọn san sẻ những điều đó với những người ở gần lứa tuổi với mình hơn. Từ đó theo thống kê sơ bộ về mức độ hiệu quả của việc san sẻ vấn đề như sau:

Bảng 2.2. Mức độ hiệu quả trong việc đưa ra phương án xử lý căng thẳng tại trường THPT Quang Trung

| S T T | Yếu tố | Mức Độ | | | | | | | |
|-------------|--|--------------|--------|--------------|-------|-------------|--------|----------------|--------|
| | | Rất hiệu quả | | Khá hiệu quả | | Bình thường | | Không hiệu quả | |
| | | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 1 | Chẳng làm gì, mặc kệ rồi nó sẽ qua | 9 | 15% | 4 | 6,67% | 38 | 63,33% | 9 | 15% |
| 2 | Chia sẻ với gia đình, người thân | 1 | 1,67% | 3 | 5% | 48 | 80% | 8 | 13,33% |
| 3 | Chia sẻ với bạn bè, người quen | 29 | 48,33% | 3 | 5% | 14 | 23,33% | 14 | 23,33% |
| 4 | Chia sẻ với thầy cô giáo | 0 | 0% | 1 | 1,67% | 53 | 88,33% | 6 | 10% |
| 5 | Không chia sẻ với ai, tự mình giải quyết | 8 | 13,33% | 1 | 1,67% | 1 | 1,67% | 50 | 83,33% |

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Theo đó, số em cho rằng việc chia sẻ vấn đề với bạn bè không mang lại hiệu quả hoặc chỉ cho hiệu quả một cách bình thường chiếm tới gần một nửa tổng số em tham gia khảo sát (28/60). Số em cảm thấy việc tự mình giải quyết không hiệu quả còn chiếm tới hơn 80% (83,3% ~ 50 em/ 60 em tham gia khảo sát). Có thể thấy, cách thức lựa chọn phương án giải quyết căng thẳng của các em tại trường THPT Quang Trung chưa thực sự hiệu quả khi số lượng chọn phương án “Bình thường” hay “Không hiệu quả” (241 lần lựa chọn) cao gần gấp 4 lần so với “Hiệu quả” và “Khá hiệu quả” (62 lần lựa chọn) (cao gấp ~ 3,88 lần).

Bảng 2.3. Mức độ hiệu quả trong việc đưa ra phương án xử lý căng thẳng tại Trường THPT Phan Huy Chú

| S T T | Yếu tố | Mức Độ | | | | | | | |
|-------------|--|--------------|--------|--------------|--------|-------------|-------|----------------|--------|
| | | Rất hiệu quả | | Khá hiệu quả | | Bình thường | | Không hiệu quả | |
| | | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 1 | Chẳng làm gì, mặc kệ rồi nó sẽ qua | 0 | 0% | 0 | 0% | 0 | 0% | 60 | 100% |
| 2 | Chia sẻ với gia đình, người thân | 1 | 1,67% | 1 | 1,67% | 48 | 80% | 10 | 16,67% |
| 3 | Chia sẻ với bạn bè, người quen | 18 | 30% | 36 | 60% | 4 | 6,67% | 2 | 3,33% |
| 4 | Chia sẻ với thầy cô giáo | 18 | 30% | 38 | 63,33% | 2 | 3,33% | 2 | 3,33% |
| 5 | Không chia sẻ với ai, tự mình giải quyết | 14 | 23,33% | 2 | 3,33% | 33 | 55% | 11 | 18,33% |

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Tương tự với những phương án trên, học sinh trường THPT Phan Huy Chú lại có những sự lựa chọn khác một chút. Số em lựa chọn phương án “Chia sẻ với bạn bè” cao nhất so với những phương án còn lại, nhưng cũng chỉ chiếm gần 40% (~ 36,7%). Số còn lại được phân chia cho những phương án “Chia sẻ với thầy cô giáo” (33,3%) và “Không chia sẻ với ai, tự mình giải quyết” (26,7%). Có thể thấy, các em học sinh tại đây có niềm tin vào thầy cô giáo, không ngại ngần trong việc tìm tới thầy cô khi gặp khó khăn. Sự tự nguyện này của các em là nền tảng tốt cho việc thầy cô có thể tham vấn cho các em trong những tình huống khó, cũng giúp các em cởi mở hơn trong việc tiếp nhận phương án xử lý vấn đề.

Chính vì lẽ đó, khi khảo sát về mức độ hiệu quả trong việc lựa chọn các phương án xử lý căng thẳng, kết quả tại trường THPT Phan Huy Chú đã có những tín hiệu đáng mừng. Cụ thể như sau:

Số lượng học sinh lựa chọn phương án “Hiệu quả” và “Khá hiệu quả” khi “Chia sẻ với thầy cô” tăng lên đáng kể so với trường THPT Quang Trung. Đối với phương án “Không chia sẻ với ai, tự mình giải quyết” cũng nhận được khá nhiều lượt lựa chọn, tuy nhiên nếu so sánh với những mức độ khác trong cùng phương án thì mức độ hiệu quả chưa thực sự đáng kể. Đối với phương án “Chia sẻ với gia đình, người thân” cũng không được nhiều em lựa chọn. Qua chia sẻ với thầy Hà Xuân Nhâm, hiệu trưởng nhà trường, thầy cho biết: *“Khoảng cách thế hệ là yếu tố khiến cho các em học sinh có thể nói ra vấn đề cũng mình với bố mẹ nhưng bố mẹ lại chưa thực sự tìm được cách xử lý vừa phù hợp với hoàn cảnh của các em lại vừa xoa dịu được các em. Với tâm lý lo lắng cho các con, đôi khi bố mẹ sốt sắng lên cũng khiến các em sốt ruột hơn. Đây là một thách thức được đặt ra với nhà trường nói chung và đội ngũ giáo viên giảng dạy kỹ năng sống của nhà trường nói riêng, bởi lẽ việc*

giáo dục cho một đứa trẻ xét cho cùng sẽ ít gặp khó khăn hơn khi phải hướng dẫn, chỉ dạy cho một người trưởng thành”.

Nhìn chung, do có sự khác nhau về sự tiếp nhận hoạt động TVHĐ tại trường nên học sinh tại 2 địa bàn nghiên cứu cũng có sự khác biệt khá rõ rệt trong không chỉ nhu cầu về mặt tâm lý mà còn cả sự khác nhau trong cách nhìn nhận và xử lý vấn đề.

2.1.2.2. Khái quát chung về giáo viên phụ trách tham vấn học đường tại địa bàn nghiên cứu

*Tại trường THPT Quang Trung, thực hiện theo Thông tư 31/2017/TT-BGDĐT về việc Hướng dẫn thực hiện công tác Tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông, hiện tại, phòng Tư vấn học đường của trường cùng kết hợp với Đoàn thanh niên trường bước đầu đã có những hoạt động tích cực trong lĩnh vực TVHĐ. Thầy Nguyễn Trung Thành, giáo viên bộ môn sinh học, là người được bầu chọn là giáo viên được nhiều học sinh yêu quý nhất trong nhiều năm học, hiện đang là người chịu trách nhiệm quản lý và vận hành phòng Tư vấn tâm lý của nhà trường. Chia sẻ trong buổi phỏng vấn sâu về Hoạt động TVHĐ tại trường, thầy Thành chia sẻ: “*Khi mới được nhà trường giao trách nhiệm, thầy vừa vui mừng, nhưng cũng vừa lo lắng. Vui mừng vì đây là một hoạt động vô cùng ý nghĩa, góp phần giúp cải thiện môi trường học đường, đồng thời cũng giúp nhà trường lường trước và phòng tránh những nguy cơ xấu có thể xảy ra với các em học sinh. Tuy nhiên thầy lo lắng là bởi vì bản thân thầy chưa có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực này, khi mới bắt đầu cũng phải đi học các lớp kỹ năng để lấy chứng chỉ, rồi về dạy lại cho các em, rồi cũng phải học hỏi nhiều hơn, nghiên cứu nhiều hơn để có thể hiểu được những vấn đề mà các em đang gặp phải”.* Với nỗ lực không ngừng nghỉ ấy, thầy Thành cùng với sự trợ giúp của văn phòng Đoàn trường bước đầu đã có những kết quả tốt trong TVHĐ. Điển hình có thể kể tới kênh “*Quang Trung confession*”, nơi các bạn có thể thoải mái chia sẻ suy nghĩ của*

mình dưới hình thức ẩn danh, đã nhận được nhiều sự quan tâm chú ý của các bạn học sinh trong trường. Các hoạt động CLB cũng được nhen nhóm mở trở lại nhằm đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí của các bạn học sinh. Nhưng vẫn còn những khó khăn mà theo thầy Thành, cái khó lớn nhất chính là kỹ năng chuyên môn chưa đủ để có thể thực sự hoạt động TVHĐ một cách chuyên nghiệp.

Tại trường THPT Phan Huy Chú, lĩnh vực TVHĐ được chú trọng ngay từ thời điểm khi mà nhà nước chưa ban hành Thông tư 31, vậy nên BGH nhà trường đã có bề dày kinh nghiệm trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động TVHĐ phù hợp. Ngoài ra, nhà trường còn áp dụng Giải pháp Leader in me, còn được biết tới là Quy trình “Lãnh đạo bản thân” - hoạt động như một hệ điều hành tư duy làm thay đổi sâu sắc cách nhà trường quản lý, giáo viên dạy học cũng như phụ huynh và nhà trường kết nối xoay quanh tư tưởng lấy học sinh làm trung tâm.

Giáo viên chịu trách nhiệm quản lý Bộ môn kỹ năng sống tại trường được tuyển dụng dựa trên chuyên môn nghiệp vụ về học đường như Tâm lý học đường, Công tác xã hội chứ không cắt cử giáo viên sư phạm tại trường.

Có thể thấy, khách thể là giáo viên phụ trách TVHĐ tại 2 địa bàn nghiên cứu có sự khác biệt khá lớn về chuyên môn. Trong khi trường THPT Quang Trung mới chỉ cắt cử giáo viên sư phạm vào đảm nhiệm vị trí thì trường THPT Phan Huy Chú đã có Tổ bộ môn riêng với những giáo viên được đào tạo chuyên ngành phù hợp. Điều này có thể được lý giải bởi 2 lý do: Một là so với THPT Quang Trung thì THPT Phan Huy Chú đã “đi trước” trong lĩnh vực này hẳn 10 năm, vì vậy về kinh nghiệm và cách thức có phần thành thạo cũng như phong phú hơn; Hai là trường THPT Phan Huy Chú là trường công lập tự chủ tài chính (THPT Quang Trung là trường công lập sử dụng ngân sách Nhà nước), vậy nên nguồn ngân sách của trường được điều

phối linh hoạt để chi trả cho các vị trí giảng dạy trong trường hơn so với THPT Quang Trung.

2.1.2.3. Khái quát chung về phụ huynh tại địa bàn nghiên cứu

Nghiên cứu thực hiện khảo sát 10 phụ huynh tại mỗi địa bàn nghiên cứu. Phụ huynh là nhóm khách thể quan trọng trong việc ảnh hưởng tới sự phát triển của học sinh, đồng thời cũng là yếu tố góp phần ra quyết định về những lựa chọn của học sinh trong thời điểm độ tuổi 16 - 18 này.

Thông qua khảo sát bằng bảng hỏi, phụ huynh tại 2 địa bàn nghiên cứu có nhiều sự khác biệt. Đây có thể coi là 1 trong những yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động TVHD của nhà trường.

Về trình độ trình độ chuyên môn kỹ thuật và nghề nghiệp, thống kê khảo sát cụ thể như sau:

Bảng 2.4. Trình độ chuyên môn kỹ thuật của phụ huynh

| STT | Trình độ chuyên môn kỹ thuật | Trường | |
|-----|------------------------------|----------------------------|-----------------------------|
| | | THPT Quang Trung - Đống Đa | THPT Phan Huy Chú - Đống Đa |
| 1 | Học nghề | 20% | 0% |
| 2 | Trung cấp | 40% | 0% |
| 3 | Cao đẳng | 40% | 20% |
| 4 | Đại học | 0% | 80% |
| 5 | Trên đại học | 0% | 0% |

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Tại trường THPT Quang Trung, trình độ chuyên môn của phụ huynh tập trung ở học nghề, trung cấp và cao đẳng, không có đại học và trên đại học. Phụ huynh trường THPT Phan Huy Chú thì chủ yếu ở trình độ cao đẳng và đại học, không có trên đại học. Trình độ chuyên môn là yếu tố có sự ảnh

hưởng tới nghề nghiệp cũng như cách thức giáo dục con cái. Điều này khiến cho phụ huynh có sự nhận thức khác nhau về CTXH trong học đường nói chung và TVHĐ nói riêng. Thống kê từ khảo sát về nghề nghiệp của phụ huynh, tác giả tổng hợp được bảng sau:

Bảng 2.5. Nghề nghiệp của phụ huynh

| STT | Nghề nghiệp | Trường | |
|-----|---|----------------------------|-----------------------------|
| | | THPT Quang Trung - Đống Đa | THPT Phan Huy Chú - Đống Đa |
| 1 | Công, nhân viên chức nhà nước | 0 | 50% |
| 2 | Lao động phổ thông (công nhân, thợ điện, thợ thủ công, ...) | 60% | 0 |
| 3 | Chuyên gia (bác sỹ, kỹ sư, luật sư, giáo viên, ...) | 0 | 10% |
| 4 | Người làm nghề tự do (nhà văn, biên phiên dịch, ...) | 30% | 30% |
| 5 | Nội trợ | 10% | 0 |
| 6 | Tự kinh doanh/ Tự làm chủ | 0 | 10% |
| 7 | Thất nghiệp | 0 | 0 |
| 8 | Đã nghỉ hưu | 0 | 0 |

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Tại trường THPT Quang Trung, học sinh theo học hầu hết là học sinh có hộ khẩu sống tại khu vực quận Đống Đa, hầu như không có học sinh trái tuyến. Mức học phí vừa phải đối với 1 trường công lập, hầu hết các em đều có bố mẹ là công chức nhà nước hoặc lao động phổ thông (60%), điều kiện gia đình không phải ai cũng quá khá giả, vậy nên khi theo học, gia đình thường chỉ mong muốn các em học hành tử tế để tốt nghiệp cấp III và đỗ vào Đại học. Qua phỏng vấn sâu cô B.T.T là mẹ của 1 học sinh lớp 12 tại trường THPT Quang Trung, cô cho biết: *“Ngày xưa bọn cô cũng có được học kỹ năng gì đâu, rồi thì vẫn lớn lên và phát triển đấy thôi. Bây giờ không vào được Đại học mới là vất vả, kỹ năng sống ấy mà, sống lâu được thì tự học được hết thôi”*. Khi được hỏi có suy nghĩ gì về việc trong thời gian gần đây, ngày càng nhiều các vụ học sinh tự tử vì áp lực học tập thì chú L.T.T cho biết: *“Chú nghĩ là có nhiều nguyên nhân khác nhau lắm, chỉ là gọi chung là áp lực thôi, bố mẹ sát xao quan tâm tới con cái hơn thì sẽ giảm thiểu được những vấn đề đó ngay”*. Có thể thấy đối với phụ huynh tại trường THPT Quang Trung, việc học của con vẫn là hàng đầu, quan trọng hơn bất cứ hoạt động nào khác.

Tại trường THPT Phan Huy Chú, với mức học phí xấp xỉ 60.000.000 - 80.000.000 VNĐ, học sinh theo học tại trường hầu hết đều là con em gia đình khá giả. Theo như khảo sát thì có tới 50% phụ huynh tham gia khảo sát là công chức nhà nước, 30% là nghề nghiệp tự do, 10% là chuyên gia, 10% là tự làm chủ kinh doanh, hầu hết các công việc này đều có mức thu nhập cao hơn lao động phổ thông và nội trợ. Qua phỏng vấn sâu cô T.C.G là mẹ của 1 học sinh lớp 10 tại trường THPT Phan Huy Chú, cô cho biết: *“Cô đăng ký cho em vào trường này là vì biết trường có hướng giáo dục hiện đại, tuy mức học phí không phải là thấp nhưng sau khi tốt nghiệp học sinh có khả năng ngôn ngữ tốt, lại được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa phát triển kỹ năng sống thì*

so với học trường quốc tế thì giá lại tốt hơn rất nhiều”. Khi được hỏi về việc trong thời gian gần đây, ngày càng nhiều các vụ học sinh tự tử vì áp lực học tập thì cô T.C.G cho biết: “Từ ngày em vào cấp 3, ngày nào về cũng vui vẻ nói cười, chẳng bao giờ thấy em than vãn hay buồn phiền điều gì, nên cô cũng yên tâm lắm. Con ở trường học kỹ năng sống, về bố mẹ còn phải làm bài tập kỹ năng sống cùng cơ. Tuy không thể chắc chắn là sẽ không xảy ra những trường hợp ngoại lệ, nhưng cô nghĩ tỷ lệ sẽ thấp hơn nhiều”. Có thể thấy, phụ huynh tại trường THPT Phan Huy Chú lựa chọn trường không chỉ phụ thuộc vào trái tuyển hay đúng tuyển, mà còn có sự cân nhắc về chất lượng đào tạo toàn diện nữa.

Đồng thời khi được hỏi về việc gia đình có sẵn sàng chi trả tiền cho con em được chăm sóc về mặt tinh thần thông qua hoạt động TVHD không thì tại 2 địa bàn nghiên cứu cũng có những khác biệt rõ rệt. Cụ thể, đối với thời hạn trong 1 kỳ học, sự đồng ý chi trả của phụ huynh được tổng hợp lại thông qua phiếu hỏi như sau:

Bảng 2.6. Mức độ chi trả cho Tham vấn học đường của phụ huynh

| STT | Mức độ | Trường | |
|-----|--------------------------|------------------|-------------------|
| | | THPT Quang Trung | THPT Phan Huy Chú |
| 1 | 499.000VND trở xuống | 20% | 0% |
| 2 | 500.000 - 999.000VND | 0% | 20% |
| 3 | 1.000.000 - 1.499.000VND | 0% | 40% |
| 4 | 1.500.000 - 2.000.000VND | 0% | 40% |
| 5 | Không đồng ý chi trả | 80% | 0% |

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Có tới 80% phụ huynh trường THPT Quang Trung không đồng ý việc chi trả cho hoạt động TVHĐ của con em mình, trong khi tỷ lệ này ở THPT Phan Huy Chú là 0%. Đặc biệt có tới 80% phụ huynh tại trường THPT Phan Huy Chú chấp nhận chi trả trên 1.000.000VNĐ cho hoạt động này. Có thể thấy phụ huynh trường THPT Phan Huy Chú có sự sẵn sàng “đầu tư” hơn. Điều này không phải do mức thu nhập cao hơn mà do trình độ học vấn của phụ huynh trường THPT Phan Huy Chú ở mức trung bình trở lên cao hơn nên sự nhận thức và tiếp nhận hoạt động TVHĐ cũng tốt hơn.

Từ số liệu khảo sát cho thấy, sự khác biệt rất lớn thông qua nhận thức của phụ huynh có ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động TVHĐ của nhà trường đối với học sinh.

2.2. Thực trạng hoạt động tham vấn học đường đối với học sinh tại địa bàn nghiên cứu

2.2.1. Thực trạng thực hiện tham vấn phòng ngừa cho học sinh tại địa bàn nghiên cứu

Thời đại 4.0 ngày càng phát triển, khiến cho xã hội tiềm ẩn nhiều nguy cơ đi từ thế giới ảo sang cuộc sống thực tế, trong khi đó TVPN là một trong số những hoạt động quan trọng, được ví như hàng rào bảo vệ học sinh trong công tác quản lý học đường. Thông qua tìm hiểu và nghiên cứu tài liệu, tác giả đưa ra các nhiệm vụ TVPN điển hình trong học đường nhằm khảo sát về chất lượng của TVPN tại địa bàn nghiên cứu như sau:

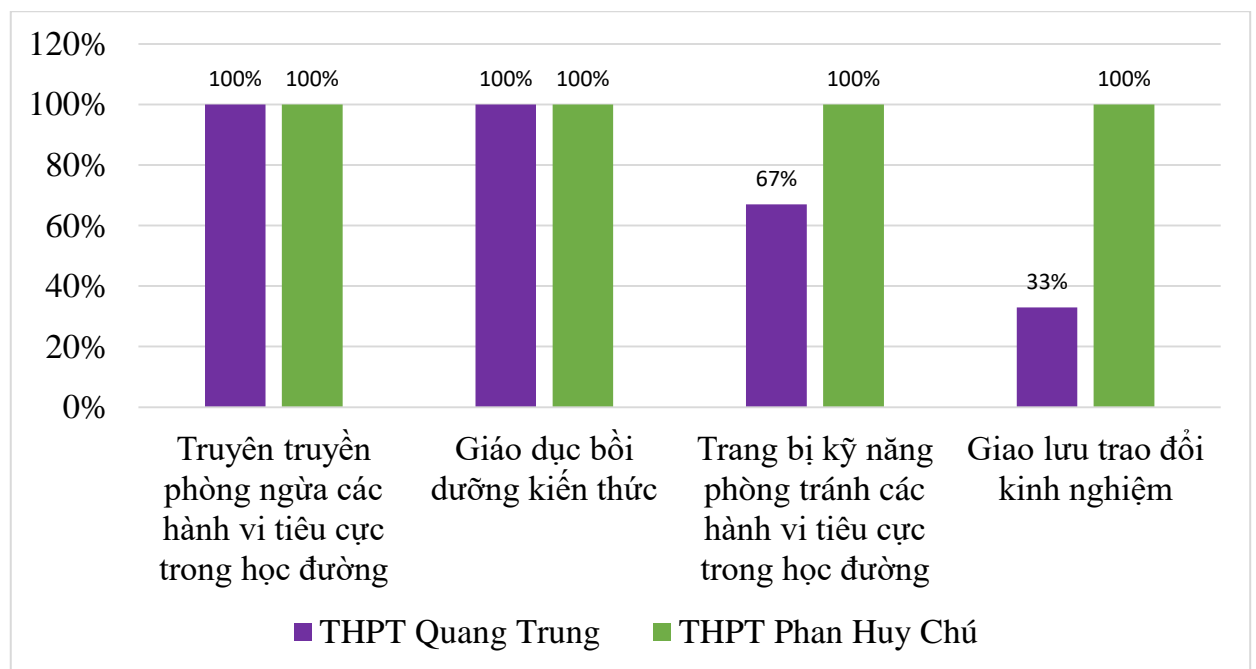
Tuyên truyền phòng ngừa các hành vi tiêu cực trong học đường như: bạo lực học đường, tác động tiêu cực của mạng xã hội, tệ nạn xã hội, nghiện chất kích thích,...

Giáo dục bồi dưỡng kiến thức như: giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản, sử dụng không gian mạng lành mạnh,...

Trang bị kỹ năng phòng tránh các hành vi tiêu cực trong học đường như: bạo lực học đường, tác động tiêu cực của mạng xã hội, tệ nạn xã hội, nghiện chất kích thích, các vấn đề liên quan tới căng thẳng tâm lý,...

Giao lưu trao đổi kinh nghiệm phòng ngừa vấn đề học đường như: phòng tránh tai nạn thương tích, xử lý các tình huống xấu bất ngờ,...

Những nhiệm vụ trên đều mang tính tăng cường các kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm nhằm giúp các em lường trước và tự mình phòng tránh những nguy cơ có thể gặp phải trong học đường. Thông qua khảo sát phiếu hỏi, tác giả đã thu được kết quả về những hoạt động mà học sinh tại 2 địa bàn nghiên cứu được tham gia nhằm đánh giá mức độ tiếp cận của các hoạt động đối với các em như sau:



Biểu đồ 2.6. Tỷ lệ học sinh tham gia hoạt động TVPN

Quan sát biểu đồ, có thể thấy đối với các hoạt động được tác giả nêu ra, trường THPT Phan Huy Chú có tỷ lệ học sinh tiếp cận được rất cao, tất cả các hoạt động các em đều được tham gia ngay từ khi vào lớp 10. Qua trao đổi, phỏng vấn sâu với bạn N.Đ.A, là học sinh lớp 12 tại trường THPT Phan Huy

Chú, bạn cho biết *Tuyên truyền phòng ngừa các hành vi tiêu cực trong học đường* được thực hiện vào mỗi thứ 2 hàng tuần trong giờ chào cờ; Hoạt động này trở thành kênh thông tin giúp các bạn học sinh cập nhật những vấn đề nóng liên quan tới học đường, đặc biệt trong thời gian dịch Covid diễn ra thì đây cũng là nguồn thông tin tin cậy trong việc tuyên truyền và hướng dẫn các bạn học sinh phòng ngừa dịch bệnh và bảo vệ bản thân. Nếu hoạt động tuyên truyền được triển khai vào ngày thứ 2 thì hoạt động *Giáo dục bồi dưỡng kiến thức* và *Trang bị kỹ năng phòng tránh các hành vi tiêu cực trong học đường* được thực hiện vào thứ 6 hằng tuần; Đây là tiết học mà các bạn học sinh của trường mong đợi nhất trong tuần khi mà việc học hành trở nên mệt mỏi thì tiết kỹ năng sống vào cuối tuần chính là “liều thuốc tinh thần” để các em vừa học những kiến thức mới vừa hoạt động nhóm với nhau xả căng thẳng. Đặc biệt đối với hoạt động *Giao lưu, trao đổi kỹ năng kiến thức*, nhà trường thường chú trọng vào việc tăng cường năng lực tự giải quyết vấn đề của học sinh, cho tới nay thì về chất lượng lẫn nội dung ngày càng hoàn thiện hơn.

Khác với trường THPT Phan Huy Chú, trường THPT Quang Trung có những mức độ khác nhau trong việc học sinh tiếp cận với TVPN. Qua biểu đồ 2.4 có thể thấy ngoài hoạt động *Trang bị kỹ năng* và *Giao lưu, trao đổi kiến thức kỹ năng* thì các hoạt động khác tại trường đều có tỷ lệ tiếp cận cao đối với học sinh toàn trường (100%). Tuy nhiên, qua phỏng vấn sâu em T.A.T, học sinh lớp 11 trường THPT Quang Trung, tác giả đã thu thập được thêm nhiều thông tin cụ thể hơn về các hoạt động TVPN tại trường. *Tuyên truyền phòng ngừa các hành vi tiêu cực trong học đường* là một trong những hoạt động phổ biến nhất của nhà trường, nhận sự chỉ đạo từ bộ giáo dục cũng như cập nhật thông tin truyền thông đại chúng, hoạt động này thường được tổ chức vào thứ 2 hàng tuần trong giờ chào cờ và thứ 7 hàng tuần trong giờ sinh hoạt lớp; *Giáo dục bồi dưỡng kiến thức* thường có độ tiếp cận cao (100% - tới

được với học sinh toàn trường), nhưng chủ yếu được kết hợp cùng giờ học Giáo dục công dân, vậy nên ngoài kiến thức được học trong sách vở, khi còn thời gian của tiết học thì các em được học thêm các kiến thức cần thiết bên ngoài. Khác với trường THPT Phan Huy Chú, *Trang bị kỹ năng phòng tránh các hành vi tiêu cực trong học đường* được phổ biến cho học sinh lớp 11 trở lên, điều này đồng nghĩa với việc chỉ có $\frac{2}{3}$ học sinh toàn trường được tham gia hoạt động này. Còn hoạt động *Giao lưu trao đổi kiến thức, kỹ năng nhằm tăng cường năng lực tự giải quyết vấn đề của học sinh* (bắt đầu từ năm 2019) thì chỉ có lớp 12 được tham gia.

Ngoài khảo sát về sự tham gia của các em học sinh, việc đánh giá về người phụ trách các hoạt động TVPN tại địa bàn nghiên cứu cũng rất quan trọng.

Bảng 2.7. Giáo viên phụ trách hoạt động TVPN

| STT | Hoạt động | Trường | | | |
|-----|------------------------------------|------------------|--------|-------------------|------|
| | | THPT Quang Trung | | THPT Phan Huy Chú | |
| | | SL | % | SL | % |
| 1 | Ban giám hiệu nhà trường | 60 | 100% | 60 | 100% |
| 2 | Thầy cô được nhà trường chỉ định | 40 | 66,67% | 0 | 0% |
| 3 | Thầy cô phụ trách Tư vấn học đường | 20 | 33,33% | 60 | 100% |
| 4 | Thầy cô ngoài trường được mời về | 20 | 33,33% | 60 | 100% |

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Quan sát bảng số liệu có thể thấy trường THPT Phan Huy Chú không chỉ định giáo viên cho bất cứ hoạt động TVPN nào. Qua trò chuyện với hiệu trưởng nhà trường, thầy cho biết hoạt động tham vấn học đường nói chung và TVPN nói riêng trong nhà trường có các thầy cô được đào tạo chuyên môn đảm nhiệm phụ trách, vậy nên không cần phải chỉ định các giáo viên sư phạm vào các vị trí này; Riêng với hoạt động tăng cường năng lực tự giải quyết vấn đề của học sinh, nhà trường ưu tiên việc mời các thầy cô là chuyên gia ở ngoài trường về hỗ trợ nhằm mang tới cho các em những kinh nghiệm cần thiết trong vấn đề tự xử lý vấn đề.

Do còn thiếu sót nhiều về nhân lực, trường THPT Quang Trung chưa thể chuyên nghiệp hóa toàn bộ nhân sự trong các hoạt động TVPN. Trả lời câu hỏi này, hiệu trưởng nhà trường cho biết: *“Kể từ khi nhà trường thành lập phòng Tư vấn học đường, chính các thầy cô cũng rất ngỡ ngàng với những kiến thức khái niệm mới trong lĩnh vực này. Vốn nghề bản thân cũng từng là học sinh, rồi là sinh viên, sau này là giáo viên, cô và các đồng nghiệp vốn nghề mình hoàn toàn có thể hiểu được các em học sinh bây giờ. Nhưng có lẽ do thời đại thay đổi nên nhiều phần tâm lý các em không còn giống như các thế hệ trước nữa. Điều này đòi hỏi thầy cô trường phải cố gắng nỗ lực nhiều hơn trong công tác tập huấn và học hỏi những kiến thức kỹ năng mới”*. Cô Hạnh cũng chia sẻ thêm về các hoạt động TVPN của nhà trường trong năm học vừa qua (2020 - 2021), tuy bị ảnh hưởng bởi dịch Covid nhưng nhà trường vẫn tiếp tục duy trì được những buổi chia sẻ kỹ năng tự giải quyết vấn đề cho học sinh lớp 12, trong các năm tiếp theo, nhà trường cũng xây dựng các kế hoạch mới nhằm tăng cường và hoàn thiện bộ nội dung hoạt động cho TVPN nói riêng và tham vấn trong học đường tại trường nói chung.

Ngoài những thực trạng về hoạt động cũng như người thực hiện hoạt động, tác giả cũng nghiên cứu về mức độ hiệu quả của các hoạt động tại địa bàn nghiên cứu. Cụ thể:

Bảng 2.8. Mức độ hiệu quả của hoạt động TVPN

| STT | Hoạt động | Trường | | | |
|-----|---|------------------|---------|-------------------|---------|
| | | THPT Quang Trung | | THPT Phan Huy Chú | |
| | | SL | % | SL | % |
| 1 | Tuyên truyền, phòng ngừa các hành vi tiêu cực trong học đường | 31 | 51,67 % | 46 | 76,67 % |
| 2 | Giáo dục bồi dưỡng kiến thức | 44 | 73,33 % | 58 | 96,67 % |
| 3 | Trang bị kỹ năng phòng tránh các hành vi tiêu cực trong học đường | 32 | 53,33 % | 60 | 100 % |
| 4 | Giao lưu trao đổi kinh nghiệm phòng ngừa vấn đề học đường | 20 | 33,33 % | 60 | 100 % |

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Tại trường THPT Quang Trung, có thể thấy mức độ hài lòng của các em rất cao, hầu hết đều chiếm một nửa trên tổng số bạn tham gia khảo sát. Riêng đối với hoạt động *Giao lưu trao đổi kiến thức, kỹ năng nhằm tăng cường năng lực tự giải quyết vấn đề của học sinh* các bạn tham gia đều cảm thấy hài lòng và mong muốn được trải nghiệm nhiều hơn nữa. Đây cũng là mong muốn của cả các bạn học sinh lớp 10 cũng như 11 tại trường, bởi lẽ các em mong muốn có nhiều hơn thông tin để xác định được năng lực bản thân, qua đó có sự lựa chọn ban học, môn học phù hợp với ngành nghề tương lai mà các em mong muốn.

Tại trường THPT Phan Huy Chú, mức độ hài lòng của các em rất cao, nhiều hoạt động còn chiếm tỷ lệ tuyệt đối trên tổng số các bạn tham gia khảo sát. Đối với hoạt động *Tuyên truyền tác hại các hành vi tiêu cực trong học đường* là hoạt động có mức hài lòng thấp nhất trong số các hoạt động (46/60), qua phỏng vấn sâu, em L.T.H, một học sinh lớp 10 tại trường cho biết: “*Em không hài lòng với hoạt động không phải vì hoạt động không ý nghĩa, mà là đôi khi thầy cô chỉ đứng đó nói, còn bọn em thì ngồi nghe, buồn ngủ lắm, nếu mà nhà trường có những hình thức phong phú và sinh động hơn thì em nghĩ là sẽ hay hơn*”. Đây là một góp ý trân thành và vô cùng quý giá không chỉ cho nghiên cứu này mà còn cho cả việc thực hiện hoạt động tại trường trong tương lai nữa.

Có thể thấy hoạt động TVPN cho học sinh THPT tại quận Đống Đa bước đầu đã được thực hiện dưới những hình thức khác nhau như: thăm khám sức khỏe định kỳ, tuyên truyền tác hại các hành vi tiêu cực trong học đường, giáo dục, trang bị kiến thức kỹ năng phòng tránh các hành vi tiêu cực trong học đường, giao lưu trao đổi kiến thức, kỹ năng nhằm tăng cường năng lực tự giải quyết vấn đề của học sinh. Tuy nhiên vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong việc đưa hoạt động tiếp cận tới từng học sinh, cũng như các khó khăn về mặt nhân sự khi mà đội ngũ TVV hay những người thực hiện hoạt động TVHD tại các trường THPT còn hạn chế về cả số lượng và chuyên môn.

2.2.2. Thực trạng thực hiện tham vấn can thiệp cho học sinh tại địa bàn nghiên cứu

Tham vấn can thiệp yêu cầu nhiều kỹ năng khác nhau, đòi hỏi người thực hiện ngoài có chuyên môn tốt, còn phải có tâm lý vững vàng, hoạt động linh hoạt và nhạy bén, đặc biệt trong việc đánh giá vấn đề cũng như phát hiện sớm các vấn đề học đường trong trường học. Như đã trình bày ở mục 1.2.4.2, tham vấn can thiệp tại các trường THPT mới chỉ dừng lại ở 2 nhiệm vụ chủ yếu là:

- Tiếp nhận thông tin, đánh giá, phân loại trường hợp ban đầu;
- Hỗ trợ giải tỏa căng thẳng thông qua trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ tâm tư, hỗ trợ giải đáp vướng mắc của các bạn học sinh.

Có thể nói, đây là một hoạt động “khó nhằn” đối với cả 2 trường địa bàn nghiên cứu. Thông qua khảo sát bằng phiếu hỏi, hầu hết các em học sinh tại 2 trường đều chưa được tham gia TVCT, trong đó, trường THPT Quang Trung tỷ lệ chưa tham gia là 96,7% (chỉ có 2 bạn đã từng tham gia ~ 3,33%), còn trường THPT Phan Huy Chú là 98,3% (chỉ có 1 bạn đã từng tham gia ~ 1,67%).

Khảo sát thực tế tại 2 trường với các bạn lựa chọn đã từng tham gia TVCT đều cho kết quả không mấy khả quan, nhất là khi việc thực hiện TVCT chỉ ở mức cơ bản (răn đe, khiển trách,...) chứ chưa thực sự mang tính công tác xã hội trong đó.

Tại trường THPT Quang Trung, có tổ chức hội đồng kỷ luật hàng tháng nhằm can thiệp, xử lý các trường hợp học sinh vi phạm nội quy trường như: chuyên cần, gây hấn lẫn nhau, gian lận thi cử,... Buổi làm việc gồm có BGH nhà trường, giáo viên chủ nhiệm, học sinh vi phạm, phụ huynh học sinh và các bên liên quan. Tuy nhiên, sự can thiệp của nhà trường chủ yếu chỉ xoay quanh sự phân xử đúng sai giữa các bên, đồng thời phân tích làm rõ vấn đề của học sinh là do đâu (do tự các em, do môi trường ảnh hưởng hay do ảnh hưởng của gia đình,...) và lựa chọn hình thức kỷ luật phù hợp (cảnh cáo, khiển trách, đình chỉ học tạm thời, đình chỉ học vĩnh viễn,...)

Em L.C.H, học sinh lớp 11 trường THPT Quang Trung là 1 học sinh từng phải nhận khiển trách từ phía hội đồng kỷ luật nhà trường với lý do đánh nhau vào năm lớp 10. Trong phiên họp hội đồng kỷ luật, BGH nhà trường có hỏi phụ huynh em L.C.H về những hành vi của em ở nhà nhằm tìm hiểu xem liệu L.C.H có những hành vi bạo lực ở nhà không, nhưng khi phía gia đình

cho rằng đó chỉ là “*hành động bộc phát nhất thời*” thì phía nhà trường cũng chỉ đưa ra phương án xử phạt chứ “*không tìm hiểu sâu hơn vào suy nghĩ của em cùng các bạn bị phạt buổi hôm đó*” – L.C.H chia sẻ. Không bàn tới tính chi tiết ai đúng ai sai trong trường hợp đó, có thể thấy phía BGH nhà trường đã có những cân nhắc về hành vi của L.C.H khi có sự hỏi thăm thông tin từ phía gia đình của em. Tuy nhiên có thể vì chuyên môn chưa có nên việc chẩn đoán lúc này có phần chưa thực sự đi tới kết luận cuối cùng. L.C.H chia sẻ thêm “*Sau vụ đó thầy cô cũng quản lý em chặt hơn vì sợ em có hành vi bạo lực tương tự với những bạn khác trong trường*”, có thể thấy, nhà trường đã có thêm những phương án quản lý “*học sinh đặc biệt*”. Tuy nhiên đây không hẳn là điều tích cực khi điều này khiến cho L.C.H “*cảm thấy mình như tội đồ suốt cả năm trời khi chỉ gây ra 1 vụ xô xát nhỏ*”, bởi lẽ hoạt động này của nhà trường mang tính giám sát, quản lý trong học đường chứ không phải cách thức của *tham vấn can thiệp*. Thậm chí, việc lựa chọn cách thức can thiệp sai lầm này của nhà trường có thể vô tình gây ra những ức chế lớn hơn ở học sinh, khó tránh những hệ lụy kéo theo. Hầu hết các em đều không thích việc bị đưa lên hội đồng kỷ luật hay bị kỷ luật nói chung trước nhiều người (89,2%), trong đó có tới hơn 1 nửa (49,6%) học sinh trong số này mong muốn thay đổi các hình thức kỷ luật của nhà trường trong việc can thiệp, giáo dục học sinh thành “*mềm mỏng hơn*”, “*nhẹ nhàng hơn*”, “*có sự trao đổi bình đẳng giữa đôi bên thay vì là thầy cô trao đổi với học sinh*”. Phần lớn hiện nay tại trường THPT Quang Trung cũng như các trường THPT nói chung mới chỉ chú trọng tới hình thức xử phạt răn đe nhằm ngăn chặn những hành vi tiêu cực của các em tiếp diễn. Điều này chỉ giúp can thiệp, xử lý phần nào những hành vi tiêu cực có tính kích động, bạo lực hoặc phá rối trật tự học đường. Trong khi ở lứa tuổi này, có thể là cùng 1 biểu hiện nhưng lại là những vấn

đề, những suy tư khác nhau mà các em cũng cần được can thiệp, hỗ trợ ở góc độ giải tỏa căng thẳng, chia sẻ tâm tư, trao đổi những vướng mắc,...

Tương tự như trường THPT Quang Trung, trường THPT Phan Huy Chú cũng gặp khó khăn tương tự trong việc thực hiện tham vấn can thiệp cho học sinh. Tại 1 số trường hợp, giáo viên kết luận học sinh có *“hành vi lệch chuẩn”* tuy nhiên để lý giải lý do vì sao ở học sinh có hành vi đó rồi tìm hướng can thiệp khắc phục thì hoàn toàn không có. Nhà trường mới chỉ can thiệp ở mức mời phụ huynh tới và xử lý kỷ luật. Quan phòng vấn sâu em Em N.A.Q, học sinh lớp 12 trường THPT Phan Huy Chú, em chia sẻ, trong 1 lần nghịch ngợm em có gây ra 1 vụ cháy nhỏ. Tuy không làm ảnh hưởng gì tới cơ sở vật chất. Tuy nhiên sau khi thầy cô nhận định rằng em có *“hành vi lệch chuẩn”* và cho em 1 mức kỷ luật thì tới giờ em vẫn chưa biết mình đã *lệch chuẩn* hay chưa. Đối với trường hợp của N.A.Q, em mặc dù biết hành vi của mình là không đúng, thời điểm đó bộc phát cũng vì sở thích cá nhân, nhưng đối với nhận định *“hành vi lệch chuẩn”* của thầy cô đã khiến chính bản thân N.A.Q hoang mang và vô tình trở thành 1 áp lực cho em trong môi trường khi *“từ sau đó các bạn hay gọi là em là Chuẩn vì không muốn em lệch chuẩn”* – N.A.Q chia sẻ.

Giống với cách thức của trường THPT Quang Trung, nếu coi hành vi của N.A.Q là lệch chuẩn thì nhìn chung nhà trường đã có phương án can thiệp để điều chỉnh hành vi của em bằng các phương án xử phạt khác nhau. Tuy nhiên những phương án này chủ yếu vẫn mang tính răn đe, điều chỉnh ở mức độ nhẹ và tạm thời, chưa thực sự giúp các em giải quyết được vấn đề, thậm chí có thể gây thêm hoang mang cho chính bản thân học sinh cũng như các bạn khác.

Khác với 2 trường hợp trên, em N.T.K.H, học sinh lớp 11 trường THPT Quang Trung có những dấu hiệu căng thẳng về tâm lý, đã đi khám ở chuyên

khoa về tâm thần. Trong đó, ngoài việc sử dụng thuốc, em cần có nhiều hơn sự chia sẻ tâm tư và giải tỏa căng thẳng từ những người xung quanh. Đối với TVCT trong trường THPT hiện nay là hoàn toàn có thể can thiệp hỗ trợ em N.T.K.H ở góc độ này. Em H cho biết *“nhà trường hỗ trợ ưu tiên em trong 1 số môn học phụ để giảm căng thẳng”* và sử dụng hình thức tham vấn trực tiếp với giáo viên phụ trách, tuy nhiên *“sau 2 lần xuống gặp cô giáo phụ trách để trò chuyện thì em cảm thấy không giải quyết được gì cả”*. Thậm chí, H còn cho rằng *“kể cho bạn bè có khi thoải mái hơn”*. Trong trường hợp này có thể thấy nhà trường còn thiếu thốn về nguồn lực có thể đáp ứng được nhu cầu của học sinh. Vai trò hỗ trợ của nhà trường lúc này cũng chưa thể hiện được rõ ràng cũng như chưa thể mang lại hiệu quả.

Có tới 90% các em học sinh THPT Phan Huy Chú có mong muốn nhà trường có hình thức can thiệp trợ giúp phong phú hơn cả về nội dung lẫn hình thức (hình thức trò chuyện, cách thức bảo mật trong buổi tham vấn,...). Trong số đó, hầu hết các em đều là học sinh cuối cấp (43%), có nhu cầu được giải tỏa căng thẳng nhiều hơn so với các khối học khác.

Trong buổi phỏng vấn với hiệu trưởng trường THPT Quang Trung, cô chia sẻ: *“Đối với hoạt động TVCT, nhà trường chưa thực sự đủ về cả cơ sở vật chất lẫn nhân sự để thực hiện. Nhưng cũng là may mắn khi từ lúc thành lập tới giờ, nếu có thì cũng chỉ là những trường hợp học sinh nghịch ngợm, bướng bỉnh hơn mặt bằng chung thôi. Còn đối với các trường hợp nặng hay cần sự can thiệp điều trị sâu thì chưa có”*. Phía thầy giáo phụ trách quản lý phòng Tư vấn học đường cũng chia sẻ: *“Các trường hợp học sinh có biểu hiện bất thường hay không trong thời điểm này nhà trường mới chỉ có thể xác định dựa trên sự báo cáo của học sinh và các giáo viên tham gia giảng dạy trên lớp thôi. Còn về việc tổ chức hoạt động can thiệp phổ quát hay can thiệp trung tâm nhằm phát hiện sớm hiện tại nhà trường chưa có, nhưng trong*

trương lai sẽ cố gắng để hoàn thiện hệ thống một cách hoàn chỉnh nhất có thể”.

Tương tự như vậy, phía trường THPT Phan Huy Chú, thầy hiệu trưởng cũng nhận định: *“Việc đưa TVCT vào hoạt động trong trường học cần được tính toán kỹ lưỡng cũng như chuẩn bị đầy đủ về nhân lực cũng như nguồn lực, nhất là khi hoạt động này cần sự hỗ trợ nhiều của các lĩnh vực khác nhau, bao gồm cả y tế và luật pháp”.*

Thực tế hiện nay, hoạt động TVCT tại các trường THPT nói chung và trường THPT tại quận Đống Đa còn rất hạn chế, chủ yếu mới chỉ thực hiện ở mức “xử lý tình huống cấp bách”. Nguyên nhân chủ yếu có thể kể tới là đội ngũ nhân lực còn hạn chế về chuyên môn cũng như kinh nghiệm. Như đã trình bày ở Chương 1, hầu hết người phụ trách công tác xã hội hiện nay tại các trường THPT chủ yếu là giáo viên kiêm nhiệm. Họ không phải là TVV, mặc dù được đào tạo ở những lớp ngắn hạn về công tác xã hội trong học đường, nhưng về kỹ năng xử lý tình huống còn rất hạn chế, chủ yếu vẫn giải quyết tình huống theo kinh nghiệm sư phạm là chính. Điều này đã dẫn tới những hệ quả không nhỏ như:

- Học sinh mất niềm tin vào thầy cô, không muốn chia sẻ với thầy cô nữa, thay vào đó, các em sẽ tìm kiếm những mối quan hệ khác như bạn bè hoặc các mối quan hệ ngoài trường học.

- Vấn đề của các em không được can thiệp kịp thời để có những hỗ trợ cần thiết. Điều này có thể khiến tình huống trở nên xấu hơn, thậm chí là khó có thể cứu vãn được nếu như bị kéo dài.

- Cái nhìn của các em trở nên tiêu cực hoặc bị thu hẹp do ảnh hưởng lâu dài của những vấn đề tồn đọng mà không được giải quyết.

Đây trở thành 1 điểm yếu trong hoạt động tham vấn học đường hiện nay tại 2 trường THPT Quang Trung và THPT Phan Huy Chú, cũng như hầu hết các trường THPT hiện nay.

2.2.3. Thực trạng thực hiện tham vấn phục hồi cho học sinh trung học phổ thông tại địa bàn nghiên cứu

TVPH được biết tới như là hoạt động hỗ trợ các bạn học sinh trong việc trở về trạng thái bình thường. TVPH này được chia làm 2 hình thức chính, tùy thuộc các vấn đề khác nhau của học sinh để có phương án hỗ trợ phù hợp bao gồm:

- Trực tiếp hỗ trợ học sinh;
- Kết nối nguồn lực phù hợp hỗ trợ học sinh.

Cùng với hoạt động TVCT, hoạt động TVPH cũng là 1 hoạt động đòi hỏi nhiều tính chuyên môn, yêu cầu người thực hiện phải được đào tạo chuyên nghiệp trong lĩnh vực tham vấn học đường thì mới có thể đảm nhiệm vị trí này.

Hầu hết các em học sinh của cả 2 trường đều bỏ qua phần khảo sát này do các em chưa được tham gia.

Cô B.T.T.T, giáo viên trường THPT Phan Huy Chú đồng thời cũng là 1 giáo viên hợp đồng được trường THPT Quang Trung mời về để giảng dạy môn Hóa, cô chia sẻ về 1 số trường hợp “*học sinh đặc biệt*” như các bạn thuộc thể tự kỷ nhẹ đã được can thiệp từ khi còn bé. Tuy nhiên nhà trường và gia đình các bạn đều hướng tới phương án “*cho học sinh tự thích nghi thay vì tạo ra môi trường đặc biệt riêng*”. Đối với việc *can thiệp phục hồi* được coi như sự “*tái hòa nhập cộng đồng*” trong học đường, nhưng hầu hết hiện nay do điều kiện đáp ứng còn hạn chế nhiều mặt, nên nhà trường chủ yếu đáp ứng ở mặt “*có sự quan tâm chú ý hơn*” hoặc “*có sự trao đổi khi cần thiết*”, hơn

nữa “các vấn đề cũng chưa nghiêm trọng tới mức cần tới sự hỗ trợ từ bên ngoài” – cô T chia sẻ thêm.

Nhìn nhận 1 cách thực tế có thể thấy, có nhiều học sinh chịu tổn thương về tinh thần ở thời điểm THPT hoặc trước đó đều hoặc trở nên nghịch ngợm, thiếu kỷ luật hoặc trầm tính khó kết nối với những người xung quanh. Điều này trước nhất là ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng học tập của học sinh. Việc thành tích học tập đi xuống sẽ càng khiến các em rơi vào trạng thái cảm thấy bản thân thất bại, khó khăn để điều chỉnh cảm xúc cũng như hành vi cho phù hợp với độ tuổi và môi trường của các em. Đối với những học sinh chịu tổn thương tâm lý, khó khăn trong việc kết nối lại với các mối quan hệ xã hội có thể dễ vướng phải những tiêu cực khác trong học đường như bạo lực học đường, xâm hại hoặc bị xâm hại, trầm cảm, tự tử,... Không chỉ các em bị tổn thương bị ảnh hưởng mà đôi khi cũng kéo theo cả những học sinh khác xung quanh các em. TVPH không được đáp ứng kịp thời có thể khiến các em bị tổn thương vĩnh viễn ngay cả khi đã ở độ tuổi trưởng thành, trở thành cái vòng luẩn quẩn, khó khăn không có ai giúp hay ngay cả khi tự mình giải quyết vấn đề rồi thì cũng khó để quay trở lại hòa nhập với cuộc sống xã hội.

2.2.4. Thực trạng thực hiện tham vấn phát triển cho học sinh trung học phổ thông tại địa bàn nghiên cứu

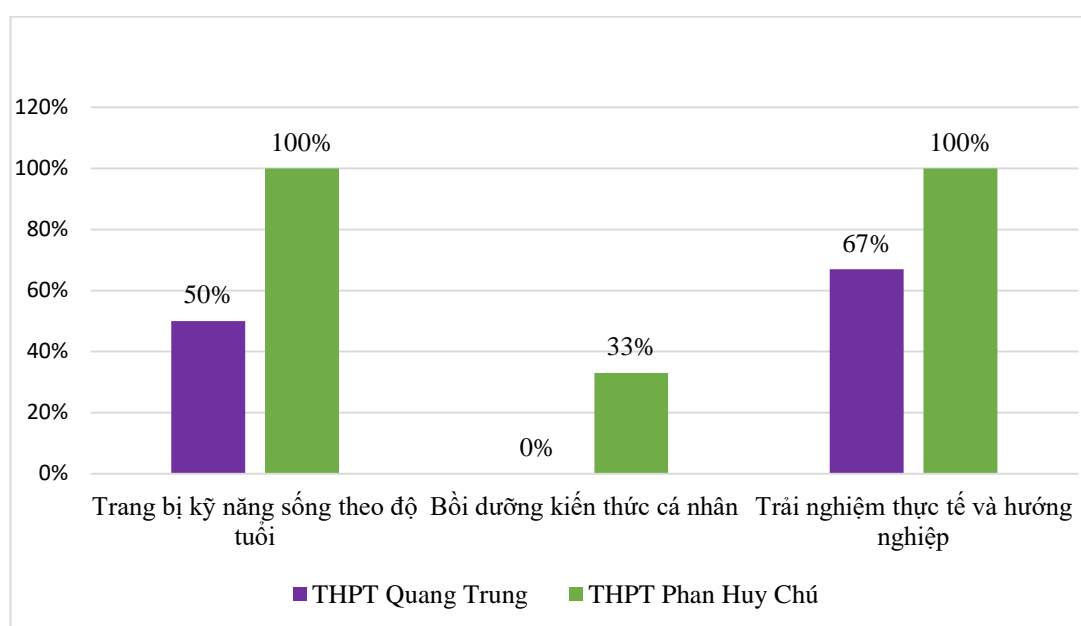
TVPT cho học sinh THPT nhằm bồi dưỡng kỹ năng kiến thức giúp các em học sinh có thể tự nâng cao năng lực bản thân, đương đầu với những khó khăn trong tương lai. Hoạt động TVPT gồm các nội dung:

Trang bị kỹ năng sống theo độ tuổi: giao tiếp, quản lý thời gian, quản lý tài chính,...

Bồi dưỡng kiến thức cá nhân như: định hình năng lực bản thân, phát triển cá nhân,...

Trải nghiệm thực tế và hướng nghiệp: học sinh tham quan và trải nghiệm các công việc khác nhau, định hướng nghề nghiệp theo năng lực và sở thích cá nhân,...

Đây là hoạt động mà cả 2 trường địa bàn nghiên cứu đều có sự chú trọng nhất định. Thông qua khảo sát và tổng hợp kết quả phiếu hỏi, tác giả thu được kết quả tỷ lệ học sinh tham gia hoạt động TVPT tại 2 trường địa bàn nghiên cứu như sau:



Biểu đồ 2.7. Tỷ lệ học sinh tham gia hoạt động tham vấn phát triển

Tại cả 2 địa bàn nghiên cứu, nhà trường đều lồng ghép hoạt động giáo dục kỹ năng sống cần thiết theo độ tuổi vào hoạt động giáo dục kiến thức trong TVPN. Qua phỏng vấn thu thập thông tin, được biết, điểm khác biệt lớn nhất trong hoạt động này của 2 trường là:

Đối với trường THPT Quang Trung, do còn kết hợp cùng môn giáo dục công dân, nên thời gian cho hoạt động còn hạn chế, chủ yếu kết hợp khi có những bài học có nội dung tương tự hoặc liên quan với kiến thức cần trang bị cho các em.

Đối với trường THPT Phan Huy Chú, từ năm 2017, Tổ bộ môn kỹ năng sống của trường đã xây dựng bộ giáo án ngoài trang bị kiến thức phù hợp để phòng ngừa những nguy cơ tiêu cực tiềm ẩn trong học đường, còn kết hợp với tâm lý học lứa tuổi xây dựng những bài giảng về kỹ năng, phương thức quản lý cuộc sống phù hợp với khối.

Trong 5 năm trở lại đây, hoạt động hướng nghiệp đang trở nên ngày càng phổ biến hơn, thu hút nhiều sự quan tâm hơn của cả BGH nhà trường và phụ huynh học sinh.

Tại trường THPT Quang Trung, các hoạt động TVPT mới chỉ được đưa vào từ đầu năm 2020. Khởi đầu là hoạt động trải nghiệm thực tế và hướng nghiệp được đưa vào tiết sinh hoạt lớp của khối 12 (lần đầu vào tháng 4 năm 2020), bước đầu đạt được nhiều phản hồi tích cực của các em. Tiếp nối thành công của hoạt động này, nhà trường tiếp tục đưa hoạt động hướng nghiệp vào một số lớp trong khối 10 và 11 (tháng 4 năm 2021), lấy tên là “Hướng nghiệp - cuộc hành trình theo đuổi ước mơ”. Hoạt động được thực hiện kết hợp giữa cô và trò trường THPT Quang Trung cùng Tiến sĩ Phạm Ngọc Linh, trưởng khoa công tác xã hội, học viện thanh thiếu niên Việt Nam. Bước đầu đã mang lại nhiều kết quả đáng mừng. Em V.T.H, học sinh lớp 10 trường THPT Quang Trung được tham gia buổi hướng nghiệp chia sẻ: “Dù có nhiều thầy cô tới dự giờ, nhưng em và các bạn rất thích buổi sinh hoạt đó, nhiều ngày sau khi kết thúc buổi học đó, bọn em vẫn thường nhắc về ngày hôm đó với mong muốn sẽ được trải nghiệm nhiều buổi như vậy hơn nữa”.

Tại trường THPT Phan Huy Chú, hoạt động hướng nghiệp được coi như 1 truyền thống ngoại khóa của trường. Ngay từ khi học lớp 10, ngoài những buổi sinh hoạt hướng nghiệp được tổ chức với quy mô toàn trường và các khách mời là các thầy cô tới từ các trường đại học khác nhau trong địa bàn thành phố Hà Nội, trường còn tổ chức cho học sinh trải nghiệm thực tế tại

các đối tác liên kết với trường như Đại sứ quán Mỹ tại Việt Nam, đại học Thăng Long, Trung tâm công nghệ cao đại học FPT, ...

So với 2 hoạt động trên, hoạt động giáo dục trang bị kiến thức nâng cao chiếm tỷ lệ khá khiêm tốn. Trong khi trường THPT Quang Trung chưa thực hiện được hoạt động này, thì trường THPT Phan Huy Chú đã có những bước tiến, tuy nhỏ nhưng khá đáng kể trong việc giáo dục phát triển cho học sinh. Từ năm 2017, nhà trường kết hợp với “Tổ chức IOGT – Học sinh sinh viên vì nếp sống lành mạnh”, xây dựng chương trình ngoại khóa dành riêng cho học sinh có thành tích xuất sắc trong trường tham gia tại Sóc Sơn, Hà Nội với những nội dung đào tạo phong phú và cần thiết như: khả năng làm việc nhóm, phương pháp lãnh đạo, giải quyết xung đột, giải quyết mâu thuẫn,... Đây là cơ hội vàng cho các bạn học sinh được trải nghiệm và tích lũy cho bản thân Chứng chỉ của IOGT-VN, có giá trị tương đương với một bức thư giới thiệu trong hồ sơ xin học bổng và xin việc sau này. Đồng thời cũng giúp thầy cô được quan sát, học hỏi cách thức tổ chức hoạt động cho học sinh. Tuy nhiên chương trình mới chỉ áp dụng số lượng có hạn, chưa thể thực hiện trên quy mô toàn trường.

Kết quả thu được từ chương trình ngoại khóa IOGT vô cùng khả quan khi các bạn tham gia có sự phát triển năng lực cá nhân cũng như thành tích học tập tốt hơn. Tinh thần thi đua học tập gặt hái thành tích của học sinh nhà trường cũng được tăng lên không ngừng theo từng kỳ học.

Các hoạt động TVPT trong những năm qua được nhà trường đẩy mạnh thực hiện hoạt động dưới nhiều hình thức khác nhau nhằm thu hút sự tham gia và kích thích nhu cầu ở các em học sinh. Đây là tín hiệu đáng mừng cho sự phát triển của hoạt động trong tương lai. Tuy nhiên vẫn cần sự cố gắng nỗ lực duy trì tần suất của hoạt động cũng như mức độ tiếp cận để các em học sinh trong trường đều có thể được tham gia hoạt động.

2.3. Thực trạng yếu tố liên quan đến hoạt động tham vấn học đường cho học sinh trung học phổ thông tại địa bàn nghiên cứu

Dựa trên tình hình thực tế, chúng tôi xác định có 4 yếu tố chính liên quan tới hoạt động TVHĐ cho học sinh THPT. Dựa trên 4 yếu tố đó, chúng tôi phân tích ra thành các hạn chế nhỏ nhằm khảo sát những tác động làm hạn chế hoạt động như sau:

Yếu tố thuộc về chính sách: Chính sách khắt khe, chưa tiếp cận được tới cộng đồng, xã hội;

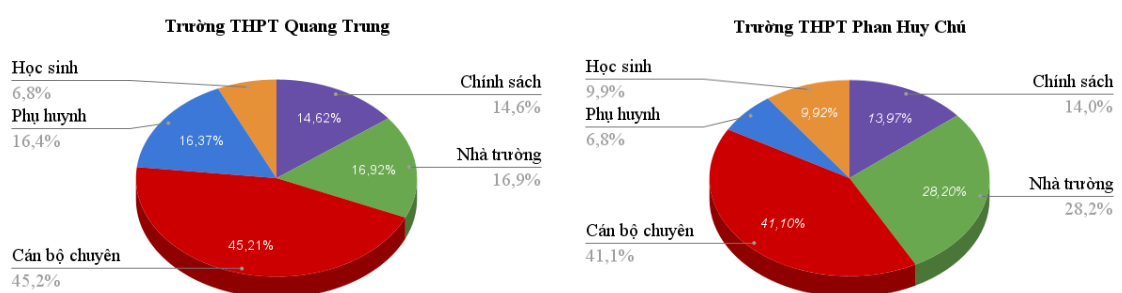
Yếu tố thuộc về nhà trường: Thầy cô giáo chưa quan tâm, ủng hộ; Không có địa điểm sinh hoạt, thiếu cơ sở vật chất, tài liệu truyền thông;

Yếu tố thuộc về đội ngũ cán bộ chuyên môn: Thiếu đội ngũ cán bộ làm công tác chuyên môn; Nội dung hoạt động còn đơn điệu, nghèo nàn; Hình thức hoạt động chưa hấp dẫn;

Yếu tố thuộc về phụ huynh: Phụ huynh chưa quan tâm, ủng hộ;

Yếu tố thuộc về học sinh: Sự tham gia của các bạn trong trường không đồng đều

Thông qua khảo sát, chúng tôi đã thu được số liệu như sau:



Biểu đồ 2.8. Các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động tham vấn học đường

Từ 2 bảng số liệu trên, có thể dễ dàng thấy được sự ảnh hưởng của các yếu tố đến hoạt động TVHĐ ở các mức độ khác nhau (Bảng số liệu cụ thể tại phụ lục 3).

2.3.1. Thực trạng yếu tố thuộc về chính sách

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản nhằm hướng dẫn việc tổ chức và thực hiện xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường; học sinh thanh lịch, hiện đại. Yếu tố chính sách được biểu thị dưới “Chính sách khắt khe, chưa tiếp cận được cộng đồng, xã hội”.

Chính sách là yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện hoạt động tham vấn học đường cho học sinh tại trường THPT (đối với cả trường THPT Quang Trung và trường THPT Phan Huy Chú). Bởi chính sách pháp luật là tiền đề hỗ trợ và giúp NVCTXH, TVV nói chung và người tổ chức hoạt động TVHĐ nói riêng có cơ hội, có nguồn lực và công cụ để thực hiện. Thực tế, thông qua khảo sát tại 2 trường cho thấy yếu tố này đều có sự ảnh hưởng nhất định.

Tại THPT Quang Trung, yếu tố này chiếm 14,62%, đứng thứ 4 về mức độ ảnh hưởng trong 5 hạn chế. So với những hạn chế khác, mức độ của chính sách ảnh hưởng tới hoạt động tại trường THPT Quang Trung khá khiêm tốn. Qua trao đổi với cô Nguyễn Thị Kiều Hạnh, hiệu trưởng nhà trường, cô cho biết: "Sau khi Thông tư 31 (Thông tư 31/2017/TT-BGDĐT) được đi vào thực hiện, đã có thêm nhiều văn bản pháp luật khác được ban hành nhằm hướng dẫn công tác chuẩn bị về nhân lực, vật lực cũng như thực hiện hoạt động. Thực tế, chính sách đã hỗ trợ rất nhiều về đường hướng cũng như tính hợp pháp của hoạt động này trong trường học". Được biết, từ lúc Thông tư 31 được ban hành (ngày 18/12/2017) cho tới ngày đi vào thực hiện chính thức (ngày 02/02/2018), trường THPT Quang Trung đã thực hiện chuẩn bị về nhân lực cũng như vật lực để ngay trong học kỳ 2 năm học 2017 – 2018 đã có thể đưa hoạt động vào tiếp cận với học sinh. THPT Quang Trung cũng là trường công lập đi đầu trong việc thực hiện Thông tư 31 của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại quận Đống Đa.

Tại trường THPT Phan Huy Chú, hoạt động TVHĐ được tổ chức và thực hiện từ khi trường mới chỉ là trường bán công, cho tới nay, trở thành trường công lập tự chủ tài chính, các chính sách trong lĩnh vực TVHĐ nói riêng và CTXH nói chung vừa là sự thúc đẩy hỗ trợ, nhưng cũng vừa có sự ảnh hưởng đến hoạt động TVHĐ tại trường. Yếu tố này chiếm 13,97%, đứng thứ 3 trong số 5 yếu tố. Hầu hết khách thể tham gia khảo sát cho rằng hoạt động TVHĐ nào cũng cần phải có sự chỉ đạo, nếu như không có pháp lý và chính quyền cho phép thì khó để thực hiện, đồng thời cũng khiến các hoạt động vốn có của trường bị thay đổi. Để hiểu rõ hơn điều này, qua hình thức phỏng vấn sâu, thầy Hà Xuân Nhâm, hiệu trưởng nhà trường cho biết: "Đúng là khi có những văn bản mới được ban hành, nhà trường cũng phải có sự điều chỉnh lại về nội dung và hình thức thực hiện sao cho phù hợp với quy định chung. Tuy nhiên đây không được coi là vấn đề tiêu cực bởi quy định chung giúp hoạt động trở nên có nề nếp hơn, tăng tính chuyên nghiệp và hiệu quả lên đáng kể trong quá trình thực hiện. Hơn nữa, cùng 1 nội dung và hình thức nhưng qua kinh nghiệm cũng như nguồn nhân lực khác nhau thì sẽ cho ra những kết quả khác nhau". Được biết, kể từ khi bắt đầu các hoạt động TVHĐ tại trường (năm 2008), BGH nhà trường thường tập trung chú trọng vào yếu tố con người, nhằm cải thiện chất lượng cũng như giảm mức ảnh hưởng từ những yếu tố khác.

2.3.2. Thực trạng yếu tố thuộc về nhà trường

Yếu tố nhà trường được biểu thị dưới "Thầy cô giáo chưa quan tâm, ủng hộ", và "Không có địa điểm sinh hoạt, thiếu cơ sở vật chất, tài liệu truyền thông" tương ứng với sự nhận thức của thầy cô đối với hoạt động và cơ sở vật chất của nhà trường nhằm đáp ứng việc thực hiện hoạt động.

Tại trường THPT Quang Trung, yếu tố nhà trường chiếm 16,97%, trong đó "Thầy cô giáo chưa quan tâm, ủng hộ" chỉ chiếm 9,32%, còn "

Không có địa điểm sinh hoạt, thiếu cơ sở vật chất, tài liệu truyền thông" chỉ chiếm 7,65%. Đây đều là những yếu tố chiếm tỷ lệ nhỏ trong số các yếu tố được nêu ra. Điều này cho thấy thầy cô đã có mức độ nhận thức nhất định về tầm quan trọng của TVHĐ và việc thực hiện hoạt động TVHĐ tại trường. Còn yếu tố cơ sở vật chất do trường hiện chủ yếu kết hợp hoạt động vào giờ học nên chưa gặp nhiều phát sinh về vấn đề này.

Tại trường THPT Phan Huy Chú, yếu tố nhà trường chiếm 28,20%, trong đó “Thầy cô giáo chưa quan tâm, ủng hộ” chiếm 8,61%, còn yếu tố cơ sở vật chất thì chiếm 19,59%, một vị trí khá cao trong bảng xếp hạng, cho thấy nhà trường còn gặp nhiều khó khăn về vật chất trong quá trình thực hiện hoạt động. Qua phỏng vấn sâu với hiệu trưởng nhà trường, thầy cho biết: “Đối với hoạt động TVHĐ hiện nay, nhà trường vẫn đang kết hợp cùng với việc sử dụng các phòng học. Trong khi có nhiều hoạt động nếu có không gian rộng rãi cũng như các thiết bị phù hợp. Các hoạt động này nhà trường chưa có điều kiện để chuẩn bị phòng ốc riêng, đây cũng là điều mà thầy cô đều đang trăn trở để cải thiện trong tương lai”.

Cơ sở vật chất trở thành 1 yếu tố cần thiết không chỉ giúp hoạt động được thực hiện mà còn giúp hoạt động đạt được tính ổn định về lâu về dài.

2.3.3. Thực trạng yếu tố thuộc về đội ngũ cán bộ chuyên môn

Trường THPT Quang Trung chưa có TVV chuyên nghiệp hay NVCTXH tại trường, cán bộ phụ trách hoạt động hiện nay chỉ là giáo viên sư phạm được cắt cử kiêm nhiệm vị trí. Vậy nên yếu tố này chiếm 45,21% trong việc hạn chế hoạt động TVHĐ cho học sinh trường. Xét về cách thức hoạt động, chủ yếu duy trì những hoạt động truyền thống, xử lý tình huống theo kinh nghiệm, chưa có phương pháp tiếp cận cũng như kỹ năng chuyên môn để làm việc. Đây cũng là lý do chính khiến cho 2 hoạt động TVHĐ là TVCT và TVPH chưa được thực hiện tại trường.

Trường THPT Phan Huy Chú đã có giáo viên được đào tạo chuyên môn vào phụ trách vị trí. Hoạt động tại trường có phần phong phú và đa dạng hơn các trường THPT khác trong cùng quận. Tuy nhiên các hoạt động mới chỉ tập trung vào TVPN và TVPT, chưa có định hình rõ ràng để đẩy mạnh các hoạt động còn lại. Vậy nên yếu tố này chiếm 41,10% gây hạn chế cho hoạt động. Đây là 1 con số không hề nhỏ, nhất là khi yếu tố này xếp vị trí thứ 1 trong số những yếu tố được nêu ra. Điều này được thầy hiệu trưởng chia sẻ thông qua phỏng vấn: “Trường dù có thầy cô được đào tạo phụ trách hoạt động nhưng có những hoạt động vẫn phải kết nối với bên ngoài, cho thấy năng lực của cán bộ còn chưa được hoàn thiện, đây là thiếu sót lớn cần được khắc phục càng sớm càng tốt trong thời gian gần để có thể nâng cao chất lượng đào tạo kỹ năng sống tại trường”.

2.3.4. Thực trạng yếu tố thuộc về phụ huynh

Yếu tố phụ huynh được biểu thị dưới “Phụ huynh chưa quan tâm, ủng hộ”. Phụ huynh góp phần không nhỏ trong việc quyết định sự thành công của hoạt động TVHĐ. Sự ủng hộ của phụ huynh là cơ hội để nhà trường thực hiện và phát triển hoạt động TVHĐ trong tương lai.

Tại trường THPT Quang Trung, phụ huynh xếp vị trí thứ 3 với tỷ lệ là 16,37%, một vị trí cao ở bảng xếp hạng, cho thấy sự đồng thuận của phụ huynh đối với hoạt động TVHĐ còn rất thấp. Trong khi tại trường THPT Phan Huy Chú, yếu tố này xếp thứ 5, chỉ có 6,81%, một vị trí khá thấp, cho thấy phụ huynh có mức độ đồng thuận với hoạt động rất cao. Đây cũng là lý giải cho việc nhiều hoạt động tại trường THPT Phan Huy Chú được thuận lợi thực hiện khi có sự hỗ trợ từ phía phụ huynh học sinh.

2.3.5. Thực trạng yếu tố thuộc về học sinh

Đây là yếu tố chịu tác động của hoạt động, hoạt động không tốt, học sinh chắc chắn sẽ bị ảnh hưởng. Yếu tố này được biểu thị dưới “Sự tham gia của các bạn trong trường không đồng đều”.

Tại trường THPT Quang Trung, yếu tố này xếp thứ 5 với 6,83%, được biết học sinh của trường đều rất thích và hào hứng với những hoạt động trường đang có, đối với các em, việc được tham gia là cơ hội để tích lũy nhiều điều mới mẻ cho bản thân, sự đồng thuận và mong muốn được tăng thêm của các em trở thành động lực cho thầy cô nhiều hơn là hạn chế trong việc thực hiện hoạt động. Có thể thấy sự nhận thức của học sinh trước việc ủng hộ cho hoạt động TVHD là khá tốt.

Tại trường THPT Phan Huy Chú, yếu tố học sinh xếp vị trí thứ 4 với 9,92%, tuy là 1 vị trí thấp, nhưng qua tìm hiểu bằng phương pháp phỏng vấn sâu, tác giả nhận thấy, các em học sinh tại đây có sự nhận thức rất tốt về bản thân, các em biết được mình muốn biết thêm những điều gì, sự góp ý của các em đối với nhà trường là điều cần thiết tuy nhiên nhà trường chưa thể ngay lập tức đáp ứng nhu cầu này khiến sự tham gia của các em có sự khác nhau về số lượng với từng hoạt động của trường.

Tại trường THPT Phan Huy Chú, dù có đội ngũ cán bộ được đào tạo chuyên môn riêng nhưng TVV vẫn xếp ở vị trí thứ 2, nguyên nhân của điều này được thầy hiệu trưởng chia sẻ thông qua phỏng vấn: “Trường dù có thầy cô được đào tạo phụ trách hoạt động nhưng có những hoạt động vẫn phải kết nối với bên ngoài, cho thấy năng lực của cán bộ còn chưa được hoàn thiện, đây là thiếu sót lớn cần được khắc phục càng sớm càng tốt trong thời gian gần để có thể nâng cao chất lượng đào tạo kỹ năng sống tại trường”. Chính vì điều đó, 2 yếu tố hình thức và nội dung chỉ xếp ở vị trí thứ 4 và 5, do bị ảnh hưởng bởi chất lượng của TVV.

2.4. Đánh giá chung về thực trạng hoạt động tham vấn học đường cho học sinh cho học sinh trung học phổ thông tại địa bàn nghiên cứu

2.4.1. Thành công

Trường THPT Quang Trung đưa phòng Tư vấn học đường vào hoạt động chưa lâu nhưng đã có những bước bắt kịp xu hướng như chú trọng vào hướng nghiệp từ tập trung vào khối 12, sau đó đã có mở rộng ra các khối còn lại. Các hoạt động tuyên truyền vào giáo dục kiến thức cũng như kỹ năng được kết hợp với những hoạt động sẵn có của trường nhằm giúp học sinh tiếp nhận 1 cách thuận lợi.

Trường THPT Phan Huy Chú đã xây dựng và phát triển hoạt động TVHD được gần 15 năm, chất lượng ngày càng được gia tăng với những hoạt động nhằm đưa chất lượng giáo dục trở nên toàn diện, hội nhập với Quốc tế.

Có thể thấy, tại 2 trường địa bàn nghiên cứu tuy thời điểm thực hiện cũng như cách thức có sự khác biệt nhưng cũng đã có sự chủ động trong việc tổ chức công tác TVHD, đặc biệt là từ năm 2018 khi Thông tư 31/TT-BGDĐT đi vào thực hiện thì các hoạt động đã có sự phát triển phong phú hơn cả về nội dung và hình thức.

Đối với tham vấn phòng ngừa, các trường đã có những chương trình, kế hoạch cụ thể trong việc tuyên truyền nâng cao nhận thức cho học sinh. Trong đó công tác phòng ngừa còn bắt kịp với những vấn đề nóng trong xã hội như tình hình dịch Covid cũng như các lĩnh vực mà trong độ tuổi đầu thanh niên các em có sự quan tâm. Tham vấn phòng ngừa dần trở thành một tiết học, một khung thời gian trong ngày, trong tuần, trong tháng mà các bạn học sinh mong đợi để được tham gia vào.

Đối với tham vấn can thiệp, các trường mới chỉ dừng lại ở khía cạnh sử dụng kỹ thuật như một hình thức răn đe, nhằm cải thiện tình hình ở thời điểm đó. Sự phối kết hợp với các nguồn lực bên ngoài chủ yếu vẫn là mối quan hệ

gia đình và nhà trường. Một số ít hoạt động đã có kết nối với bên ngoài như trung tâm y tế, các cơ quan về bảo vệ trẻ em,... tuy nhiên còn ở mức rất hạn chế.

Đối với tham vấn phục hồi, có lẽ đây là công tác đạt được ít thành công nhất trong mảng TVHĐ. Các trường hầu hết đều bị động trong việc tiếp nhận cũng như xử lý các trường hợp đều mang tính kinh nghiệm trong sự phạm chứ không phải công tác xã hội.

Đối với tham vấn phát triển, các trường đang ngày càng chú trọng hơn về chất lượng trong nội dung cũng như cách thức hoạt động. Đặc biệt, việc đẩy mạnh kết nối với những nguồn lực như cơ quan, doanh nghiệp tại địa phương, huy động nguồn lực để hỗ trợ học sinh một cách toàn diện nhất trong các hoạt động công tác xã hội tại trường THPT.

2.4.2. Hạn chế

Dù hoạt động TVHĐ tại trường THPT đã đi vào thực hiện và đạt được những thành công đáng ghi nhận nhưng vẫn còn những hạn chế cần được khắc phục.

Đối với tham vấn phòng ngừa, các trường đã triển khai được nội dung phong phú và cách thức thực hiện đa dạng. Tuy nhiên, TVPN tại các trường hiện nay vẫn còn khuyết thiếu ở công tác lâm sàng nhằm phát hiện sớm các trường hợp có nguy cơ cao, cần sự trợ giúp từ phía nhà trường. Có thể nói, phát hiện sớm là 1 trong những yếu tố quan trọng trong công tác phòng ngừa, bởi lẽ nhiều trường hợp, nhờ có phát hiện sớm mà các em học sinh có thể được tiếp cận với hỗ trợ phù hợp và kịp thời.

Đối với tham vấn can thiệp, hạn chế của công tác tham vấn can thiệp chủ yếu nằm ở người thực hiện chưa có kế hoạch cũng như cách thức chuẩn công tác xã hội để tiến hành can thiệp hỗ trợ. Mặc dù, tham vấn can thiệp chỉ dừng lại ở 1 mức rất cơ bản là tiếp nhận thông tin, đánh giá ban đầu và hỗ trợ

giải tỏa căng thẳng, nhưng có thể thấy phần này, nhà trường và đội ngũ giáo viên phụ trách còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện.

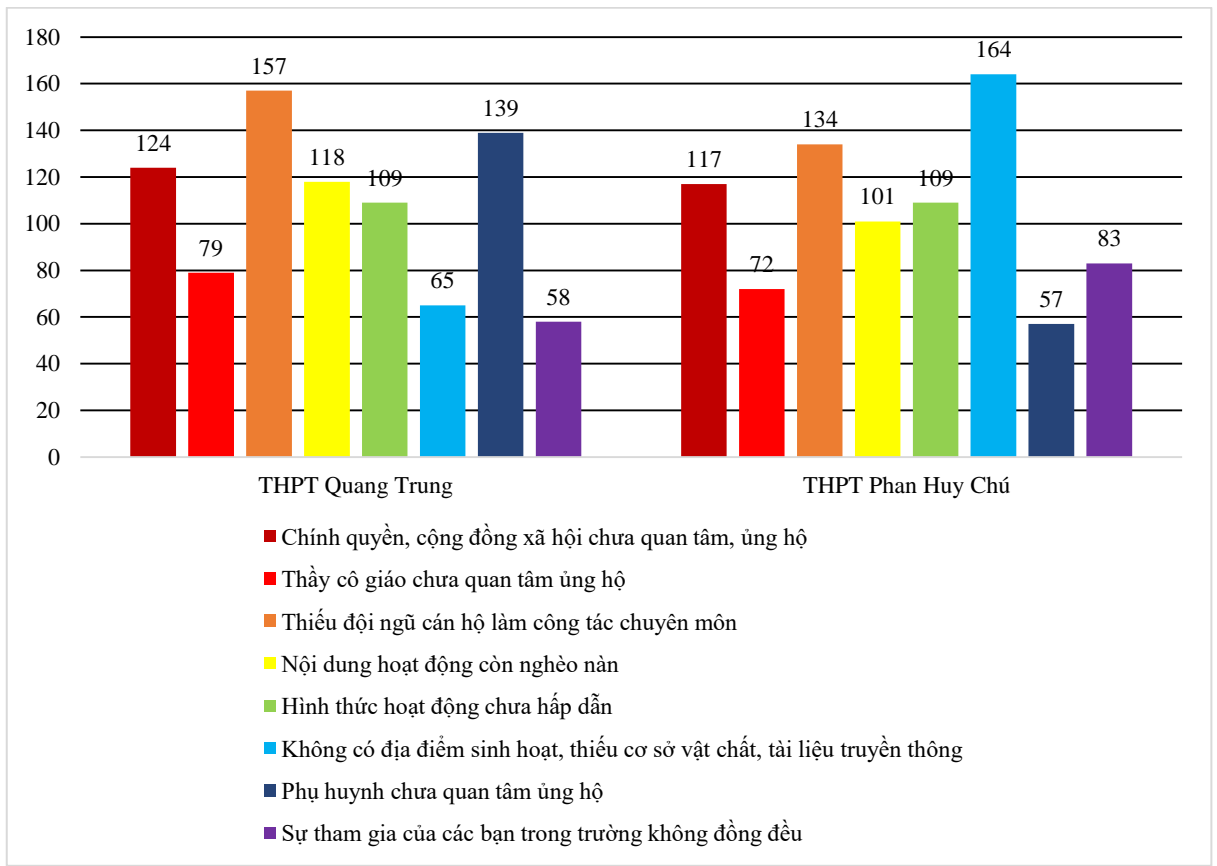
Đối với tham vấn phục hồi, đây cũng là công tác gặp nhiều hạn chế trong quá trình triển khai tại các trường THPT. Từ nội dung hoạt động cho tới cách thức hoạt động hầu như còn rất ít ỏi và nghèo nàn về số lượng cũng như chất lượng. Đối với công tác này, hiện nay tại các trường gần như là chưa có chương trình hay kế hoạch cụ thể và rõ ràng. Các hoạt động gần giống hoặc tương tự chủ yếu vẫn là áp dụng kinh nghiệm trong quản lý học đường nhiều hơn là công tác xã hội hay TVPH.

Đối với tham vấn phát triển, có thể coi đây là công tác tham vấn có tính phổ biến rộng, được các nhà trường chú trọng và luôn mong muốn tăng cường. Cùng sự hợp tác với các nguồn lực bên ngoài nhà trường, tham vấn phát triển dần trở thành 1 phần ngoại khóa bổ ích cho học sinh THPT. Tuy nhiên, công tác tham vấn phát triển gặp nhiều hạn chế trong việc duy trì tần suất cũng như tính đều đặn. Các buổi về trang bị kỹ năng hay bồi dưỡng kiến thức đều bị hạn chế theo độ tuổi của học sinh. Chương trình hướng nghiệp và trải nghiệm thực tế chủ yếu ở các lớp cuối cấp. Tần suất của chương trình cũng bị hạn chế về cả số lượng cũng như nội dung. Do bị phụ thuộc vào nguồn lực hỗ trợ, nhà trường cũng bị hạn chế trong sự chủ động thực hiện công tác TVPT.

2.4.3. Nguyên nhân của hạn chế

Với các hạn chế được nêu ra, có thể thấy với mỗi 1 trường THPT có điều kiện về nhân lực, vật lực cũng như mức độ nhận thức khác nhau thì mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố cũng có sự khác biệt.

Qua khảo sát bằng phiếu hỏi về các nguyên nhân của hạn chế, số liệu thu được ở 2 trường như sau:



2.4.3.1. Thực trạng yếu tố chính sách

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản nhằm hướng dẫn việc tổ chức và thực hiện xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường; học sinh thanh lịch, hiện đại. Yếu tố chính sách được biểu thị dưới “Chính sách khắt khe, chưa tiếp cận được tới cộng đồng, xã hội”.

Chính sách là yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện hoạt động tham vấn học đường cho học sinh tại trường THPT (đối với cả trường THPT Quang Trung và trường THPT Phan Huy Chú). Bởi chính sách pháp luật là tiền đề hỗ trợ và giúp NVCTXH, TVV nói chung và người tổ chức hoạt động TVHĐ nói riêng có cơ hội, có đòn bẩy và công cụ để thực hiện. Tuy nhiên thực tế tại hai trường cho thấy yếu tố này đều đứng ở vị trí thứ 3 (trên 8 vị trí) cho rằng chính sách pháp luật ảnh hưởng đến hoạt động TVHĐ tại trường. Hầu hết

khách thể tham gia khảo sát cho rằng hoạt động TVHĐ nào cũng cần phải có sự chỉ đạo, nếu như không có pháp lý và chính quyền cho phép thì khó để thực hiện. Chẳng hạn như Nghị định 80/2017/NĐ-CP (về Môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường) hay Thông tư 31/2017/ TT-BGDĐT (về Hướng dẫn công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông).

2.4.3.2. *Thực trạng yếu tố nhà trường*

Yếu tố nhà trường được biểu thị dưới “Thầy cô giáo chưa quan tâm, ủng hộ”, và “Không có địa điểm sinh hoạt, thiếu cơ sở vật chất, tài liệu truyền thông” tương ứng với sự nhận thức của thầy cô và cơ sở vật chất của nhà trường.

Tại trường THPT Quang Trung, yếu tố “Thầy cô giáo chưa quan tâm, ủng hộ” chỉ xếp thứ 6, cho thấy thầy cô đã có mức độ nhận thức nhất định về tầm quan trọng của TVHĐ và việc thực hiện hoạt động TVHĐ tại trường. Còn yếu tố cơ sở vật chất lại xếp ở vị trí thứ 7, do trường hiện chủ yếu kết hợp hoạt động vào giờ học nên chưa gặp nhiều phát sinh về cơ sở vật chất.

Tại trường THPT Phan Huy Chú, yếu tố “Thầy cô giáo chưa quan tâm, ủng hộ” xếp thứ 7, còn yếu tố cơ sở vật chất thì xếp ở vị trí thứ 2, một vị trí khá cao trong bảng xếp hạng, cho thấy nhà trường còn gặp nhiều khó khăn về vật chất trong quá trình thực hiện hoạt động. Qua phỏng vấn sâu với hiệu trưởng nhà trường, thầy cho biết: “Đối với hoạt động TVHĐ hiện nay, nhà trường vẫn đang kết hợp cùng với việc sử dụng các phòng học. Chứ chưa có điều kiện để chuẩn bị phòng ốc riêng cho hoạt động, đây cũng là điều mà thầy cô đều đang trăn trở để cải thiện trong tương lai”.

Cơ sở vật chất trở thành 1 yếu tố cần thiết không chỉ giúp hoạt động được thực hiện mà còn giúp hoạt động đạt được tính ổn định về lâu về dài.

2.4.3.3. *Thực trạng yếu tố phụ huynh*

Yếu tố phụ huynh được biểu thị dưới “Phụ huynh chưa quan tâm, ủng hộ”. Phụ huynh góp phần không nhỏ trong việc quyết định sự thành công của hoạt động TVHĐ. Sự ủng hộ của phụ huynh là cơ hội để nhà trường thực hiện và phát triển hoạt động TVHĐ trong tương lai.

Tại trường THPT Quang Trung, phụ huynh xếp vị trí thứ 2, một vị trí cao ở bảng xếp hạng, cho thấy sự đồng thuận của phụ huynh đối với hoạt động TVHĐ còn rất thấp. Trong khi tại trường THPT Phan Huy Chú, yếu tố này xếp thứ 8, vị trí thấp nhất, cho thấy phụ huynh có mức độ đồng thuận với hoạt động rất cao. Đây cũng là lý giải cho việc nhiều hoạt động tại trường THPT Phan Huy Chú được thuận lợi thực hiện khi có sự hỗ trợ từ phía phụ huynh học sinh.

2.4.3.4. Thực trạng yếu tố học sinh

Đây là yếu tố chịu tác động của hoạt động, hoạt động không tốt, học sinh chắc chắn sẽ bị ảnh hưởng. Yếu tố này được biểu thị dưới “Sự tham gia của các bạn trong trường không đồng đều”.

Tại trường THPT Quang Trung, yếu tố này xếp thứ 8, được biết học sinh của trường đều rất thích và hào hứng với những hoạt động trường đang có, đối với các em, việc được tham gia là cơ hội để tích lũy nhiều điều mới mẻ cho bản thân, sự đồng thuận và mong muốn được tăng thêm của các em trở thành động lực cho thầy cô nhiều hơn là hạn chế trong việc thực hiện hoạt động.

Tại trường THPT Phan Huy Chú, yếu tố học sinh xếp vị trí thứ 6, tuy là 1 vị trí thấp, nhưng qua tìm hiểu bằng phương pháp phỏng vấn sâu, tác giả nhận thấy, các em học sinh tại đây có sự nhận thức rất tốt về bản thân, các em biết được mình muốn biết thêm những điều gì, sự góp ý của các em đối với nhà trường là điều cần thiết tuy nhiên nhà trường chưa thể ngay lập tức đáp

ứng nhu cầu này khiến sự tham gia của các em có sự khác nhau về số lượng với từng hoạt động của trường.

2.4.3.5. Thực trạng yếu tố tham vấn viên

Ngoài những yếu tố trên, TVV là người trực tiếp làm việc và quản lý hoạt động, yếu tố này được biểu hiện dưới “Thiếu đội ngũ cán bộ làm công tác chuyên môn”, “Nội dung hoạt động còn đơn điệu, nghèo nàn”, “Hình thức hoạt động chưa hấp dẫn”, tương ứng là chuyên môn, nội dung và hình thức.

Tại trường THPT Quang Trung, do chưa có TVV được đào tạo chuyên môn nên các hoạt động tại trường chưa thực sự chuyên nghiệp, vậy nên nội dung (vị trí 4) và hình thức (vị trí 5) chưa thực sự được phong phú.

Tại trường THPT Phan Huy Chú, dù có đội ngũ cán bộ được đào tạo chuyên môn riêng nhưng TVV vẫn xếp ở vị trí thứ 2, nguyên nhân của điều này được thầy hiệu trưởng chia sẻ thông qua phỏng vấn: “Trường dù có thầy cô được đào tạo phụ trách hoạt động nhưng có những hoạt động vẫn phải kết nối với bên ngoài, cho thấy năng lực của cán bộ còn chưa được hoàn thiện, đây là thiếu sót lớn cần được khắc phục càng sớm càng tốt trong thời gian gần để có thể nâng cao chất lượng đào tạo kỹ năng sống tại trường”. Chính vì điều đó, 2 yếu tố hình thức và nội dung chỉ xếp ở vị trí thứ 4 và 5, do bị ảnh hưởng bởi chất lượng của TVV.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Những nội dung được trình bày và phân tích tại chương này đã đưa ra cái nhìn khái quát về: đặc điểm các khách thể nghiên cứu (học sinh THPT, giáo viên phụ trách hoạt động, phụ huynh học sinh); Thực trạng thực hiện hoạt động TVHĐ dưới 4 mục đích tham vấn gồm: phòng ngừa, can thiệp, phục hồi và phát triển tại trường THPT, tần suất, tính hiệu quả của hoạt động, sự khác biệt trong thực trạng thực hiện hoạt động tại trường THPT Công lập tự chủ tài chính và Công lập không tự chủ tài chính; Những yếu tố gây ảnh hưởng tới việc thực hiện hoạt động đó tại địa bàn nghiên cứu. Qua kết quả điều tra, tác giả đã phân nào thống kê được những khó khăn, thách thức trong việc thực hiện hoạt động mà mỗi trường đang gặp phải. Bên cạnh đó, cũng có thể thấy được những cơ hội cần được nắm bắt để nâng cao chất lượng hoạt động tại các trường được nghiên cứu. Khảo sát cũng đã chỉ ra việc thực hiện hoạt động TVHĐ của trường Công lập tự chủ tài chính (THPT Phan Huy Chú) có sự chủ động và phong phú hơn so với trường Công lập (THPT Quang Trung). Vì vậy, việc đề xuất biện pháp nhằm hỗ trợ và phát triển hoạt động TVHĐ tại trường THPT cần phù hợp với thực trạng hiện tại, nhu cầu và tính chất đặc thù riêng của từng địa bàn nghiên cứu.

CHƯƠNG 3

BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG THAM VẤN HỌC ĐƯỜNG CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TẠI QUẬN ĐÔNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

3.1. Ứng dụng hoạt động tham vấn học đường cho học sinh trung học phổ thông

Trong khuôn khổ của đề tài này, chúng tôi dùng hoạt động TVCT để thực hiện công tác TVHĐ cho học sinh THPT Phan Huy Chú.

Tham vấn can thiệp dưới hình thức tham vấn cá nhân là một hoạt động quan trọng và cần thiết trong công tác TVHĐ nói riêng và CTXH trong học đường nói chung. Nhân viên CTXH thực hiện vai trò của một TVV, thực hiện hoạt động tham vấn can thiệp đối với trường hợp cụ thể có dấu hiệu bất thường được phát hiện sớm hoặc biểu hiện bất thường được quan sát, nhận định và đưa ra kết luận.

3.1.1. Giới thiệu về trường hợp:

N.a (nữ, 15 tuổi) là con thứ 2 trong 1 gia đình có 3 chị em gái. Em là học sinh lớp 9 vừa kết thúc kỳ thi vào lớp 10 đầy căng thẳng. Ở trường, N.a luôn được bạn bè nhận định là 1 người bạn hòa đồng, ai cũng có thể chơi, ai cũng có thể nói chuyện. Ở nhà, N.a thường tâm sự với mẹ về những câu chuyện hằng ngày ở trường lớp, đối với bố mẹ, N.a được đánh giá cao hơn hẳn những người chị em của mình bởi sự thông minh, chăm chỉ và chủ động trong học tập. Thành tích học tập của N.a rất tốt, nhiều năm liền luôn là học sinh giỏi với điểm số xuất sắc. Từ lúc vào lớp 6, N.a đã có mong muốn được vào học tại trường THPT chuyên Hà Nội - Amsterdam lớp chuyên văn. Bốn năm học cấp 2 là 4 năm mà N.a cố gắng và nỗ lực không ngừng, những ngày

thức đêm ôn luyện, những bài thi thử đạt điểm số bao người mong ước, có thể nói kỳ thi cấp 3 là bước cuối cùng để N.a thực hiện ước mơ của mình. Tuy nhiên, khi nhận được kết quả thi, mọi hy vọng của N.a đều trở thành thất vọng. Kể từ thời điểm này, em bắt đầu có nhiều biến đổi về mặt tính cách và hành vi.

N.a không ra khỏi nhà, thường hay ở trong phòng 1 mình. Nhiều bữa em không muốn ăn, cũng chẳng thèm ăn uống gì. Có những hôm đầu đầu rất khó ngủ. N.a ở chung phòng với bà nên khi thấy N.a khó ngủ, bà thường bảo N.a uống panadol (một loại thuốc giảm đau) để cảm thấy dễ ngủ hơn. N.a có 1 người bạn tâm giao ở trong Đà Nẵng, tuy xa nhau nhưng cũng thường hay trò chuyện, song tới thời điểm này thì N.a cũng không còn muốn nói chuyện với người bạn ấy nữa. Những người bạn cùng lớp với N.a nhắn tin hỏi thăm kết quả thi, N.a cảm thấy khó chịu, không muốn tiếp chuyện, em thậm chí còn khóa facebook vào, mở 1 tài khoản khác để được yên tĩnh. Đối với gia đình N.a, khi biết điểm của em, bố mẹ cũng chạy đôn chạy đáo tìm cho em 1 ngôi trường có môi trường tốt và phù hợp với điểm thi của em. Nhưng giống như 1 thực tại khó chấp nhận, mỗi bữa cơm, bố của N.a thường luôn miệng hỏi: “tại sao lại chỉ có ngân đó điểm?”, “tại sao lại trượt được?”.

Thế giới của N.a như sụp đổ hoàn toàn, bản thân em trở nên khép kín và nhỏ bé, luôn nhạy cảm với mọi lời nói, ánh nhìn của những người xung quanh. Nhận được lời khuyên của 1 người bạn tên T.a - bạn này cũng từng được tham vấn trong khi đang học cấp 2, N.a đã đề xuất xin mẹ được đi tham vấn. Em cũng chủ động tìm kiếm và liên hệ với các phòng tham vấn học đường tại thành phố Hà Nội nhưng chưa thực sự tới bất cứ nơi nào cả.

Ngày 29/6/2021, trường THPT Phan Huy Chú đang trong thời gian nhận hồ sơ xét tuyển học bạ, đây cũng là thời điểm tôi đang thực hiện nghiên cứu hoạt động tham vấn học đường tại Phòng tham vấn học đường của

trường. Hôm ấy, trong lúc đợi mẹ làm thủ tục, N.a đi loanh quanh thì thấy phòng tham vấn và chúng tôi đã có 1 cuộc trò chuyện nho nhỏ.

3.1.2. Tiến trình tham vấn

Giai đoạn 1: Thiết lập mối quan hệ:

Thân chủ xuất hiện khá bất ngờ khi mục đích ban đầu của em chỉ là tò mò mà vào xem phòng tham vấn. Tuy nhiên qua quan sát, NVCTXH nhận thấy khí sắc của em nhợt nhạt, hành động có phần chậm chạp và bị động, tuy nhiên mắt lại khá tập trung quan sát khung cảnh cũng như những bảng và vật dụng trong phòng. Có thể thấy, thân chủ có mức độ tò mò nhất định về hoạt động tham vấn tại trường THPT, tuy nhiên còn bỡ ngỡ hoặc chưa thực sự tin tưởng nên hành động còn e dè, quan sát và phán đoán nhiều hơn.

Dựa vào yếu tố tò mò mà thân chủ đang bộc lộ, NVCTXH chủ động mở lời trò chuyện với em. Ngoài ra còn giới thiệu với thân chủ về bài trắc nghiệm tính cách xem liệu thân chủ có muốn làm thử không.

Sau khi làm xong bài trắc nghiệm, NVCTXH phân tích kết quả, qua nhận định ban đầu về kết quả bài trắc nghiệm, thân chủ là người hướng nội, không giỏi giao tiếp, trong lòng dễ có những mâu thuẫn và lo âu. NVCTXH chủ động hỏi han tình hình xem liệu thân chủ có thường bị lo lắng về 1 chuyện gì đó không. Sau khi nhận được phản hồi về việc thân chủ đang gặp 1 chút rắc rối trong cuộc sống thì NVCTXH tiến hành thực hiện giai đoạn 2.

Giai đoạn 2: Xác định vấn đề

NVCTXH lắng nghe thân chủ trình bày những vấn đề mình đang gặp phải, ghi chép lại những nội dung quan trọng và cần thiết trong câu chuyện của thân chủ như:

- Thân chủ đã rất kỳ vọng vào việc mình đỗ chuyên văn sau 4 năm miệt mài đèn sách, nhưng kết quả thì vẫn trượt;

- Thân chủ có tâm lý xa lánh những người từng là thân thuộc như: bố mẹ, bạn tâm giao, nhóm bạn thân,...;
- Thân chủ thỉnh thoảng đau đầu không ngủ được, có khi phải sử dụng thuốc giảm đau để ngủ;
- Bố thường nhắc đi nhắc lại về chuyện thi trượt vào mỗi bữa ăn;

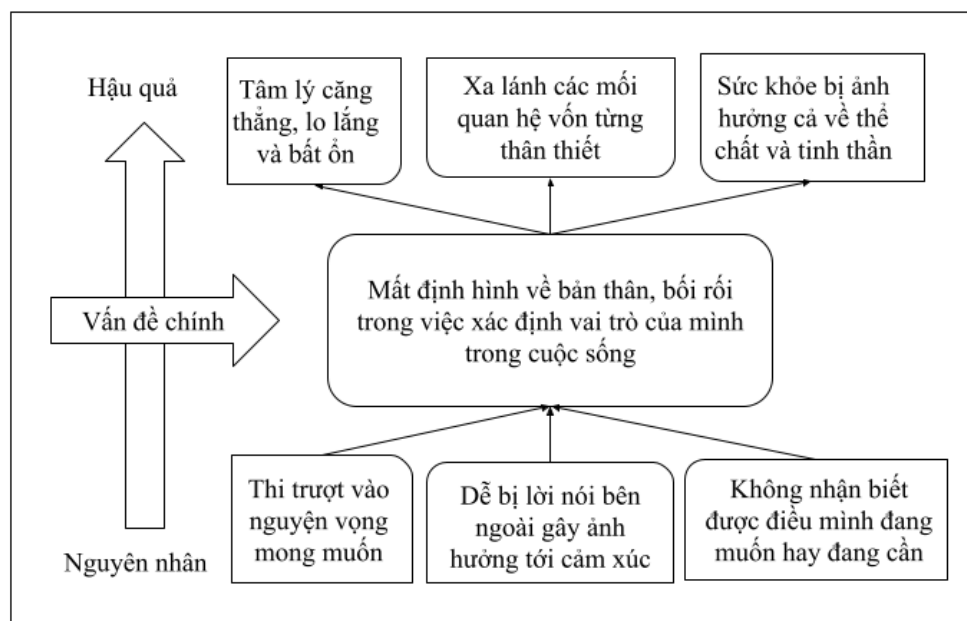
Trong quá trình lắng nghe và ghi chép, NVCTXH thực hiện đặt những câu hỏi phù hợp đan xen với nội dung câu chuyện nhằm khai thác thông tin để làm rõ vấn đề như:

- *“Vi sao giữa rất nhiều môn học, em lại thích môn văn?”*: ngày xưa bé, mẹ hay đọc truyện cho em nghe, lớn lên em phải tự đọc nhưng em vẫn thích, đọc nhiều khiến em muốn tự viết một cái gì đó của riêng mình, đoạn văn cũng được, mà truyện cũng được, nhưng em chưa viết được gì ra hồn cả, cũng có thể đó là lý do mà em trượt chuyên văn.
- *“Em cảm thấy như thế nào khi có rất nhiều người, từ bố mẹ, người thân tới bạn bè quanh em đều hỏi về việc thi cử của em? Liệu em có cảm thấy phiền không?”*: em không phiền, chỉ là em cảm thấy em làm mọi người thất vọng thôi, chị không biết đâu, bố mẹ luôn nghĩ em sẽ đỗ, có khi họ còn đi nói với họ hàng bạn bè là em đỗ ấy chứ, xong bây giờ em trượt, em xấu hổ lắm, nhiều lúc em ngủ dậy, chỉ muốn cứ trốn mãi trong phòng không ra ngoài gặp ai là tốt nhất.
- *“Ngoài sử dụng thuốc giảm đau để ngủ ra thì em đã thử tìm hiểu những cách khác để dễ ngủ hơn chưa? Nếu rồi có thể chia sẻ với chị vài cách em biết được không?”*: em thấy trên mạng bảo nghe nhạc tần số cao này, em còn nghe cả nhạc thiền cơ, nhưng cũng hên xui lắm, không phải lúc nào cũng ngủ được. Mà ngủ được cũng hay tự nhiên bị tỉnh, không được yên giấc.

Có thể thấy thân chủ đang gặp cùng lúc nhiều xúc cảm khác nhau trong mọi khía cạnh của cuộc sống, từ gia đình, bạn bè, tới chính cả bản thân thân chủ. Dưới góc nhìn CTXH, thông qua những chia sẻ của thân chủ, có thể thấy em đang trong giai đoạn của sự thất vọng, từ thất vọng kết quả bài thi, cho tới thất vọng về chính bản thân mình. Tuy nhiên, thân chủ lại quá sợ hãi việc chia sẻ nó ra với gia đình và bạn bè, phần vì không muốn bố mẹ lo lắng nhiều hơn, nhưng phần cũng là vì cảm thấy xấu hổ với thực tại đang phải trải qua. Có thể coi đây là 1 phần của sự khủng hoảng tuổi 15-16, khi mà những định nghĩa, hình ảnh về bản thân của thân chủ đều bị sụp đổ sau sự kiện trượt trường chuyên, khiến cho thân chủ mất định hình về bản thân, bối rối trong việc xác định vai trò của mình trong cuộc sống.

Giai đoạn 3: Phân tích vấn đề

Dựa trên thông tin thu thập được qua trao đổi với thân chủ, cùng với những nhận định ban đầu trong quá trình xác định vấn đề mà thân chủ đang gặp phải, NVCTXH đã cùng thân chủ phân tích các vấn đề theo sơ đồ cây vấn đề như sau:



Biểu đồ 3.1. Sơ đồ cây vấn đề

Từ cây vấn đề trên, NVCTXH có thể chỉ ra 1 cách rõ ràng cho thân chủ về nguyên nhân dẫn tới vấn đề chính của thân chủ và những hậu quả đã đang và sẽ có thể xảy ra với thân chủ. Từ đó có thể đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm hỗ trợ thân chủ tự mình xử lý và vượt qua vấn đề.

Giai đoạn 4: Đề xuất các giải pháp

Việc đề xuất các giải pháp phù hợp, ngoài dựa trên những vấn đề mà thân chủ đang gặp phải, NVCTXH cần chú trọng vào đặc điểm cá thể của thân chủ cùng với những nguồn lực hỗ trợ đang có để đưa ra các giải pháp đề xuất phù hợp, có tính khả thi trong ca tham vấn.

Để làm được điều này, NVCTXH sử dụng 02 công cụ để đánh giá xu hướng cũng như đặc điểm cá thể của thân chủ.

- Ma trận SWOT:

Ma trận SWOT là một công cụ hữu dụng được sử dụng nhằm hiểu rõ điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và nguy cơ của TC. Thông qua phân tích SWOT, NVCTXH sẽ nhìn rõ mục tiêu của mình cũng như các yếu tố trong và ngoài của TC có thể ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực tới mục tiêu mà NVCTXH đề ra. Trong quá trình xây dựng kế hoạch hỗ trợ, phân tích SWOT đóng vai trò là một công cụ căn bản nhất, hiệu quả cao giúp ta có cái nhìn tổng thể để có thể tìm nguồn lực hỗ trợ phù hợp với TC.

Ma trận SWOT được thực hiện bởi cả TC và sự quan sát của NVCTXH qua quá trình tham vấn.

| Ưu điểm (Strengths) | Khuyết điểm (Weaknesses) |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - TC là 1 cô bé rất thông minh, nhạy bén trong việc nhận thức vấn đề; - Thường hay suy nghĩ tới cảm nhận của người khác trước khi suy nghĩ | <ul style="list-style-type: none"> - Dễ bị ảnh hưởng cảm xúc bởi lời nói của người khác; - Thiếu tự tin trong việc đối mặt với những cảm xúc tiêu cực (như xấu hổ, |

| | |
|---|--|
| <p>tới cảm nhận của bản thân;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có nhiều mối quan hệ với bạn bè cùng trang lứa; - Có mối quan hệ tốt với bố mẹ; - Luôn cố gắng nỗ lực để đạt được mục tiêu đã đề ra; - Không ngại thay đổi bản thân nếu như điều đó có lợi. - Luôn chủ động thực hiện khi đã vạch ra được phương hướng/ kế hoạch. | <p>ngại ngừng, thất vọng,...)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuy có nhiều mối quan hệ với bạn bè nhưng lại thiếu mối quan hệ có sự khăng khít về mặt tình cảm cũng như niềm tin để có thể chia sẻ ra mọi chuyện; - Dễ nản khi gặp khó khăn trên chặng đường thực hiện mục tiêu. |
| <p>Cơ hội (Opportunities)</p> <ul style="list-style-type: none"> - TC hoàn toàn có khả năng tự nhận thức những vấn đề mình đang gặp phải; - Gia đình, bạn bè có sự ủng hộ cũng như hỗ trợ TC trong việc xử lý vấn đề của bản thân; | <p>Thách thức (Threats)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm xúc chưa vững vàng; - Chưa có kinh nghiệm đối phó với khủng hoảng; - Tuy gia đình và bạn bè ủng hộ nhưng TC có 1 vài khó khăn ở bản thân như: không thể tự đi xe đạp 1 mình do từng bị ngã khi mới tập đi. - Khó khăn trong việc đưa ra lựa chọn, nhất là khi có nhiều ý kiến khác nhau. |

Biểu đồ 3.2. Ma trận SWOT

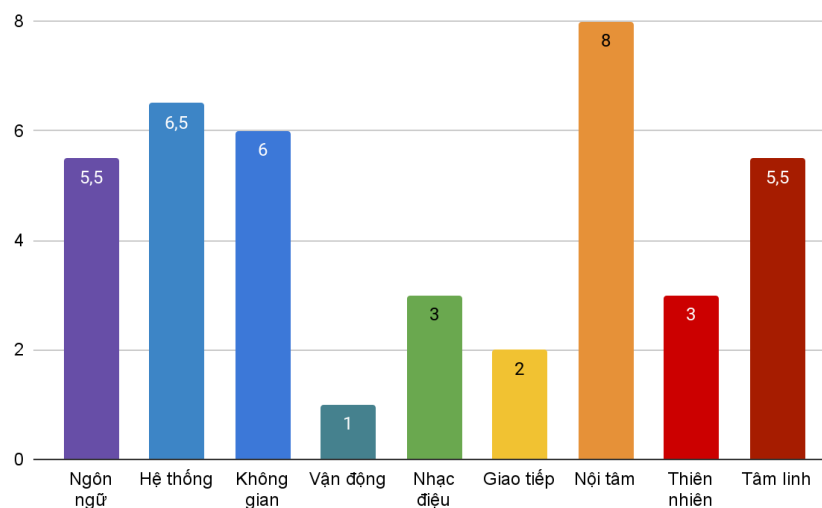
Từ ma trận SWOT, có thể thấy với mỗi điểm mạnh hay cơ hội của thân chủ, đều luôn có 1 điểm yếu hay thách thức đi kèm, như 1 sự kìm hãm khiến thân chủ khó có sự bứt phá để hoàn thiện vấn đề của bản thân. Các yếu tố cơ

hội như gia đình hay bạn bè ủng hộ là động lực vô cùng quan trọng để thân chủ khắc phục những khó khăn của bản thân. Việc đề xuất biện pháp nếu không thể giúp cải thiện điểm yếu thì nên tránh việc va chạm vào điểm yếu, để khiến thân chủ lung lay về mặt niềm tin ở bản thân. Cần đề xuất những giải pháp mang tính điểm mạnh và có cơ hội để thân chủ có thêm động lực và niềm tin tự mình xử lý vấn đề đang gặp phải.

- Trắc nghiệm đa trí thông minh:

Trắc nghiệm đa trí thông minh MI (Multiple Intelligences) là phương pháp đánh giá trí thông minh nổi trội của mỗi người, dựa trên Lý thuyết đa trí thông minh (Theory of Multiple Intelligences) nghiên cứu bởi Giáo sư Tâm lý học Howard Gardner. Từ đó giúp mỗi cá nhân hiểu bản thân mình hơn, cũng như đưa ra quyết định chính xác không chỉ với lựa chọn nghề nghiệp mà còn với tất cả vấn đề xoay quanh cuộc sống.

Thông qua trắc nghiệm đa trí thông minh, thân chủ có kết quả như sau:



Biểu đồ 3.3. Yếu tố thông minh nổi trội của thân chủ

Thông qua biểu đồ, ta có thể thấy, yếu tố nội tâm có chỉ số rất cao, điều này đồng nghĩa với việc bất kể hình thức hay nội dung nào tác động vào thân chủ, dù có biểu hiện ra ngoài hay không thì thân chủ thường có sự suy nghĩ

phân tích ở bên trong rất sâu sắc. Yếu tố vận động và giao tiếp có chỉ số khá khiêm tốn, cho thấy các giải pháp yêu cầu sự vận động và giao tiếp của thân chủ có thể sẽ không mang lại hiệu quả ngay tức thì nếu như các chỉ số này không được cải thiện. Yếu tố hệ thống và không gian có chỉ số khá cao, có thể trở thành các yếu tố hỗ trợ cho thân chủ trong quá trình xử lý vấn đề.

Một số đề xuất các giải pháp cải thiện vấn đề của thân chủ:

- *Cải thiện không gian sống*: không gian có thể kín đáo, riêng tư, nhưng cần có ánh sáng mặt trời vừa đủ cùng với độ thông thoáng phù hợp. Đây là yếu tố giúp tinh thần của thân chủ thoải mái hơn, đồng thời cũng hỗ trợ giấc ngủ của thân chủ trong quá trình cải thiện bản thân.

- *Cải thiện các mối quan hệ xã hội*: tuy thân chủ có nhiều mối quan hệ xã hội nhưng việc không có bạn để cùng chia sẻ tâm sự những chuyện mang cảm xúc tiêu cực khiến cho các mối quan hệ của thân chủ chỉ có vỏ ngoài, còn bên trong thì lại rỗng. Việc mở rộng mối quan hệ xã hội giúp tăng cơ hội cho thân chủ tìm thấy những người bạn có thể cùng chia sẻ với thân chủ mọi vấn đề. Ưu tiên các mối quan hệ có cùng sở thích với thân chủ như: đọc sách, viết văn,...

- *Tăng cường các hoạt động vận động nhẹ nhàng, tích cực*, nhằm hỗ trợ thân chủ điều chỉnh cảm xúc cũng như giúp hình thành các hành vi tích cực hơn như: bơi, tập yoga, đi bộ,...

- *Sắp xếp thời gian biểu hợp lý trong ngày*, nhất là khi thân chủ vừa trải qua quãng thời gian học hành bận rộn và căng thẳng, việc tạm dừng học có thể sẽ gây hụt hẫng khiến thân chủ thay đổi nếp sinh hoạt đột ngột, gây ảnh hưởng tới sức khỏe.

- *Xây dựng cuộc trò chuyện tích cực*: ban đầu là từ phía bố mẹ, sau đó là bạn bè, thân chủ cần xây dựng hoạt động trò chuyện tích cực với các mối quan hệ của bản thân, nhằm kết nối lại hệ thống mối quan hệ lúc

trước, tạo niềm tin cho thân chủ trong quá trình thực hiện những hoạt động khác.

Giai đoạn 5: Thảo luận và lựa chọn giải pháp

Thông qua thảo luận và đề thân chủ đề xuất ý kiến, NVCTXH cùng thân chủ đã lựa chọn 1 số giải pháp như sau:

- Thân chủ di chuyển từ phòng cũ (không có cửa sổ và thiếu sáng) sang ở cùng phòng với em gái. Tuy tính riêng tư có phần giảm bớt, nhưng vì lịch học của 2 chị em có sự khác nhau nên chủ yếu chỉ gặp nhau vào thời gian tối muộn hằng ngày.
- Thân chủ đề xuất mong muốn được tham gia 1 số hội nhóm ngoài nhà trường như lớp tiếng trung, câu lạc bộ sách Nhã Nam,...
- Vì không thích việc vận động, đặc biệt là khi phải làm 1 mình, phía gia đình thân chủ có sự ủng hộ bằng cách cuối tuần sẽ đưa thân chủ cùng em gái tới bể bơi bốn mùa để vừa vui chơi thư giãn, vừa tăng thêm tình cảm gia đình.
- Thân chủ thêm các đầu mục công việc hằng ngày thay thế cho khung giờ vốn là của các lớp học thêm như: nấu ăn cho gia đình, đọc sách, tự học tiếng anh, dạy học cho em gái. Ngoài ra thân chủ còn trồng cây nhằm tăng tính thư giãn cũng như học cách kiên trì trong quá trình chăm sóc cây từ hạt giống lên cây trưởng thành.
- Thân chủ cùng em gái lên kế hoạch trò chơi cho gia đình như: cờ cá ngựa, rút thăm bộ phim sẽ xem trong tối nay,... nhằm gia tăng các hoạt động tập thể trong gia đình, từ đó tăng cơ hội giao tiếp tích cực trong sinh hoạt gia đình hàng ngày.

Giai đoạn 6: Thực hiện giải pháp

Nhằm hỗ trợ thân chủ thực hiện giải pháp, lúc này ngoài đóng vai trò là nhà tham vấn hỗ trợ thân chủ trong quá trình thực hiện kế hoạch và giải pháp

đề ra, NVCTXH còn thực hiện vai trò cung cấp nguồn lực trợ giúp thân chủ trong từng giải pháp (nếu cần). Cụ thể:

- NVCTXH giới thiệu cho thân chủ lớp học tiếng trung cơ bản miễn phí cho học sinh THPT của Trung tâm tiếng trung giao tiếp Nghiêm Thùy Trang.
- NVCTXH hướng dẫn thân chủ tham gia câu lạc bộ sách Nhã Nam, bản thân NVCTXH cũng tham gia câu lạc bộ này, điều này giúp thân chủ bớt ngại ngùng khi vừa vào môi trường mới.
- NVCTXH hỗ trợ bố mẹ thân chủ tương tác tích cực với thân chủ thông qua hoạt động tham vấn cho bố mẹ thân chủ (nếu cần).

Trong quá trình thân chủ thực hiện giải pháp, NVCTXH theo sát từng nội dung thông qua trò chuyện với thân chủ và thu thập thông tin từ những người xung quanh thân chủ.

Giai đoạn 7: Đánh giá hiệu quả can thiệp và theo dõi

Sau 3 buổi tham vấn cho thân chủ, cùng 1 buổi gặp gỡ trao đổi trò chuyện với mẹ của thân chủ, các hoạt động giải pháp đang lần lượt được tiến hành. Bước đầu, thân chủ đã có cải thiện về cảm xúc, không còn trầm uất, mệt mỏi nữa. Giác ngủ cũng được cải thiện đáng kể khi thực hiện theo thời gian biểu hằng ngày.

Đối với mối quan hệ gia đình, thân chủ đã có thể thoải mái hơn khi trò chuyện với bố mẹ, không còn cảm giác nơm nớp lo sợ khi bố mẹ nhắc tới chuyện thi cử nữa. Các hoạt động trong gia đình ngày càng trở nên phong phú hơn khi không chỉ có thân chủ và em gái đề ra hoạt động mà phía bố mẹ thân chủ cũng có những đề xuất nhằm hỗ trợ thân chủ trong việc cùng nhau duy trì hoạt động gia đình.

Đối với các mối quan hệ bạn bè, thân chủ mới chỉ dừng lại ở mức hỏi thăm các bạn, chưa đủ tự tin để giải bày về bản thân. Điều này xảy ra do thời

gian nghỉ hè không tới trường, cùng với việc thân chủ không thể tự mình đi xe đạp ra ngoài, đã giới hạn phần nào cơ hội giao tiếp với bạn bè. Trong tương lai, khi việc đi xe đạp của thân chủ được thực hiện, cùng với việc quay trở lại trường học, thân chủ có thể sẽ dễ dàng hơn trong việc giao tiếp 1 cách tự tin và thoải mái với bạn bè.

Đối với bản thân thân chủ, tuy chưa thể ngay lập tức lấy lại sự tự tin ban đầu, nhưng thân chủ đã có những sự ổn định về cảm xúc cũng như ra quyết định cho bản thân mình.

Việc kết thúc ca sẽ được xem xét dựa trên sự cải thiện của thân chủ do thân chủ tự đánh giá, gia đình và bạn bè của thân chủ nhận xét cũng như sự quan sát của NVCTXH.

3.1.3. Lượng giá

Thông qua trường hợp tham vấn can thiệp trên, NVCTXH đã rút ra bài học:

- Trong quá trình thực hiện tham vấn, cần đảm bảo: nhạy bén trong nhìn nhận vấn đề, linh hoạt trong phương thức tiếp cận thân chủ, cởi mở trong giao tiếp và trân thành khi chia sẻ với thân chủ.

- Học sinh THPT là độ tuổi phức tạp về mặt tâm lý với những khủng hoảng khác nhau trong giai đoạn phát triển, vậy nên trong quá trình tham vấn, NVCTXH cần bình tĩnh, kiên nhẫn và lắng nghe tích cực đối với mọi điều thân chủ chia sẻ.

- Việc hợp tác của gia đình, nhà trường và các mối quan hệ xung quanh thân chủ là cơ hội tốt cho việc thúc đẩy mọi hoạt động giải pháp được thực hiện thuận lợi và theo đúng lộ trình.

Một số kỹ năng NVCTXH sử dụng trong quá trình TVCT cho TC:

- Kỹ năng lắng nghe tích cực: kỹ năng này thể hiện ở quá trình khi thân chủ giải bày vấn đề của mình, bất kể là vấn đề có mức độ nghiêm trọng hay

không, sự ảnh hưởng của vấn đề lớn như thế nào thì NVCTXH vẫn duy trì sự ổn định bình tĩnh khi lắng nghe nhằm nắm bắt chính xác toàn bộ vấn đề thay vì cảm thán hay thương cảm cho thân chủ.

- Kỹ năng khai thác thông tin: bất kể trường hợp nào, với thân chủ ra sao, NVCTXH cũng cần sử dụng kỹ năng này một cách hiệu quả. Nó không đơn thuần chỉ là thu thập thông tin, mà còn là yếu tố giúp NVCTXH đánh giá được đúng vấn đề mà TC đang gặp phải, từ đó đưa ra giải pháp hợp lý và toàn diện.

- Kỹ năng kêu gọi và kết nối nguồn lực: một mình thân chủ hay một mình NVCTXH không thể hoàn toàn tự mình giải quyết vấn đề nếu như không có sự hỗ trợ từ những nguồn lực như gia đình, nhà trường, bạn bè hay các tổ chức xã hội. Việc kết nối nguồn lực hợp lý và cần thiết có thể xây dựng giải pháp phong phú hơn, đồng thời giúp tiến trình thực hiện giải pháp trở nên thuận lợi hơn.

3.2. Cơ sở đề xuất biện pháp

3.2.1. Nguyên tắc đề xuất biện pháp

3.2.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học

Việc đảm bảo tính khoa học của biện pháp đề xuất cần phải được truyền thụ đầy đủ về mặt nội dung. Các thông tin sự kiện được cung cấp cần phải chính xác. Việc xử lý thông tin trong đề tài nghiên cứu cũng như biện pháp đưa ra cần phải khách quan và khoa học. Nội dung trong biện pháp phải được cập nhật, bổ sung những thông tin mới nhất, liên hệ với tri thức của các lĩnh vực khác nhau.

3.2.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi

Yêu cầu này đòi hỏi các biện pháp được đề xuất phải có khả năng áp dụng vào hoạt động TVHD thực tiễn tại các trường THPT một cách thuận lợi, trở thành hiện thực, đem lại hiệu quả cao trong việc hỗ trợ các em học sinh

THPT. Để thực hiện được điều này khi xây dựng biện pháp, TVV hay người thực hiện hoạt động TVHD phải đảm bảo hợp lý trong quy trình với các bước tiến hành cụ thể, chính xác. Các biện pháp phải được kiểm chứng, khảo nghiệm một cách có căn cứ khách quan và có khả năng thực hiện cao. Các biện pháp phải được thực hiện một cách rộng rãi và được điều chỉnh để ngày càng hoàn thiện.

3.2.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống

Biện pháp được đề xuất cần căn cứ vào mục tiêu, kiến thức cơ bản trọng tâm trong từng giai đoạn của học sinh, căn cứ vào đối tượng để thiết kế, lựa chọn ý tưởng cho từng hoạt động trong từng thời điểm khác nhau.

3.2.2. Cơ sở pháp lý

3.2.2.1. Thông tư 31/2017 của Bộ Giáo dục & Đào tạo

Thông tư 31 của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành ngày 18 tháng 12 năm 2017 nhằm “Hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông” với mục đích:

Phòng ngừa, hỗ trợ và can thiệp (khi cần thiết) đối với học sinh đang gặp khó khăn về tâm lý trong học tập và cuộc sống để tìm hướng giải quyết phù hợp, giảm thiểu tác động tiêu cực có thể xảy ra; góp phần xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện và phòng, chống bạo lực học đường.

Hỗ trợ học sinh rèn luyện kỹ năng sống; tăng cường ý chí, niềm tin, bản lĩnh, thái độ ứng xử phù hợp trong các mối quan hệ xã hội; rèn luyện sức khỏe thể chất và tinh thần, góp phần xây dựng và hoàn thiện nhân cách.

Thông tư được thực hiện dưới 2 nguyên tắc: Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng trong nhà trường và sự tham gia của cha mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của học sinh (gọi chung là cha mẹ học sinh) và các lực lượng ngoài nhà trường có liên quan trong các hoạt động tư vấn tâm lý

học sinh; Đảm bảo quyền được tham gia, tự nguyện, tự chủ, tự quyết định của học sinh và bảo mật thông tin trong các hoạt động tư vấn tâm lý theo quy định của pháp luật.

Việc đề xuất biện pháp được dựa trên mục đích hoạt động cũng như đảm bảo nguyên tắc khi thực hiện TVHD.

3.2.2.2. *Thông tư 33/2018 của Bộ Giáo dục & Đào tạo*

Thông tư 33 của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành ngày 28/11/2018 nhằm “Hướng dẫn công tác xã hội trong trường học” với mục đích: Nâng cao kiến thức và kỹ năng để người học tự giải quyết các khó khăn, căng thẳng, khủng hoảng tạm thời về tâm lý, phát huy tiềm năng, năng lực học tập của bản thân. Bảo vệ người học trước nguy cơ bị xâm hại, bị bạo lực, phòng tránh các tệ nạn xã hội, hạn chế tình trạng người học bỏ học, vi phạm pháp luật; Nâng cao nhận thức, kỹ năng của cha mẹ hoặc người giám hộ của người học trong việc hiểu, chia sẻ, đồng hành cùng người học. Hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong cơ sở giáo dục nâng cao kiến thức, kỹ năng về công tác xã hội trong trường học; Kết nối nguồn lực từ cộng đồng tham gia, phối hợp cùng cơ sở giáo dục thúc đẩy hoạt động công tác xã hội trong trường học.

Thông tư được thực hiện với việc đảm bảo nguyên tắc CTXH trong trường học gồm: Giữ bí mật các thông tin cá nhân của người học, trường hợp chia sẻ thông tin phải thực hiện theo quy định của pháp luật; Tôn trọng các đặc điểm riêng biệt, tính cách, phẩm chất, hoàn cảnh cá nhân của người học, đặt người học vào vị trí trung tâm của các hoạt động trợ giúp; Lắng nghe ý kiến của người học và tạo cơ hội để người học tham gia tối đa vào việc thảo luận các giải pháp đối với những vấn đề của bản thân.; Bảo đảm mọi quyết định đưa ra đều có sự cân nhắc kỹ lưỡng vì lợi ích tốt nhất của người học nhưng không xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người khác; Bảo đảm

mối quan hệ bình đẳng, khách quan, chuẩn mực giữa người học với người tham gia công tác xã hội trong trường học.

Việc đề xuất biện pháp thực hiện hoạt động vừa phải đảm bảo nguyên tắc thực hiện CTXH trường học, vừa phải đáp ứng phù hợp mục đích đã được đề ra.

3.2.3. Cơ sở thực tiễn

Việc đề xuất biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động TVHĐ trong trường THPT chú trọng vào 2 phần: 1 là khắc phục những yếu điểm, thiếu sót trong thực trạng thực hiện TVHĐ hiện tại; 2 là nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động đã và đang thực hiện tại trường.

Tuy nhiên, cơ sở để đưa ra đề xuất cần phải phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và tính chất của từng trường cũng như nhu cầu và mong muốn của học sinh tại ngôi trường đó. Sự đồng thuận và ủng hộ từ phía phụ huynh, học sinh, sự hỗ trợ từ chính quyền địa phương, khả năng tài chính và huy động nguồn lực hỗ trợ về chuyên môn cũng như vậy lực trở thành những yếu tố có tầm ảnh hưởng không nhỏ tới mức độ hiệu quả của hoạt động.

Điều này trở thành thách thức không nhỏ cho đội ngũ BGH nhà trường cũng như người thực hiện hoạt động TVHĐ trong trường THPT.

3.3. Các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tham vấn học đường tại trường Trung học phổ thông thành phố Hà Nội

3.3.1. Tập huấn cho đội ngũ cán bộ, giáo viên làm công tác tham vấn học đường kiến thức, kỹ năng tham vấn học đường và công tác xã hội học đường

Trong quá trình thực hiện khảo sát và tổ chức các hoạt động TVHĐ tại quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, tác giả nhận thấy trình độ, kinh nghiệm và kỹ năng chuyên môn của giáo viên phụ trách TVHĐ tại trường còn hạn chế nên việc hỗ trợ còn chưa thực sự hiệu quả. Vì vậy để nâng cao trình độ và

hiệu quả hoạt động cần: Tập huấn cho đội ngũ cán bộ, giáo viên làm công tác tham vấn học đường kiến thức, kỹ năng tham vấn học đường và công tác xã hội học đường từ đó nâng cao chất lượng hoạt động tạo niềm tin đối với các em.

Việc Tập huấn cho đội ngũ cán bộ, giáo viên làm công tác TVHĐ kiến thức, kỹ năng TVHĐ và CTXH đường phải được triển khai một cách thường xuyên để các thầy cô cập nhật những thông tin mới nhất cũng như những hoạt động phù hợp cho các em học sinh. Để đạt hiệu quả cần tổ chức các lớp tập huấn ngắn hạn và vào những ngày cuối tuần vì như vậy thì sẽ vừa không ảnh hưởng đến công việc hằng ngày vừa đảm bảo sự tham gia đầy đủ tại các lớp tập huấn. Kỹ năng chuyên môn vững, kinh nghiệm hoạt động phong phú là tiền đề để đa dạng hóa các hoạt động TVHĐ đồng thời nâng cao chất lượng các hoạt động này để giúp cho các em học sinh trong trường nói riêng và những người có nhu cầu hỗ trợ nói chung có cơ hội lựa chọn các loại hình trợ giúp với mình nhất. Từ đó hoạt động TVHĐ tại trường THPT sẽ đạt hiệu quả cao nhất.

Bên cạnh việc mở các lớp tập huấn cần tổ chức các buổi hội thảo, trao đổi kinh nghiệm giữa những người thực hành và các chuyên gia trong lĩnh vực TVHĐ nói riêng và CTXH nói chung, tạo cơ hội, môi trường để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm cũng như học hỏi lẫn nhau. Điều này rất có hiệu quả trong việc nâng cao trình độ chuyên môn trong công tác TVHĐ cho học sinh THPT.

Học sinh THPT là lứa tuổi có nhiều phức tạp trong suy nghĩ cũng như các em phải chịu nhiều áp lực khi đứng trước những lựa chọn lớn trong đời. Việc có NVCTXH hay TVV chuyên nghiệp hỗ trợ thực sự rất cần thiết và là yếu tố cấp thiết trong việc xây dựng và cải thiện hoạt động TVHĐ trong trường THPT.

3.3.2. Xây dựng kế hoạch tham vấn cụ thể cho học sinh

Thông qua khảo sát có thể thấy, các hoạt động tuy đã được đưa vào hoạt động nhưng còn chưa đầy đủ, chủ yếu tập trung vào các hoạt động TVPN và TVPT, còn đối với TVCT và TVPH thì hầu hết đều chưa có kế hoạch cụ thể cũng như chưa có phương hướng hành động rõ ràng.

Đối với hoạt động TVPN, cần duy trì các hoạt động thường xuyên, tính chất phổ quát nhằm tiếp cận được với học sinh toàn trường. TVPN không chỉ là 1 hoạt động TVHĐ cơ bản mà còn là lá chắn giúp bảo vệ các em học sinh trước những nguy cơ tiềm ẩn. Hoạt động có thể kết hợp với các buổi sinh hoạt lớp, sinh hoạt dưới cờ (theo hướng dẫn về các hình thức thực hiện hoạt động TVHĐ của Thông tư 31/2017 TT-BGDĐT), tuy nhiên cần có sự tách bạch nội dung của hoạt động TVPN với các nội dung hoạt động khác, đồng thời phải có sự lượng giá sau mỗi hoạt động nhằm nắm bắt nhu cầu xu hướng của các em, từ đó điều chỉnh hoạt động được phù hợp về cả nội dung, hình thức tổ chức và cách thức tiếp cận.

Đối với hoạt động TVCT, nhà trường cần xây dựng chương trình can thiệp phổ quát dành cho học sinh toàn trường, nhằm sàng lọc, phát hiện sớm những nguy cơ tiềm ẩn trong môi trường học đường cũng như trong chính mỗi học sinh. Chương trình can thiệp phổ quát cần được thực hiện định kỳ theo từng năm học hoặc từng kỳ học nhằm duy trì việc theo dõi diễn biến xu hướng phát triển của học sinh. Trong số các hoạt động TVHĐ, TVCT là một trong số những hoạt động yêu cầu chuyên môn kỹ thuật cao, đồng thời có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực lâm sàng trong học đường, nhằm nhạy bén trong việc nhìn nhận vấn đề, từ đó xây dựng kế hoạch phù hợp nhằm can thiệp giải quyết vấn đề mà học sinh đang mắc phải.

Đối với hoạt động TVPH, tương tự như TVCT, TVPH cũng cần chuyên môn kỹ thuật cao, đồng thời cũng cần người thực hiện có khả năng kết nối

nguồn lực cũng như các yếu tố có khả năng thúc đẩy sự phục hồi của học sinh như gia đình, bạn bè, thầy cô giáo. Với mỗi trường hợp, tùy vào mức độ nặng nhẹ, điều kiện hoàn cảnh, nguồn lực hỗ trợ, TVV phụ trách cần xây dựng lộ trình phù hợp riêng với từng đặc tính cá thể khác nhau. TVPH là 1 trong những hoạt động khó, yêu cầu người thực hiện cần nhạy bén, linh hoạt từ khâu tiếp nhận trường hợp cho tới khi lượng giá kết thúc làm việc.

Đối với hoạt động TVPT, đây là 1 hoạt động không có tính cố định, phân vì bị ảnh hưởng bởi tính cá thể ở mỗi trường khác nhau, mỗi nhóm học sinh khác nhau, phân vì hoạt động này cần đáp ứng được cả xu hướng phát triển của xã hội bên ngoài. Việc lựa chọn những nội dung, kiến thức, kỹ năng cho học sinh nhằm thúc đẩy học sinh phát triển, không ngừng bồi dưỡng hoàn thiện bản thân cần được phù hợp với xu hướng xã hội. Điều này không chỉ giúp các em bắt kịp được với những đổi thay không ngừng, còn giúp các em lường trước những khó khăn hay thách thức mà bản thân có thể gặp phải trong tương lai. Người thực hiện hoạt động cần có cái nhìn cởi mở, khách quan, không ngại tiếp nhận những điều mới mẻ, đồng thời cũng rất cần sự đa dạng trong cách thức hoạt động, nhằm ứng phó được với những tình huống bất ngờ, không lường trước có thể xảy ra.

Nhìn chung, việc chuẩn hóa chương trình kế hoạch TVHD cho học sinh THPT phụ thuộc rất nhiều vào năng lực chuyên môn cũng như tư chất của người quản lý hoạt động TVHD tại các trường.

3.3.3. Tổ chức các hoạt động truyền thông để học sinh được tiếp cận, tham gia các hoạt động tham vấn học đường

Học sinh thế hệ hiện đại luôn tò mò với những điều mới mẻ, những kiến thức nằm ngoài sách vở trường học, tuy nhiên không phải lúc nào và không phải gia đình nào cũng có đủ điều kiện để thỏa mãn sự tò mò này của các em. Việc tạo điều kiện để các em được tiếp cận với các thông tin kiến

thức cần thiết phụ thuộc nhiều vào những yếu tố bên ngoài, ngoài yếu tố chủ quan của các em.

Đối với nhà trường, sự chỉ đạo sáng suốt về đường lối cũng như cách thức thực hiện hoạt động là cơ hội tốt để các em được lựa chọn và tiếp cận với những thông tin, kiến thức phù hợp. Cơ sở vật chất cũng là 1 trong những yếu tố quan trọng khi đó vừa là môi trường hoạt động, vừa là yếu tố giúp việc trải nghiệm hoạt động của các em được thuận lợi hơn.

Đối với gia đình, phụ huynh cần có nhận thức cởi mở, cái nhìn khách quan, đồng thời cũng cần tương tác với con em mình nhiều hơn, thay vì chỉ đứng ở vai trò cung cấp nguồn lực. Sự tương tác của phụ huynh trong vai trò như người chia sẻ sẽ là 1 góc nhìn khác, giúp các em học sinh có những trải nghiệm đa dạng trong các vấn đề mình đang phải đương đầu, đồng thời cũng là cơ hội để gắn kết giữa cha mẹ và con cái.

Đối với giáo viên phụ trách TVHD cần lên kế hoạch cụ thể, phù hợp với tính đặc thù riêng của học sinh trường, nhằm giúp các em tiếp cận với thông tin, kiến thức cần thiết trong sự hứng thú và cầu thị

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3.

Như vậy, dựa trên ứng dụng thực tế cùng với kết quả khảo sát, tác giả đã đưa ra một số giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế và những khó khăn đang tồn tại khi tiến hành khảo sát nhằm giúp cho hoạt động TVHĐ được phát huy tối đa trong việc hỗ trợ các em học sinh THPT. Các giải pháp đó bao gồm, thứ nhất Tăng cường đội ngũ có chuyên môn về lĩnh vực công tác xã hội học đường nói chung và tham vấn học đường nói riêng, thứ hai Chuẩn hóa chương trình, kế hoạch tham vấn cho học sinh, thứ 3 Tạo mọi điều kiện để học sinh được tiếp cận với các thông tin, kiến thức cần thiết. Đối với mỗi giải pháp, tác giả đều nhìn nhận và phân tích dựa trên các khía cạnh khác nhau của TVHĐ như: Mục đích tham vấn (TVPN, TVCT, TVPH, TVPT), các yếu tố gây ảnh hưởng tới hoạt động TVHĐ (học sinh, nhà trường, cán bộ phụ trách, phụ huynh) và những lưu ý cần thiết đối với mỗi khía cạnh. Việc phân tích đánh giá này nhằm giúp cho người thực hiện hoạt động TVHĐ cũng như BGH nhà trường có thể nắm được những điểm quan trọng trong việc xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch TVHĐ trong tương lai.

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và tổng hợp các vấn đề có liên quan đến đề tài, cùng với đặc điểm nhu cầu khác nhau, tác giả lựa chọn hoạt động TVCT nhằm hỗ trợ hoạt động TVHĐ hiện tại tại địa bàn nghiên cứu, bước đầu thu được những kết quả khả quan về sự tiếp nhận và hưởng ứng của thân chủ và gia đình thân chủ. Điều này mang lại động lực cho NVCTXH nói riêng và nhà trường nói chung tiếp tục những hoạt động về sau này.

KẾT LUẬN

Tham vấn học đường là hoạt động ngày càng trở nên cần thiết nhằm đáp ứng những nhu cầu cấp bách về tâm lý cho các cấp học sinh đặc biệt là học sinh khối THPT. Qua những thông tin đã tìm hiểu trong bài tiểu luận này cho thấy: những hoạt động tham vấn học đường tại các trường THPT tại thành phố Hà Nội còn rất hạn chế về cả nội dung cũng như hình thức thực hiện. Giữa trường THPT công lập và THPT công lập tự chủ tài chính cũng gặp phải những khó khăn nhất định trong việc tổ chức, xây dựng và duy trì hoạt động TVHĐ. Thực trạng này bị tác động bởi nhiều yếu tố khác nhau bao gồm: chính sách pháp luật, nhà trường, thầy cô làm công tác thực hiện hoạt động, phụ huynh và chính các em học sinh. Trong đó, yếu tố kỹ năng chuyên môn nghề CTXH trong đội ngũ giáo viên thực hiện hoạt động TVHĐ còn yếu thiếu sót và yếu kém là yếu tố cần được bồi dưỡng cải thiện. Điều này khiến cho mức độ tiếp cận của học sinh đối với hoạt động chưa đồng đều, hiểu biết của các em cũng như phụ huynh về ý nghĩa hoạt động chưa được cao, khó tránh khỏi những nhầm lẫn trong việc nhận thức vấn đề của bản thân cũng như tìm kiếm sự hỗ trợ khi cần thiết. Tuy nhiên, với sự ủng hộ hỗ trợ từ phía nhà trường, cùng sự năng động và tò mò học hỏi, các em học sinh THPT đã nhanh chóng nắm bắt thông tin, thể hiện sự hào hứng, cầu thị cũng như mong muốn trong việc được tham gia hoạt động dưới nhiều hình thức và vai trò khác nhau. Góp phần thúc đẩy sự thuận lợi trong công tác xây dựng và thực hiện hoạt động TVHĐ cho học sinh THPT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tham khảo tiếng việt

1. Lê Thục Anh (2017), "Tâm lý học đường và sự cần thiết trợ giúp tâm lý trong nhà trường phổ thông hiện nay", *Tạp chí khoa học*, Tập 46 (Số 3B), Trang 12 - 19.
2. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2017), *Hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông*, Thông tư 31/2017/TT-BGDĐT.
3. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2018), *Hướng dẫn công tác xã hội trong trường học*, Thông tư 33/2018/TT-BGDĐT.
4. Nguyễn Thị Chính (2006), *Tham vấn cho học sinh trung học phổ thông có hành vi lệch chuẩn học đường*, Trường Khoa học xã hội và Nhân văn.
5. Chính phủ (2017), *Quy định môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường*, Nghị định 80/2017/NĐ-CP.
6. Vũ Dũng (2008), *Từ điển Tâm lý học*, Nxb Khoa học xã hội
7. Trần Thị Minh Đức (2009) *Giáo Trình Tham Vấn Tâm Lý*, NXB Đại Học Quốc Gia.
8. Trần Thị Minh Đức. (2012). *Giáo trình tham vấn tâm lý*. Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội.
9. Nguyễn Thị Kiều Hạnh và cộng sự (2020), "50 năm truyền thống trường Quang Trung – Đống Đa", *Kỷ yếu trường Trung học phổ thông Quang Trung – Đống Đa*, Số đặc biệt: Kỷ niệm 50 năm ngày thành lập trường. Trang 6 - 11.
10. Nguyễn Thị Minh Hằng (2009), "Mô hình hoạt động của nhà tâm lý học đường", *Tạp chí Tâm lý học*, Số 3, Trang 35 - 40.
11. Dương Thị Diệu Hoa (2008) - *Giáo trình tâm lý học phát triển*, NXB Đại học Sư Phạm.

12. Đặng Bá Lâm, Đặng Hoàng Minh (2013), "Từ tâm lý học lâm sàng tới tư vấn tâm lý trường học", *Việt Nam học*, Số: Kỷ yếu hội thảo Quốc tế lần thứ IV, Trang 152 - 158.
13. Lê Minh Loan (2009), "Một số yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động tham vấn tâm lý cho học sinh của các trường Trung học phổ thông", *Tạp chí Tâm lý học*, Số 5, Trang 11 - 16.
14. Đặng Thanh Nga (2007), *Đặc điểm tâm lý của người chưa thành niên có hành vi phạm tội*, Luận án Tiến sĩ, Viện Tâm lý học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.
15. Hoàng Anh Phước (2006), *Một số kỹ năng tham vấn cơ bản của cán bộ tham vấn học đường*, Đề tài khoa học công nghệ cấp trường, mã số SPHN - 09 -435NCS.
16. Hoàng Anh Phước (2011), "Thực trạng một số kỹ năng tham vấn cơ bản của cán bộ tham vấn học đường", *Tạp chí Tâm lý học*, số 8/2011, Trang 62 – 75.
17. Hoàng Anh Phước (2012), *Kỹ năng tham vấn của cán bộ tham vấn học đường*, Bộ Giáo Dục và Đào Tạo, Đại học Sư phạm Hà Nội.
18. Huỳnh Mai Trang (2007), *Thực trạng hoạt động tham vấn học đường tại các trường trung học ở nội thành Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ Tâm lý học, Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.
19. Phạm Văn Tư (2012), *Tâm lý học xã hội* (giáo trình dành cho sinh viên ngành Công tác xã hội), NXB Đại học sư phạm Hà Nội.
20. Phạm Văn Tư (2010), "Nhu cầu được tham vấn tâm lý của học sinh trung học phổ thông", *Tạp chí khoa học*, trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Tập 55 (Số 5), Trang 95 – 104.

Tài liệu tham khảo tiếng anh

21. Robert L. Barker (2014), *The Social Work Dictionary*. NASW Press.
22. Robert A. Baron (1998), *Social Psychology*, 4th Edition, Allyn and Bacon.
23. Derek Chechak (2008), *The roles of a social worker*, School of Social Work, King's University College, UWO.
24. Weston, Drew, Glen O. Gabbard and Kile M. Ortigo (2008), *Psychoanalytic approaches to personality*. Trang 61 - 113.
25. Colin Feltham and Windy Dryden, (2004). *Dictionary of Counselling*.
26. Brian. T. McMahon. (2000). *Rehabilitation counseling and education* (study document).
27. Ed. Neukrug (2000), *The world of counselors*.
28. Conyne Robert. (1997). *Educating Students in Preventive Counseling*. Counselor Education and Supervision.
29. Steve Self (2005). *Consultation & Advisory*.
30. Brehm, S.S. (1989), *Social Psychology*, Boston, Houghton Mifflin Company

PHỤ LỤC 1 PHIẾU KHẢO SÁT

(Dành cho học sinh)

Em thân mến!

Nhằm thực hiện mục đích nghiên cứu đề tài “Hoạt động tham vấn học đường cho học sinh trung học phổ thông tại quận Đống Đa, thành phố Hà Nội”, đồng thời góp phần tạo điều kiện cho các em bày tỏ ý kiến về vấn đề này, các em tham gia trả lời phiếu khảo sát sau đây. Mọi thông tin các em cung cấp chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu và sẽ hoàn toàn ẩn danh. Sự hợp tác của em sẽ giúp chúng tôi rất nhiều trong quá trình thực hiện nghiên cứu này.

Xin trân thành cảm ơn các em!

(Đánh dấu X vào các ô và mà em lựa chọn; Đối với các đáp án chọn 1 đáp án đúng nhất; Đối với các đáp án có thể chọn nhiều đáp án cùng lúc).

I. THÔNG TIN CHUNG

Em hãy vui lòng cho biết đôi điều về bản thân?

1.1. Họ và tên (có thể không điền):.....

1.2. Giới tính: Nam Nữ

1.3. Học tập:

Lớp 10 Lớp 11 Lớp 12

1.4. Em đang sống cùng ai?

Bố mẹ

Người nuôi dưỡng (ông bà, họ hàng)

Cơ sở bảo trợ xã hội

1.5. Em đã được nghe đến cụm từ “Tham vấn học đường” chưa?

(Nếu chưa, bỏ qua câu 1.6)

Đã từng nghe

Chưa từng nghe

1.6. Em được nghe tới cụm từ “Tham vấn học đường” nhiều nhất qua đâu?

Các hoạt động của nhà trường

- Bạn bè
- Gia đình
- Mạng xã hội
- Sách báo/ Phương tiện thông tin đại chúng

II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÁC HOẠT ĐỘNG THAM VẤN HỌC ĐƯỜNG CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

2.1. Thực trạng nhu cầu của học sinh tại địa bàn nghiên cứu về các hoạt động tham vấn học đường

2.1.1. Em tham gia các câu lạc bộ/ hội nhóm nào tại trường?

- Câu lạc bộ Tiếng anh
- Câu lạc bộ Nhà khoa học trẻ
- Câu lạc bộ Văn hóa đọc sáng tạo
- Câu lạc bộ Nhảy hiện đại
- Đội múa trường
- Khác (ghi rõ):.....
- Không tham gia (nếu chọn vui lòng bỏ qua câu 2.1.2)

2.1.2. Mục đích tham gia câu lạc bộ trường của em là:

- Vì vui và thích các hoạt động ngoại khóa tập thể
- Vì được bạn bè rủ
- Chỉ để giết thời gian rảnh
- Để được cộng thêm điểm ngoại khóa

2.1.3. Em có thường cảm thấy bản thân bị căng thẳng bởi những yếu tố nào trong cuộc sống:

- Việc học tập
- Việc thi cử
- Các mối quan hệ bạn bè
- Mối quan hệ gia đình
- Mối quan hệ với giáo viên
- Các vấn đề cá nhân (bệnh tật, tương lai, nghề nghiệp, cảm xúc,...)
- Rất ít hoặc chẳng bao giờ bị căng thẳng (nếu chọn đáp án này, bỏ qua câu 2.1.4)

Khác (ghi rõ):.....

**2.1.4. Mức độ căng thẳng của em đối với từng yếu tố như thế nào?
(Đánh dấu X vào ô tương ứng)**

| STT | Yếu tố | Mức độ | | | |
|-----|---|-------------------|-------------------|----------------|---------------------|
| | | Rất căng thẳng | Khá căng thẳng | Bình thường | Không căng thẳng |
| 1 | Việc học tập | | | | |
| 2 | Việc thi cử | | | | |
| 3 | Các mối quan hệ bạn bè | | | | |
| 4 | Mối quan hệ gia đình | | | | |
| 5 | Mối quan hệ với giáo viên | | | | |
| 6 | Các vấn đề cá nhân (bệnh tật, tương lai, nghề nghiệp, cảm xúc, ...) | | | | |
| 7 | Khác | | | | |

2.1.5. Mỗi khi bị căng thẳng, em thường tìm tới cách nào để giảm bớt căng thẳng?

- Chẳng làm gì, mặc kệ rồi nó sẽ qua
- Chia sẻ với gia đình, người thân
- Chia sẻ với bạn bè, người quen
- Chia sẻ với thầy cô giáo

Không chia sẻ với ai, tự mình giải quyết

2.1.6. Em đánh giá mức độ hiệu quả của những cách giảm bớt căng thẳng như thế nào? (Đánh dấu X vào ô tương ứng)

| STT | Yếu tố | Mức độ | | | |
|-----|--|--------------|--------------|-------------|----------------|
| | | Rất hiệu quả | Khá hiệu quả | Bình thường | Không hiệu quả |
| 1 | Chẳng làm gì, mặc kệ rồi nó sẽ qua | | | | |
| 2 | Chia sẻ với gia đình, người thân | | | | |
| 3 | Chia sẻ với bạn bè, người quen | | | | |
| 4 | Chia sẻ với thầy cô giáo | | | | |
| 5 | Không chia sẻ với ai, tự mình giải quyết | | | | |

2.1.7. Với 24 giờ 1 ngày, em đang dành trung bình bao nhiêu thời gian cho những hoạt động sau (Đánh dấu X vào ô tương ứng; Tổng thời gian các cột không vượt quá 24 giờ):

| Thời gian | Hoạt động | | | |
|-----------|-----------|------------|---------|------|
| | Học tập | Ngoại khóa | Cá nhân | Khác |
| 1 giờ | | | | |
| 2 giờ | | | | |

| | | | | |
|--------|--|--|--|--|
| 3 giờ | | | | |
| 4 giờ | | | | |
| 5 giờ | | | | |
| 6 giờ | | | | |
| 7 giờ | | | | |
| 8 giờ | | | | |
| 9 giờ | | | | |
| 10 giờ | | | | |

2.1.8. Với 24 giờ 1 ngày, em mong muốn dành trung bình bao nhiêu thời gian cho những hoạt động sau (Đánh dấu X vào ô tương ứng; Tổng thời gian các cột không vượt quá 24 giờ):

| Thời gian | Hoạt động | | | |
|-----------|-----------|------------|---------|------|
| | Học tập | Ngoại khóa | Cá nhân | Khác |
| 1 giờ | | | | |
| 2 giờ | | | | |
| 3 giờ | | | | |
| 4 giờ | | | | |
| 5 giờ | | | | |

| | | | | |
|--------|--|--|--|--|
| 6 giờ | | | | |
| 7 giờ | | | | |
| 8 giờ | | | | |
| 9 giờ | | | | |
| 10 giờ | | | | |

2.2. Thực trạng hoạt động tham vấn phòng ngừa cho học sinh tại địa bàn nghiên cứu

2.2.1. Em đã được tham gia các hoạt động tham vấn phòng ngừa nào sau đây?

- Thăm khám sức khỏe định kỳ
- Hoạt động tuyên truyền tác hại các hành vi tiêu cực trong học đường như: bạo lực học đường, tác động tiêu cực của mạng xã hội, tệ nạn xã hội, nghiện chất kích thích, ...
- Hoạt động giáo dục kiến thức như: Giáo dục giới tính, sức khỏe sinh sản, căng thẳng trong học đường, ...
- Hoạt động trang bị kỹ năng phòng tránh các hành vi tiêu cực trong học đường như: bạo lực học đường, tác động tiêu cực của mạng xã hội, tệ nạn xã hội, nghiện chất kích thích, các vấn đề liên quan tới căng thẳng tâm lý, ...
- Hoạt động giao lưu trao đổi kiến thức, kỹ năng nhằm tăng cường năng lực tự giải quyết vấn đề của học sinh như: Xử lý tai nạn thương tích, tự bảo vệ bản thân trước tác động xấu của xã hội, ...

2.2.2. Ai là người thực hiện các hoạt động tham vấn phòng ngừa em được tham gia?

| Nội dung | Tần suất | | | |
|---|--------------------------|----------------------------------|------------------------------------|----------------------------------|
| | Ban giám hiệu nhà trường | Thầy cô được nhà trường chỉ định | Thầy cô phụ trách Tư vấn học đường | Thầy cô ngoài trường được mời về |
| Tuyên truyền phòng ngừa các hành vi tiêu cực trong học đường | | | | |
| Giáo dục bồi dưỡng kiến thức | | | | |
| Trang bị kỹ năng phòng tránh các hành vi tiêu cực trong học đường | | | | |
| Giao lưu trao đổi kinh nghiệm phòng ngừa vấn đề học đường | | | | |

2.2.3. Tần suất các hoạt động tham vấn phòng ngừa em được tham gia như thế nào?

| Nội dung | Tần suất | | | |
|--|------------------|--------------|--------------|--------------|
| | Rất thường xuyên | Thường xuyên | Thỉnh thoảng | Chưa bao giờ |
| Tuyên truyền phòng ngừa các hành vi tiêu cực trong học đường | | | | |
| Giáo dục bồi dưỡng kiến | | | | |

| | | | | |
|---|--|--|--|--|
| thức | | | | |
| Trang bị kỹ năng phòng tránh các hành vi tiêu cực trong học đường | | | | |
| Giao lưu trao đổi kinh nghiệm phòng ngừa vấn đề học đường | | | | |

2.2.4. Quy mô các hoạt động tham vấn phòng ngừa mà em được tham gia như thế nào?

| Quy mô | Hoạt động | | | |
|--|-------------------------|------------------------------|------------------|-------------------------------|
| | Tuyên truyền phòng ngừa | Giáo dục bồi dưỡng kiến thức | Trang bị kỹ năng | Giao lưu trao đổi kinh nghiệm |
| Toàn trường | | | | |
| Theo khối (Khối 10, khối 11, khối 12, khối sáng, khối chiều) | | | | |
| Theo ban (ban xã hội, ban tự nhiên) | | | | |
| Theo lớp bất kỳ | | | | |
| Theo lớp được lựa chọn | | | | |
| Theo nhóm bất kỳ | | | | |

| | | | | |
|-------------------------------|--|--|--|--|
| Theo nhóm được lựa chọn | | | | |
| Theo cá nhân bất kỳ | | | | |
| Theo cá nhân được lựa chọn | | | | |

2.2.5. Theo em, mức độ hiệu quả của các nội dung của hoạt động tham vấn phòng ngừa như thế nào?

| Nội dung | Mức độ | | | |
|---|--------------|----------|-------------|----------------|
| | Rất hiệu quả | Hiệu quả | Bình thường | Không hiệu quả |
| Tuyên truyền phòng ngừa các hành vi tiêu cực trong học đường | | | | |
| Giáo dục bồi dưỡng kiến thức | | | | |
| Trang bị kỹ năng phòng tránh các hành vi tiêu cực trong học đường | | | | |
| Giao lưu trao đổi kinh nghiệm phòng ngừa vấn đề học đường | | | | |

2.2.6. Mức độ hài lòng của em đối với người thực hiện các hoạt động tham vấn phòng ngừa như thế nào?

| Nội dung | Mức độ | | | |
|------------------------------------|--------------|----------|-------------|----------------|
| | Rất hài lòng | Hài lòng | Bình thường | Không hài lòng |
| Ban giám hiệu nhà trường | | | | |
| Thầy cô được nhà trường chỉ định | | | | |
| Thầy cô phụ trách Tư vấn học đường | | | | |
| Thầy cô ngoài trường được mời về | | | | |

2.2.7. Theo em, yếu tố nào khiến các hoạt động tham vấn phòng ngừa còn hạn chế? (Có thể chọn nhiều phương án)

- Nội dung hoạt động còn đơn điệu, nghèo nàn
- Thiếu đội ngũ cán bộ làm công tác chuyên môn
- Hình thức hoạt động chưa hấp dẫn
- Sự tham gia của các bạn trong trường không đồng đều
- Phụ huynh chưa quan tâm, ủng hộ
- Thầy cô giáo chưa quan tâm, ủng hộ
- Cộng đồng chưa quan tâm, ủng hộ
- Không có địa điểm sinh hoạt, thiếu cơ sở vật chất, tài liệu truyền thông
- Không được tham gia các hoạt động

Khác (ghi rõ):

2.2.8. Theo em, có nên nhân rộng các hoạt động tham vấn phòng ngừa không? Vì sao?

Có

Không

Vì.....

2.3. Thực trạng hoạt động tham vấn can thiệp cho học sinh tại địa bàn nghiên cứu

2.3.1. Em đã được tham gia các hoạt động tham vấn can thiệp nào sau đây?

- Tiếp nhận thông tin, đánh giá, phân loại trường hợp ban đầu;
- Hỗ trợ giải tỏa căng thẳng thông qua trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ tâm tư vướng mắc
- Chưa được tham gia hoạt động nào. (Nếu chọn đáp này, vui lòng tiếp tục câu 2.3.6).

2.3.2. Ai là người thực hiện các hoạt động tham can thiệp em được tham gia?

- Ban giám hiệu nhà trường
- Thầy cô được nhà trường chỉ định
- Thầy cô phụ trách Tư vấn học đường
- Thầy cô ngoài trường được mời về

2.3.3. Hình thức của các hoạt động tham vấn can thiệp như thế nào?

- Cá nhân 1-1, giữa 1 học sinh và 1 người thực hiện
- Nhóm, giữa nhiều học sinh và 1 người thực hiện hoặc ngược lại
- Gia đình, giữa gia đình học sinh và người thực hiện
- Toàn trường

2.3.4. Mức độ hài lòng của em đối với người thực hiện hoạt động tham vấn can thiệp như thế nào? (Đánh X vào ô tương ứng)

| Nội dung | Mức độ | | | |
|------------------------------------|--------------|----------|-------------|----------------|
| | Rất hài lòng | Hài lòng | Bình thường | Không hài lòng |
| Ban giám hiệu nhà trường | | | | |
| Thầy cô được nhà trường chỉ định | | | | |
| Thầy cô phụ trách Tư vấn học đường | | | | |
| Thầy cô ngoài trường được mời về | | | | |

2.3.5. Theo em, mức độ hiệu quả của các hoạt động tham vấn can thiệp như thế nào?

| Các hoạt động | Mức độ | | | |
|---|--------------|--------------|-------------|----------------|
| | Rất hiệu quả | Khá hiệu quả | Bình thường | Không hiệu quả |
| Tiếp nhận thông tin, đánh giá, phân loại trường hợp ban đầu; | | | | |
| Hỗ trợ giải tỏa căng thẳng thông qua trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ tâm tư vướng mắc | | | | |

2.3.6. Theo em, yếu tố nào khiến các hoạt động tham vấn can thiệp còn hạn chế? (Có thể chọn nhiều phương án)

- Nội dung hoạt động còn đơn điệu, nghèo nàn
- Thiếu đội ngũ cán bộ làm công tác chuyên môn
- Hình thức hoạt động chưa hấp dẫn
- Sự tham gia của các bạn trong trường không đồng đều
- Phụ huynh chưa quan tâm, ủng hộ
- Thầy cô giáo chưa quan tâm, ủng hộ
- Chính sách khắt khe, cộng đồng, xã hội chưa quan tâm, ủng hộ
- Không có địa điểm sinh hoạt, thiếu cơ sở vật chất, tài liệu truyền thông
- Không được tham gia các hoạt động
- Khác (ghi rõ):

2.4. Thực trạng hoạt động tham vấn phục hồi cho học sinh tại địa bàn nghiên cứu

2.4.1. Em đã được tham gia những hoạt động tham vấn phục hồi nào sau đây?

- Trực tiếp hỗ trợ học sinh;
- Kết nối nguồn lực phù hợp hỗ trợ học sinh;
- Chưa tham gia hoạt động tham vấn phục hồi nào
- (Nếu chưa tham gia hoạt động tham vấn phục hồi nào, vui lòng tiếp tục ở câu 2.4.6)

2.4.2. Ai là người thực hiện các hoạt động tham vấn phục hồi em được tham gia?

- Ban giám hiệu nhà trường
- Thầy cô được nhà trường chỉ định
- Thầy cô phụ trách Tư vấn học đường
- Thầy cô ngoài trường được mời về

2.4.3. Hình thức của các hoạt động tham vấn can thiệp phục hồi như thế nào?

- Cá nhân 1-1, giữa 1 học sinh và 1 người thực hiện
- Nhóm, giữa nhiều học sinh và 1 người thực hiện hoặc ngược lại

Gia đình, giữa gia đình học sinh và người thực hiện

2.4.4. Mức độ hài lòng của em đối với người thực hiện hoạt động tham vấn phục hồi như thế nào? (Đánh X vào ô tương ứng)

| Nội dung | Mức độ | | | |
|------------------------------------|--------------|----------|-------------|----------------|
| | Rất hài lòng | Hài lòng | Bình thường | Không hài lòng |
| Ban giám hiệu nhà trường | | | | |
| Thầy cô được nhà trường chỉ định | | | | |
| Thầy cô phụ trách Tư vấn học đường | | | | |
| Thầy cô ngoài trường được mời về | | | | |

2.4.5. Theo em, mức độ hiệu quả của các hoạt động tham vấn phục hồi như thế nào? (Đánh X vào ô tương ứng)

| Các hoạt động | Mức độ | | | |
|------------------------------------|--------------|--------------|-------------|----------------|
| | Rất hiệu quả | Khá hiệu quả | Bình thường | Không hiệu quả |
| Tham vấn phục hồi thể chất | | | | |
| Tham vấn phục hồi tinh thần | | | | |
| Tham vấn phục hồi chức năng xã hội | | | | |

2.4.6. Theo em, yếu tố nào khiến các hoạt động tham vấn phục hồi còn hạn chế?

Nội dung hoạt động còn đơn điệu, nghèo nàn

Thiếu đội ngũ cán bộ làm công tác chuyên môn

- Hình thức hoạt động chưa hấp dẫn
- Sự tham gia của các bạn trong trường không đồng đều
- Phụ huynh chưa quan tâm, ủng hộ
- Thầy cô giáo chưa quan tâm, ủng hộ
- Chính sách khắt khe, chưa tiếp cận được tới cộng đồng, xã hội
- Không có địa điểm sinh hoạt, thiếu cơ sở vật chất, tài liệu truyền

thông

- Không được tham gia các hoạt động

Khác (ghi rõ):

2.5. Thực trạng hoạt động tham vấn phát triển cho học sinh tại địa bàn nghiên cứu

2.5.1. Em đã được tham gia hoạt động tham vấn phát triển nào?

- Hoạt động giáo dục kỹ năng sống cần thiết theo độ tuổi: giao tiếp, quản lý thời gian, quản lý tài chính, ...
- Hoạt động giáo dục trang bị kiến thức nâng cao như: định hình năng lực bản thân, phát triển cá nhân, ...
- Hoạt động trải nghiệm thực tế và hướng nghiệp

2.5.2. Ai là người thực hiện những hoạt động tham vấn phát triển em được tham gia?

- Ban giám hiệu nhà trường
- Thầy cô được nhà trường chỉ định
- Thầy cô phụ trách Tư vấn học đường
- Thầy cô ngoài trường được mời về

2.5.3. Tần suất các hoạt động tham vấn phát triển em được tham gia như thế nào? (Đánh dấu X vào ô tương ứng)

| Nội dung | Tần suất | | | |
|-------------------------------------|------------------|--------------|--------------|--------------|
| | Rất thường xuyên | Thường xuyên | Thỉnh thoảng | Chưa bao giờ |
| Trang bị kỹ năng sống theo độ tuổi | | | | |
| Bồi dưỡng kiến thức cá nhân | | | | |
| Trải nghiệm thực tế và hướng nghiệp | | | | |

2.5.4. Quy mô các hoạt động tham vấn phát triển mà em được tham gia như thế nào?

- Toàn trường
 Theo khối (Khối 10, khối 11, khối 12, khối sáng, khối chiều)
 Theo ban (ban xã hội, ban tự nhiên)
 Theo lớp bất kỳ
 Theo lớp được lựa chọn
 Theo nhóm bất kỳ
 Theo nhóm được lựa chọn
 Theo cá nhân bất kỳ
 Theo cá nhân được lựa chọn

2.5.5. Theo em, mức độ hiệu quả của các nội dung của hoạt động tham vấn phát triển như thế nào? (Đánh dấu X vào ô tương ứng)

| Nội dung | Mức độ | | | |
|----------------------------|--------------|----------|-------------|----------------|
| | Rất hiệu quả | Hiệu quả | Bình thường | Không hiệu quả |
| Trang bị kỹ năng sống theo | | | | |

| | | | | |
|-------------------------------------|--|--|--|--|
| độ tuổi | | | | |
| Bồi dưỡng kiến thức cá nhân | | | | |
| Trải nghiệm thực tế và hướng nghiệp | | | | |

2.5.6. Mức độ hài lòng của em đối với người thực hiện các hoạt động tham vấn phát triển như thế nào? (Đánh dấu X vào ô tương ứng)

| Nội dung | Mức độ | | | |
|------------------------------------|--------------|----------|-------------|----------------|
| | Rất hài lòng | Hài lòng | Bình thường | Không hài lòng |
| Ban giám hiệu nhà trường | | | | |
| Thầy cô được nhà trường chỉ định | | | | |
| Thầy cô phụ trách Tư vấn học đường | | | | |
| Thầy cô ngoài trường được mời về | | | | |

2.5.7. Theo em, yếu tố nào khiến các hoạt động tham vấn phát triển còn hạn chế? (Có thể chọn nhiều phương án)

- Nội dung hoạt động còn đơn điệu, nghèo nàn
- Thiếu đội ngũ cán bộ làm công tác chuyên môn
- Hình thức hoạt động chưa hấp dẫn
- Sự tham gia của các bạn trong trường không đồng đều
- Phụ huynh chưa quan tâm, ủng hộ
- Thầy cô giáo chưa quan tâm, ủng hộ
- Cộng đồng chưa quan tâm, ủng hộ
- Không có địa điểm sinh hoạt, thiếu cơ sở vật chất, tài liệu truyền thông

Không được tham gia các hoạt động

Khác (ghi rõ):

2.5.8. Theo em, có nên nhân rộng các hoạt động tham vấn phát triển không? Vì sao?

Có

Không

Vi.....

.....

.....

Một lần nữa, xin chân thành cảm ơn!

Hết

(Nếu chưa, bỏ qua câu 1.10)

1.10. Thầy cô được nghe tới cụm từ “Tham vấn học đường” qua đâu ?

- | | |
|---|---|
| <input type="checkbox"/> Các hoạt động của nhà trường | <input type="checkbox"/> Mạng xã hội/ Phương tiện thông tin đại chúng |
| <input type="checkbox"/> Học sinh | <input type="checkbox"/> Sách báo |
| <input type="checkbox"/> Đồng nghiệp | |

II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÁC HOẠT ĐỘNG THAM VẤN HỌC ĐƯỜNG CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

2.1. Các hoạt động tham vấn học đường nào hiện nay đang có tại trường thầy cô công tác?

Tuyên truyền phòng ngừa các hành vi tiêu cực trong học đường như: bạo lực học đường, tác động tiêu cực của mạng xã hội, tệ nạn xã hội, nghiện chất kích thích,...

Giáo dục bồi dưỡng kiến thức như: giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản, sử dụng không gian mạng lành mạnh,...

Trang bị kỹ năng phòng tránh các hành vi tiêu cực trong học đường như: bạo lực học đường, tác động tiêu cực của mạng xã hội, tệ nạn xã hội, nghiện chất kích thích, các vấn đề liên quan tới căng thẳng tâm lý,...

Giao lưu trao đổi kinh nghiệm phòng ngừa vấn đề học đường như: phòng tránh tai nạn thương tích, xử lý các tình huống xấu bất ngờ,...

Tiếp nhận thông tin, đánh giá, phân loại trường hợp ban đầu;

Hỗ trợ giải tỏa căng thẳng thông qua trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ tâm tư vướng mắc;

Trực tiếp hỗ trợ học sinh;

Kết nối nguồn lực phù hợp hỗ trợ học sinh

Trang bị kỹ năng sống theo độ tuổi: giao tiếp, quản lý thời gian, quản lý tài chính,...

Bồi dưỡng kiến thức cá nhân như: định hình năng lực bản thân, phát triển cá nhân,...

Trải nghiệm thực tế và hướng nghiệp

2.2. Các hoạt động tham vấn học đường tại trường thầy cô đang công tác hiện nay do ai quản lý, hướng dẫn hoạt động?

Ngành giáo dục

Ban giám hiệu nhà trường

Thầy cô bất kỳ được nhà trường chỉ định

Thầy cô phụ trách Tư vấn học đường

2.3. Các hoạt động tham vấn học đường tại trường thầy cô đang công tác hiện nay do ai chịu trách nhiệm thực hiện?

Ban giám hiệu nhà trường

Thầy cô bất kỳ được nhà trường chỉ định

Thầy cô phụ trách Tư vấn học đường

Thầy cô ngoài trường được mời về

2.4. Theo thầy cô, mức độ hiệu quả của các hoạt động tham vấn học đường đang có tại trường hiện nay như thế nào?

| STT | Nội dung | Mức độ | | | |
|-----|---|--------------|----------|-------------|----------------|
| | | Rất hiệu quả | Hiệu quả | Bình thường | Không hiệu quả |
| 1 | Tuyên truyền phòng ngừa các hành vi tiêu cực trong học đường như: bạo lực học đường, tác động tiêu cực của mạng xã hội, tệ nạn xã hội, nghiện chất kích thích,... | | | | |
| 2 | Giáo dục bồi dưỡng kiến thức như: giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản, sử dụng không gian mạng lành mạnh,... | | | | |

| | | | | | |
|----|--|--|--|--|--|
| 3 | Trang bị kỹ năng phòng tránh các hành vi tiêu cực trong học đường như: bạo lực học đường, tác động tiêu cực của mạng xã hội, tệ nạn xã hội, nghiện chất kích thích, các vấn đề liên quan tới căng thẳng tâm lý,... | | | | |
| 4 | Giao lưu trao đổi kinh nghiệm phòng ngừa vấn đề học đường như: phòng tránh tai nạn thương tích, xử lý các tình huống xấu bất ngờ,... | | | | |
| 5 | Tiếp nhận thông tin, đánh giá, phân loại trường hợp ban đầu; | | | | |
| 6 | Hỗ trợ giải tỏa căng thẳng thông qua trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ tâm tư vướng mắc | | | | |
| 7 | Trực tiếp hỗ trợ học sinh; | | | | |
| 8 | Kết nối nguồn lực phù hợp hỗ trợ học sinh. | | | | |
| 9 | Trang bị kỹ năng sống theo độ tuổi: giao tiếp, quản lý thời gian, quản lý tài chính,... | | | | |
| 10 | Bồi dưỡng kiến thức cá nhân như: định hình năng lực bản thân, phát triển cá nhân,... | | | | |
| 11 | Trải nghiệm thực tế và hướng nghiệp: học sinh tham quan và | | | | |

| | | | | | |
|----|---|--|--|--|--|
| | trải nghiệm các công việc khác nhau, định hướng nghề nghiệp theo năng lực và sở thích cá nhân,... | | | | |
| 12 | Tuyên truyền phòng ngừa các hành vi tiêu cực trong học đường như: bạo lực học đường, tác động tiêu cực của mạng xã hội, tệ nạn xã hội, nghiện chất kích thích,... | | | | |

2.5. Theo thầy cô, yếu tố nào khiến các hoạt động tham vấn học đường còn hạn chế?

- Nội dung hoạt động còn đơn điệu, nghèo nàn
- Thiếu đội ngũ cán bộ làm công tác chuyên môn
- Hình thức hoạt động chưa hấp dẫn
- Sự tham gia của các bạn trong trường không đồng đều
- Phụ huynh chưa quan tâm, ủng hộ
- Thầy cô giáo chưa quan tâm, ủng hộ
- Cộng đồng chưa quan tâm, ủng hộ
- Không có địa điểm sinh hoạt, thiếu cơ sở vật chất, tài liệu truyền thông
- Khác (ghi rõ):

2.6. Theo thầy cô, có nên nhân rộng các hoạt động tham vấn học đường không? Vì sao?

- Có Không

Vì.....

.....

.....

Một lần nữa, xin chân thành cảm ơn!
Hết

PHIẾU KHẢO SÁT

(Dành cho phụ huynh)

Quý phụ huynh thân mến!

Nhằm thực hiện mục đích nghiên cứu đề tài “Hoạt động tham vấn học đường cho học sinh trung học phổ thông tại quận Đống Đa, thành phố Hà Nội”, đồng thời góp phần tạo điều kiện cho anh/chị bày tỏ ý kiến về vấn đề này, anh/chị tham gia trả lời phiếu khảo sát sau đây. Mọi thông tin anh/chị cung cấp chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu và sẽ hoàn toàn ẩn danh. Sự hợp tác của anh/chị sẽ giúp chúng tôi rất nhiều trong quá trình thực hiện nghiên cứu này.

Xin trân thành cảm ơn anh/chị!

(Đánh dấu X vào các ô và mà thầy cô lựa chọn; Đối với các đáp án chọn 1 đáp án đúng nhất; Đối với các đáp án có thể chọn nhiều đáp án cùng lúc).

I. THÔNG TIN CHUNG

Anh/chị hãy vui lòng cho biết đôi điều về bản thân?

1.1. Họ và tên (Có thể không điền):

1.2. Năm sinh:.....

1.3. Giới tính: Nam Nữ

1.4. Dân tộc:.....

1.5. Trình độ học vấn cao nhất đạt được của anh/chị (lớp/hệ):/.....

1.6. Trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất đạt được của anh/chị?

Học nghề

Đại học

Trung cấp

Trên đại học

Cao đẳng

1.7. Nghề nghiệp hiện tại của anh/chị là gì?

- | | |
|--|---|
| <input type="radio"/> Công, nhân viên chức nhà nước | <input type="radio"/> Người làm nghề tự do (nhà văn, biên phiên dịch,...) |
| <input type="radio"/> Lao động phổ thông (công nhân, thợ điện, thợ thủ công,...) | <input type="radio"/> Nội trợ |
| <input type="radio"/> Chuyên gia (bác sỹ, kỹ sư, luật sư, giáo viên,...) | <input type="radio"/> Tự kinh doanh/ Tự làm chủ |
| | <input type="radio"/> Thất nghiệp |
| | <input type="radio"/> Đã nghỉ hưu |

1.8. Anh/ chị đã được nghe đến cụm từ “Tham vấn học đường” chưa?

- Có Không

(Nếu chưa, bỏ qua câu 1.10)

1.9. Anh/ chị được nghe tới cụm từ “Tham vấn học đường” qua đâu ?

- | | |
|---|---|
| <input type="checkbox"/> Các hoạt động của nhà trường | <input type="checkbox"/> Đồng nghiệp |
| <input type="checkbox"/> Thầy cô trong trường | <input type="checkbox"/> Mạng xã hội/ Phương tiện thông tin đại chúng |
| <input type="checkbox"/> Các con | <input type="checkbox"/> Sách báo |
| <input type="checkbox"/> Bạn bè | |

II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÁC HOẠT ĐỘNG THAM VẤN HỌC ĐƯỜNG CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**2.1. Các con của anh/ chị đã được tham gia hoạt động tham vấn học đường nào sau đây?**

Tuyên truyền phòng ngừa các hành vi tiêu cực trong học đường như: bạo lực học đường, tác động tiêu cực của mạng xã hội, tệ nạn xã hội, nghiện chất kích thích,...

Giáo dục bồi dưỡng kiến thức như: giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản, sử dụng không gian mạng lành mạnh,...

Trang bị kỹ năng phòng tránh các hành vi tiêu cực trong học đường như: bạo lực học đường, tác động tiêu cực của mạng xã hội, tệ nạn xã hội, nghiện chất kích thích, các vấn đề liên quan tới căng thẳng tâm lý,...

Giao lưu trao đổi kinh nghiệm phòng ngừa vấn đề học đường như: phòng tránh tai nạn thương tích, xử lý các tình huống xấu bất ngờ,...

Tiếp nhận thông tin, đánh giá, phân loại trường hợp ban đầu;

Hỗ trợ giải tỏa căng thẳng thông qua trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ tâm tư vướng mắc

Trực tiếp hỗ trợ học sinh;

Kết nối nguồn lực phù hợp hỗ trợ học sinh.

Trang bị kỹ năng sống theo độ tuổi: giao tiếp, quản lý thời gian, quản lý tài chính,...

Bồi dưỡng kiến thức cá nhân như: định hình năng lực bản thân, phát triển cá nhân,...

Trải nghiệm thực tế và hướng nghiệp: học sinh tham quan và trải nghiệm các công việc khác nhau, định hướng nghề nghiệp theo năng lực và sở thích cá nhân,...

2.2. Theo anh/ chị, mức độ hiệu quả của các hoạt động tham vấn học đường đối với các con như thế nào?

| STT | Nội dung | Mức độ | | | | |
|-----|---|--------------|----------|-------------|----------------|---------------|
| | | Rất hiệu quả | Hiệu quả | Bình thường | Không hiệu quả | Chưa tham gia |
| 1 | Tuyên truyền phòng ngừa các hành vi tiêu cực trong học đường như: bạo lực học đường, tác động tiêu cực của mạng xã hội, tệ nạn xã hội, nghiện chất kích thích,... | | | | | |
| 2 | Giáo dục bồi dưỡng kiến thức như: giáo dục giới tính và sức khỏe sinh | | | | | |

| | | | | | | |
|----|--|--|--|--|--|--|
| | sản, sử dụng không gian mạng lành mạnh,... | | | | | |
| 3 | Trang bị kỹ năng phòng tránh các hành vi tiêu cực trong học đường như: bạo lực học đường, tác động tiêu cực của mạng xã hội, tệ nạn xã hội, nghiện chất kích thích, các vấn đề liên quan tới căng thẳng tâm lý,... | | | | | |
| 4 | Giao lưu trao đổi kinh nghiệm phòng ngừa vấn đề học đường như: phòng tránh tai nạn thương tích, xử lý các tình huống xấu bất ngờ,... | | | | | |
| 5 | Tiếp nhận thông tin, đánh giá, phân loại trường hợp ban đầu; | | | | | |
| 6 | Hỗ trợ giải tỏa căng thẳng thông qua trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ tâm tư vướng mắc | | | | | |
| 7 | Trực tiếp hỗ trợ học sinh; | | | | | |
| 8 | Kết nối nguồn lực phù hợp hỗ trợ học sinh. | | | | | |
| 9 | Trang bị kỹ năng sống theo độ tuổi: giao tiếp, quản lý thời gian, quản lý tài chính,... | | | | | |
| 10 | Bồi dưỡng kiến thức cá nhân như: định hình năng lực bản thân, phát triển | | | | | |

| | | | | | | |
|----|---|--|--|--|--|--|
| | cá nhân,... | | | | | |
| 11 | Trải nghiệm thực tế và hướng nghiệp: học sinh tham quan và trải nghiệm các công việc khác nhau, định hướng nghề nghiệp theo năng lực và sở thích cá nhân,... | | | | | |
| 12 | Tuyên truyền phòng ngừa các hành vi tiêu cực trong học đường như: bạo lực học đường, tác động tiêu cực của mạng xã hội, tệ nạn xã hội, nghiện chất kích thích,... | | | | | |
| 13 | Tuyên truyền phòng ngừa các hành vi tiêu cực trong học đường như: bạo lực học đường, tác động tiêu cực của mạng xã hội, tệ nạn xã hội, nghiện chất kích thích,... | | | | | |

2.3. Anh/ chị sẵn sàng chi trả bao nhiêu tiền cho một kỳ học trong việc chăm sóc sức khỏe tinh thần cho con em thông qua hoạt động tham vấn học đường?

- 499.000VND trở xuống
- 500.000 - 999.000VND
- 1.000.000 - 1.499.000VND
- 1.500.000 - 2.000.000VND
- Không đồng ý chi trả

2.4. Theo anh/ chị, yếu tố nào khiến các hoạt động tham vấn học đường còn hạn chế?

- Nội dung hoạt động còn đơn điệu, nghèo nàn
- Thiếu đội ngũ cán bộ làm công tác chuyên môn
- Hình thức hoạt động chưa hấp dẫn
- Sự tham gia của các bạn trong trường không đồng đều
- Phụ huynh chưa quan tâm, ủng hộ
- Thầy cô giáo chưa quan tâm, ủng hộ
- Cộng đồng chưa quan tâm, ủng hộ
- Không có địa điểm sinh hoạt, thiếu cơ sở vật chất, tài liệu truyền thông
- Khác (ghi rõ):

2.4. Theo anh/ chị, có nên nhân rộng các hoạt động tham vấn học đường không? Vì sao?

- Có Không

Vì.....

.....

.....

Một lần nữa, xin chân thành cảm ơn!

Hết

PHỤ LỤC 2

Một số câu hỏi phỏng vấn sâu

I. Với học sinh

1. Gợi ý câu hỏi để học sinh giới thiệu về bản thân, nơi ở hiện tại, hoàn cảnh gia đình (sống cùng bố mẹ đẻ hay không? Điều kiện kinh tế ra sao?)

2. Trước đây, em đã từng gặp phải những tình huống nào trong cuộc sống làm em cảm thấy khó xử không? (bạo lực học đường, căng thẳng, trầm cảm,...) lúc đó em cảm thấy thế nào?

3. Ở trường em thường gặp những trở ngại gì? (những thất bại trong trường học: không thành công trong học tập?; có chịu áp lực học tập như thế nào không?)

4. Trong gia đình, em nhận thấy bố mẹ (người thân) quan tâm đến học tập và giáo dục đạo đức cho em như thế nào?

5. Khi gặp phải vấn đề khó khăn gì em thường tâm sự, chia sẻ với ai, nhờ ai trợ giúp mình không?

6. Em đã từng đến gặp tham vấn viên nhờ sự giúp đỡ chưa?

7. Theo em những yếu tố nào ảnh hưởng đến việc thực hiện các hoạt động tham vấn học đường?

8. Em có đề xuất biện pháp nào để hoạt động tham vấn học đường được thực hiện tốt hơn không?

II. Với giáo viên

1. Thầy cô có suy nghĩ như thế nào về các hoạt động tham vấn học đường tại trường?

2. Theo thầy cô nhóm học sinh nào cần được tham vấn hơn cả?

3. Theo thầy cô, những nguyên nhân nào dẫn đến nhu cầu tham vấn của học sinh? Nguyên nhân nào là nguyên nhân chủ yếu?

4. Theo thầy cô hoạt động tham vấn học đường cho học sinh có ảnh hưởng đến quá trình học tập của học sinh như thế nào?

5. Việc học tập ở lớp của học sinh được tham gia hoạt động tham vấn học đường có thay đổi như thế nào?

6. Theo thầy cô có cần thiết phải có các tham vấn viên cho hoạt động tham vấn học đường cho học sinh không?

III. Phụ huynh học sinh

1. Anh/chị có thường xuyên trò chuyện với con về những dự định, sở thích của con mình không?

2. Anh/chị có suy nghĩ gì về các hoạt động tham vấn học đường trong nhà trường hiện nay?

3. Anh/chị có khó khăn gì trong việc tiếp xúc hay trò chuyện riêng với con không?

4. Anh/chị có quan tâm đến bạn bè của con mình không? ở trường cháu thường chơi thân với ai và có tham gia vào nhóm nào ạ?

5. Anh/chị có biết đến những hoạt động tại trường mà cháu tham gia không?

6. Sau khi được tham gia các hoạt động tham vấn học đường tại trường, anh/chị nhận thấy sự thay đổi của các con theo hướng như thế nào?

7. Theo anh/chị, có thực sự cần thiết tổ chức các hoạt động tham vấn học đường tại trường hay không?

PHỤ LỤC 3

Bảng 2.9. Yếu tố khiến các hoạt động tham vấn còn hạn chế tại trường THPT Quang Trung

| STT | Yếu tố | TVPN | TVCT | TVPH | TVPT | Xếp loại |
|-----|--|------|------|------|------|-----------------------------|
| 1 | Chính sách khắt khe, chưa tiếp cận được tới cộng đồng, xã hội | 48 | 1 | 1 | 74 | 3 (124 lượt chọn) |
| 2 | Thầy cô giáo chưa quan tâm, ủng hộ | 33 | 1 | 1 | 44 | 6 (79 lượt chọn) |
| 3 | Thiếu đội ngũ cán bộ làm công tác chuyên môn | 68 | 15 | 13 | 61 | 1 (157 lượt chọn) |
| 4 | Nội dung hoạt động còn đơn điệu, nghèo nàn | 23 | 8 | 11 | 66 | 4 (118 lượt chọn) |
| 5 | Hình thức hoạt động chưa hấp dẫn | 42 | 3 | 7 | 57 | 5 (109 lượt chọn) |
| 6 | Không có địa điểm sinh hoạt, thiếu cơ sở vật chất, tài liệu truyền thông | 11 | 0 | 0 | 54 | 7 (65 lượt chọn) |
| 7 | Phụ huynh chưa quan tâm, ủng hộ | 55 | 4 | 9 | 71 | 2 (139 lượt chọn) |
| 8 | Sự tham gia của các bạn trong trường không đồng đều | 11 | 9 | 1 | 37 | 8 (58 lượt chọn) |

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

**Bảng 2.10. Yếu tố khiến các hoạt động tham vấn còn hạn chế tại trường THPT
Phan Huy Chú**

| STT | Yếu tố | TVPN | TVCT | TVPH | TVPT | Xếp loại |
|------------|--|-------------|-------------|-------------|-------------|-----------------------------|
| 1 | Chính sách khắt khe, chưa tiếp cận được tới cộng đồng, xã hội | 52 | 2 | 0 | 63 | 3 (117 lượt chọn) |
| 2 | Thầy cô giáo chưa quan tâm, ủng hộ | 40 | 2 | 3 | 27 | 7 (72 lượt chọn) |
| 3 | Thiếu đội ngũ cán bộ làm công tác chuyên môn | 71 | 7 | 3 | 53 | 2 (134 lượt chọn) |
| 4 | Nội dung hoạt động còn đơn điệu, nghèo nàn | 32 | 7 | 8 | 54 | 5 (101 lượt chọn) |
| 5 | Hình thức hoạt động chưa hấp dẫn | 22 | 11 | 2 | 74 | 4 (109 lượt chọn) |
| 6 | Không có địa điểm sinh hoạt, thiếu cơ sở vật chất, tài liệu truyền thông | 70 | 7 | 15 | 72 | 1 (164 lượt chọn) |
| 7 | Phụ huynh chưa quan tâm, ủng hộ | 19 | 7 | 5 | 26 | 8 (57 lượt chọn) |
| 8 | Sự tham gia của các bạn trong trường không đồng đều | 66 | 5 | 0 | 12 | 6 (83 lượt chọn) |

(Nguồn: Kết quả khảo sát)